BÁCH KHOA

SỐ 54 — NGÀY 1-4-1959

Trong số này :

HOÀNG-THỤC-TRINH — Vấn đề phát triển nông nghiệp tại Việt-nam.

NGUYỄN-TƯƠNG-NHƯ — Thống nhất thoại.

PHẠM-HOÀNG — « Thân dân » « đi sát với dân »

PHAN-VĂN-THIẾT — Án tử hình.

ĐOÀN-THÊM — Triển lãm Hội-họa mùa Xuân Kỷ-Hợi.

NGUYỄN-QUANG-NHẠ — Thú chơi hoa ngày Xuân.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU — Ngô-Thời-Nhậm.

PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch) — Giáo-hội Ki-Tô và Văn-hóa Trung-hoa.

VƯƠNG-HỒNG-SỂN — Thú chơi sách.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ — Cái chết của Socrate.

Cô PHƯƠNG-THẢO — Điểm sách.

TIỀU-DÂN — Không gian liên hành-tinh thuộc về ai ?

PHẠM-HOÀN-MĨ — Lạc-vương hay Hùng-vương.

ĐỖ-TẤN — Mười hai năm (thơ).

BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í — Tiếng địa phương.

B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN — Danh từ y ngữ.

HUY-LỰC — Cuộc đời ôi tuyệt đẹp (thơ).

TƯỜNG-LINH — Thuyền trăng (thơ).

LAN ĐÌNH — Người khóc thầm ban đêm (truyện ngắn).

KIỀU-YIÊU — Hai anh em họ Thương (dịch Liêu-trai).

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) — Khói lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " Eau de Vie cũ " 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tửu"

— Rượu Tàu " Tích-Thọ-Tửu "

SI-RÔ " Verigoud " :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Buổi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm " Distarome "

DISTILLERIES
de L'INDOCHINE

NƯỚC HOA và DẦU THƠM **« D.I.C. »** :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY **(S.F.D.I.C.)**
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ **(S.I.C.A.)** — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

HÃNG RƯỢU **NHIỀU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS
CHOLON

COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN
1$
8

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

Xin hiền Quý khách

Giá du-ngoạn đặc-biệt

(có giá-trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG *(khứ hồi)* :

$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT *(khứ hồi)* :

$ 570 — mỗi người

XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25 26 — 23,446-47

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C° MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth « MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto « MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

10.000 Kms
de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coutera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

* * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

DE PLUS EN PLUS de possibilités vous sont offertes pour le même prix.

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées

NHÀ THUỐC

LA THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

— LEDERLE (Huê-Kỳ)

— GLAXO (Anh-Quốc)

— LILLY (Huê-Kỳ)

— SQUIBB (Huê-Kỳ)

— PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)

— SCHERING (Huê-Kỳ)

— AMBRINE (Pháp-Quốc)

— DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)

— DON BAXTER (Huê-Kỳ)

— ỐNG CHÍCH và KIM CHÍCH « IDEAL » (Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

— IODOPHEDRINE « MUS » (Thuốc suyễn)

— BANCAMYD (Trị ban cãm trẻ em)

— ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS » (Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mữa kiết lỵ, kiết đàm, kiết máu)

— SIROP PECTORAL « MUS » (Thuốc ho)

— MUSTONIC (Thuốc bổ)

— SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)

— ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)

— VERMI « MUS » (Trị sán lải)

— HEPATOMUS (Trị bịnh gan)

— LINIMUS (Dầu thoa bóp)

— CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)

— CORTAL (sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bào chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ

CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm

SHELL

Để dùng vào

KỸ-NGHỆ

NÔNG-NGHIỆP

và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

Quý Ngài những hoá-phẩm

do dầu hoả chế ra.

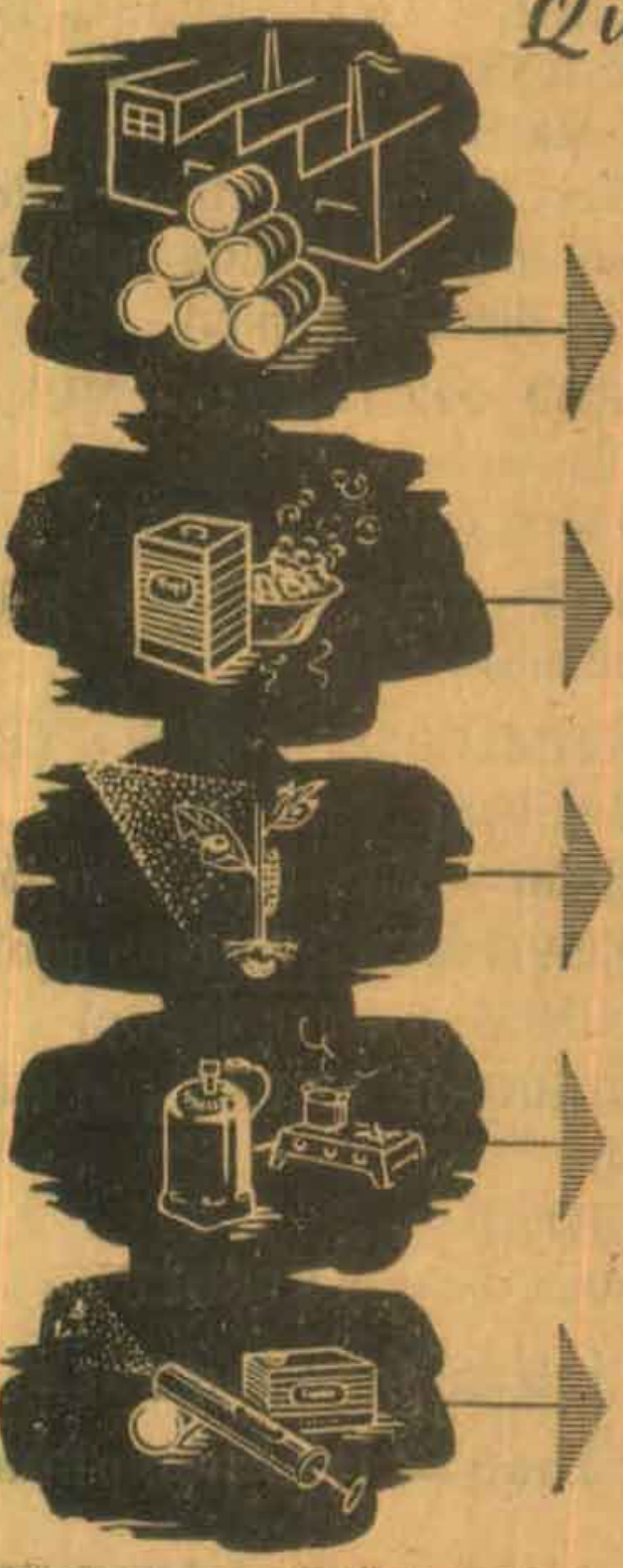

Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá-học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để dun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

Có DẦU trong đời sống của ta

Tuy nhiều khi ta không trông, nghe hay ngửi thấy, nhưng dầu vẫn có đó.

Nhờ có dầu mà hầu hết các máy phát điện ở Việt-Nam mới chạy được.

Nhờ có dầu mà ta có ánh sáng để đọc sách và điện lực để chạy máy in sách.

Dầu góp một phần quan trọng vào đời sống của ta.

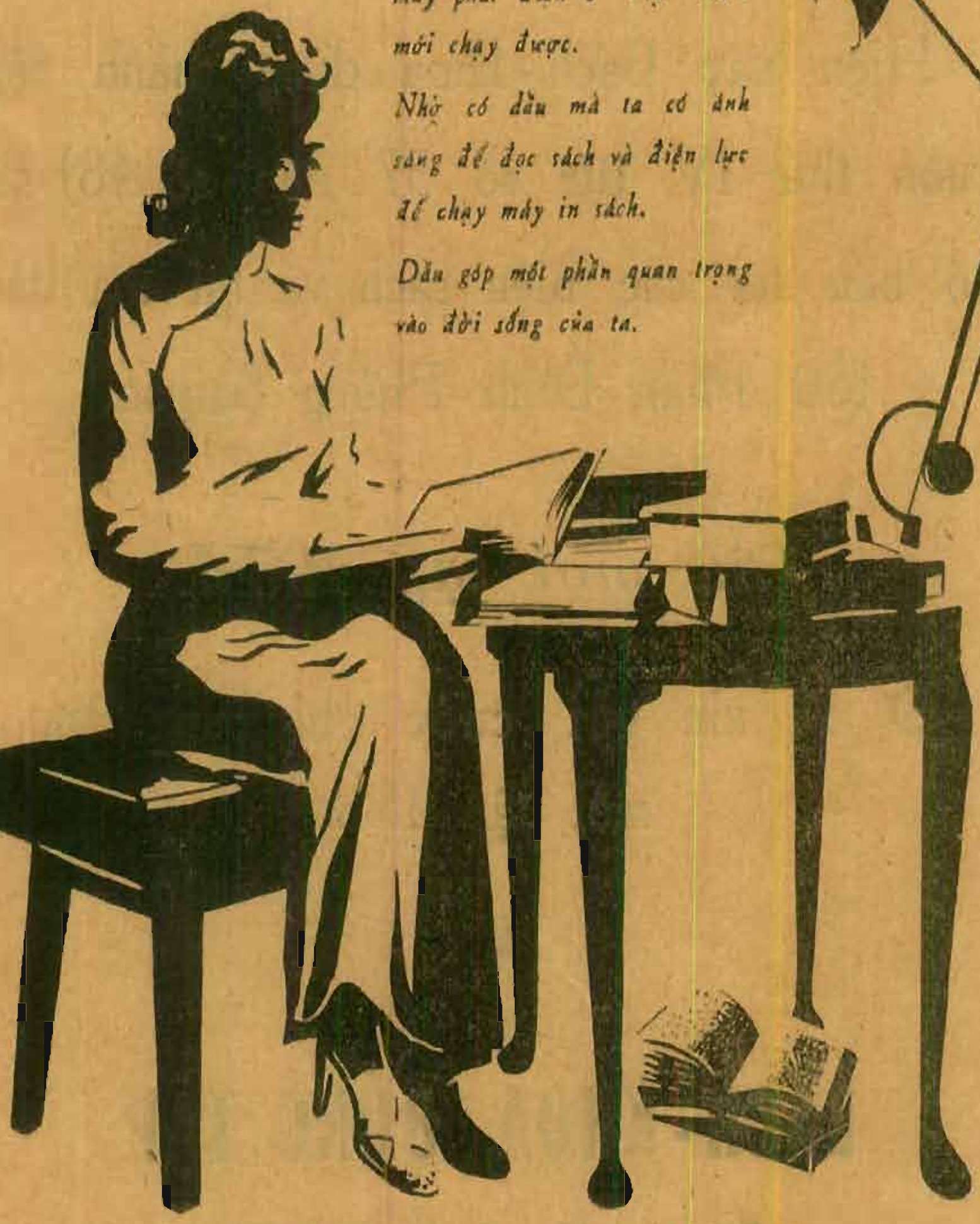

HÃNG DẦU STANVAC

Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

STANDARD · VACUUM OIL COMPANY VỚI CÁC SẢN-PHẨM MOBILGAS, MOBILOIL MOBILDIESEL v. v...

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách-khoa đóng thành tập cuốn thứ IV (từ số 37 đến số 48) đã có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo 160 Phan-Đình-Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 — 48 : 4 tập : 420 đ.

•

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẽm Eden, Saigon

☆

TAT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

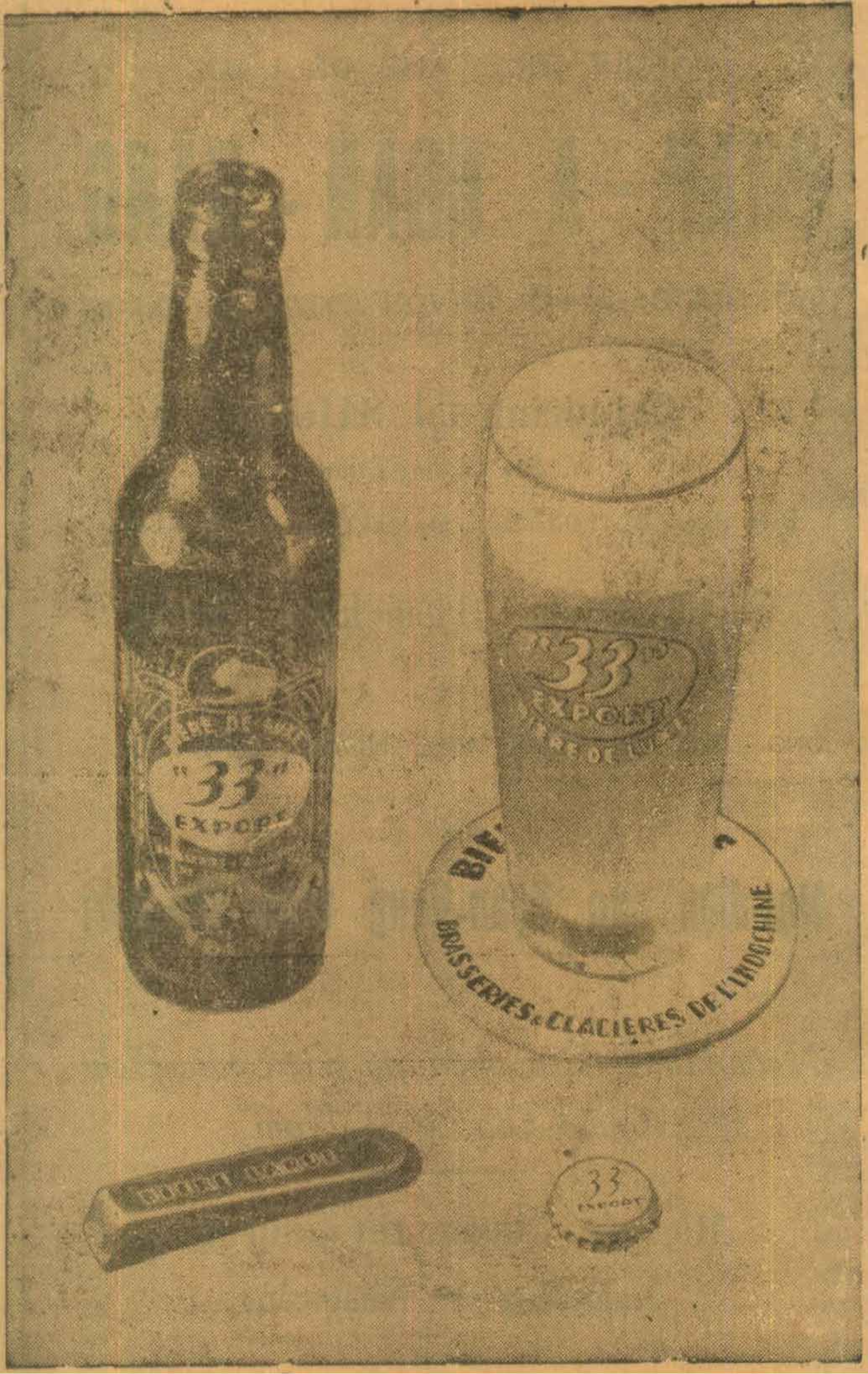
"33"
EXPORT
BRASSERIES & GLACIERES DE L'INDOCHINE

BÁCH-KHOA

Số 54 — Ngày 1.4.1959

		Trang
HOÀNG-THỤC-TRINH	*Vấn đề phát triển nông nghiệp tại Việt-nam*	3
NGUYỄN-TƯƠNG-NHƯ	*Thống nhất thoại*	11
PHẠM-HOÀNG	*« Thân dân » « di sát với dân »* . .	13
PHAN-VĂN-THIẾT	*Án tử hình*	14
ĐOÀN-THÊM	*Vài nhận xét nhân dịp Triển lãm Hội-họa mùa Xuân Kỷ-Hợi.* . . .	20
NGUYỄN-QUANG NHẠ	*Cảm hứng về Thú chơi hoa ngày Xuân*	24
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	*Ngô-Thời-Nhậm*	30
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	*Giáo hội Ki-tô và Văn-hóa Trung-hoa.*	34
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	*Thú chơi sách*	42
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Cái chết của Socrate.*	49
Cô PHƯƠNG-THẢO	*Điểm sách.*	52
TIỀU-DÂN	*Không gian liên hành-tinh thuộc về ai ?.*	56
PHẠM-HOÀN-MĨ	*Lạc-vương hay Hùng-vương* . . .	62
ĐỖ-TẤN	*Mười hai năm (thơ)*	65
BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í	*Tiếng địa phương.*	66
B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	*Danh từ y ngữ*	72
HUY-LỰC	*Cuộc đời ôi tuyệt đẹp (thơ).* . . .	76
TƯỜNG-LINH	*Thuyền trăng (thơ)*	76
LAN-ĐÌNH	*Người khóc thầm ban đêm (truyện ngắn)*	77
KIỀU-YIÊU	*Hai anh em họ Thương (dịch Liêu-trai)*	87
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	*Khói lửa kinh thành*	90

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

NGUYỄN-HIẾN-LÊ và TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH	:	*Nhân đọc bài văn phạm Việt-Nam của Giáo sư Honey.*
LÊ-LINH	:	*Vấn đề nghiện rượu tại Việt-Nam.*
TIỀU-DÂN	:	*Dân tộc tự quyết.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Đọc tạp chí ngoại quốc.*
SONG-AN CƯ-SĨ	:	*Tìm hiểu đường lối chính trị của nước Căm-bốt.*
THÁI-VĂN-KIỂM	:	*Những thiếu sinh gương mẫu.*
NGUYỄN-NGỌC-QUANG	:	*Thơ Ma.*
NGUYỄN-TỬ-QUANG	:	*Thử tìm xuất xứ bài Vọng cổ.*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Âm nhạc phải chăng là một thứ tiêu khiển ?*
NGUYỄN-THIẾU-NGUYÊN	:	*Đặc tính của tiểu thuyết.*
TÂN-PHONG-HIỆP	:	*Một quan niệm viết truyện ma.*
PHONG-NGẠN	:	*Tân Liêu-trai.*
LÊ-THANH-THÁI	:	*Chiếc đồng hồ con ngựa (truyện ngắn).*
VŨ-HẠNH	:	*Truyện đường rừng (truyện ngắn).*
NGUYỄN-PHÚC	:	*Thằng khùng (truyện ngắn).*
NGUYỄN	:	*Truyện dịch.*

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90$00** — *1 năm 24 số :* **180$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, *đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON*

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Vấn đề phát triển nông nghiệp

TẠI VIỆT-NAM

HOÀNG-THỤC-TRINH

Vấn đề mở mang Kinh tế nước nhà là một vấn đề cấp bách đối với nhà nước cũng như đối với nhân dân. Ta đã thường nghe nói đến kế hoạch này, chương trình nọ của Chính-phủ, đại để nhằm mục tiêu chấn hưng kinh tế sau một thời gian ngưng trệ và thoái bộ, vì nạn binh lửa triền miên hơn 10 năm. Ở đây, chúng tôi không có tham vọng xây hẳn một lý thuyết, hoặc một kế hoạch to tát thích ứng để phát triển kinh tế nước nhà. Chúng tôi chỉ trình bày từng vấn đề một liên quan đến kinh-tế Việt-Nam.

Từ xưa đến nay trong lịch sử nước nhà, Việt-nam là một nước chuyên về nông nghiệp. Kinh-tế Việt-nam là một nền kinh tế nông nghiệp, hơn nữa là một nền kinh tế nông nghiệp của một nước hậu tiến. Hơn 80% dân sống về trồng tỉa. Không một ai chối cãi nông nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong nền sản xuất Quốc-gia.

Nói đến nông nghiệp, ta nghĩ ngay đến bao nhiêu là vấn đề cấp bách cần giải đáp. Ta có thể băn khoăn trước nhiều câu hỏi. Làm thế nào để tăng gia năng xuất canh nông ? Có nên canh tân kỹ thuật sản xuất không, hoặc khoa học hóa các phân bón ? Hay là làm thế nào hạ bớt phí tổn chuyển vận nông phẩm từ nông trường đến nơi tiêu thụ hoặc đến nơi xuất cảng ?

Nói đến xuất cảng, ta lại nghĩ ngay đến cách làm thế nào hạ giá các nông phẩm cùng cách thực hiện được một sản phẩm tốt hơn để giữ được thị trường nước ngoài.

Lại tự hỏi : Có nên theo phương pháp đa canh hay độc canh ? Cách thức áp dụng như thế nào ? Ảnh hưởng của công cuộc cải cách điền địa đối với năng xuất canh nông ? Chế độ điền địa mới có đem kết quả tốt đẹp trong việc tăng gia năng xuất không ? Vấn đề nông tín đã tổ chức hoàn bị, đầy đủ chưa ? Và nói chung, trong chương trình phát triển kinh tế nước nhà, canh nông giữ một địa vị nào, một vai tuồng gì ?...

Bao nhiêu câu hỏi phức tạp đặt ra cần được giải đáp. Vì vấn đề nông nghiệp quá ư bác tạp, ta nên định một quan điểm, chọn một phương hướng để phân tích vấn đề này. Chúng ta sẽ chú trọng nhiều đến vấn đề phát triển Nông-nghiệp để nâng cao mức lợi tức quốc gia.

Nhìn lại dĩ vãng, ngay từ thế kỷ 15-16 dân ta đã vấp phải một trở lực : nạn thiếu đất. Vì áp lực của dân số, vì không đủ đất đai để nuôi mình, nuôi gia đình mình, dân ta đã phải dần dần tiến vào Nam để tìm nơi sinh nhai. Do đó, trong cuộc trường kỳ Nam tiến, dân ta phải dành từng tấc đất để mở rộng canh tác. Nhưng ta vẫn không giải quyết được sự nghèo túng. Ở những vùng tân lập, dân cư rải rác, thiếu nhân công để khai khẩn đất hoang và cày cấy. Còn ở vùng cựu lập dân số quá đông, không đủ đất để nuôi sống, cần phải di dân qua các vùng tân lập. Nhưng ta lại vấp phải cơ cấu xã hội Việt-Nam : Chế độ làng xã quá chặt chẽ, tình quê hương quá thiết tha đã ngăn cản việc thuyên chuyển dễ dàng nhân công từ vùng này qua vùng khác. Tình trạng càng trầm trọng vì phương tiện chuyên chở giao thông, hầu như không có thời đó. Ngoài ra, kỹ thuật sản xuất quá thô sơ. Vì các nguyên nhân nói trên nên ở thời ấy nông nghiệp không giải quyết được vấn đề lợi tức cho nhân dân.

Dưới thời Pháp thuộc, trong phạm vi kỹ thuật canh tác, đã xuất hiện một số yếu tố mới : công tác dẫn thủy nhập điền, đào kinh, đắp đê ; việc thiết lập những đồn điền tư bản ở các miền Trung du và Cao nguyên, hệ thống giao thông tương đối hiệu quả nối liền Bắc Trung Nam ; ngoài ra các nông phẩm như gạo, cao su... được xuất cảng nhờ hệ thống thương mại của Pháp.

Bốn yếu tố mới trên đưa đến kết quả là hoạt động canh nông có phần phát triển. Tuy nhiên, sự chênh lệch về dân số vẫn còn tồn tại giữa Bắc Trung và Nam-Việt, làm trở ngại không ít cho sự phát triển canh nông, nền tảng Kinh-tế của Việt-Nam thời ấy.

Danh ngôn, danh lý

THỰC TẾ

★ Người thực tế không phải là những kẻ ba hoa, tưởng rằng nói nhiều là làm nhiều và không nghĩ rằng càng hay nói thì càng dễ bị huyễn hoặc.

Pháp không giải quyết được vấn đề di dân, phân phối nhân công sao cho hợp lý. Nói đúng ra Pháp cũng đã cố gắng trong việc thu thập nhân công miền Bắc quá đông đúc để di dân vào miền Nam là nơi nhiều đồng bằng phì nhiêu nhưng dân cư thưa thớt.

Paul Bernard trong cuốn « Nouveaux aspects du problème économique de l'Indochine » đã phải thú nhận kế hoạch di dân đã bị thất bại một phần vì thiếu ngân quỹ cần thiết để đài thọ việc di chuyển, nhưng phần lớn vì dân Việt-nam quá cố kết với làng mạc quê hương và không ưa mạo hiểm.

Tuy nhiên, Pháp đã cố gắng làm êm dịu một phần nào ảnh hưởng tai hại của sự chênh lệch về lợi tức, chẳng hạn bằng cách thiết lập ngân sách Liên bang : thâu thập lợi tức của miền Nam bù đắp sự thiếu hụt của miền Bắc, hoặc đặt một vài cơ sở kỹ nghệ ở Bắc-việt.

Nhưng các biện pháp lẻ tẻ, yếu ớt của Pháp không giải quyết được vấn đề kinh tế Việt-nam. Đại khái Pháp vẫn giữ nguyên chế độ độc canh. Đã thế, một hậu quả của chế độ Pháp là : Kinh tế Đông-dương lệ thuộc chặt chẽ vào đế quốc Pháp là những nơi cách xa Đông-dương nhiều quá.

Vả chăng Pháp chỉ tìm ở Đông-dương một thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình và một nguồn tiếp tế nguyên liệu cần thiết cho mình mà thôi. Kinh tế nông nghiệp có phát triển chăng, cũng của mình và một nguồn tiếp tế nguyên chỉ trong phạm vi mong muốn mà chính sách Pháp đã ấn định trước.

Và gần đây, nền nông nghiệp nước ta lại trải qua nhiều biến cố. Vì giặc giã trong 10 năm trường, tới 1/4 diện tích bị bỏ hoang, phần lớn các đồn điền, và vườn cây trái bị tàn phá các hệ thống dẫn thủy bị hư hỏng. Vì vậy mức sản xuất hạ thấp ; phí tổn sản xuất lại cao, nên Việt-Nam mất dần thị trường ở nước ngoài. Sau hiệp định Genève, cuộc di cư của trên 800.000 đồng bào Bắc-việt vào Nam, lại thêm một yếu tố, làm cho vấn đề thêm phức tạp. Số đồng bào di cư ấy là cả một sức tiêu thụ mới.

Thử hỏi nông nghiệp miền Nam có đủ khả năng cung cấp đủ vật phẩm cho mọi người không ?

Và đồng thời trong số dân di cư, phần đông là những nhà nông, vậy vấn đề đặt ra là nông nghiệp miền Nam có thu dụng họ được không ?

Tóm lại, vấn đề nông nghiệp tạm ổn trong sự lệ thuộc dưới thời Pháp trị, nay cần phải đặt lại nguyên vẹn.

Trong phần thứ nhất, chúng ta hãy xem địa vị của canh nông trong công cuộc phát triển kinh tế ra sao ? Nhiên hậu ta sẽ bàn đến các biện pháp để cải tiến nông nhiệp.

I. — Địa vị của canh nông trong chương trình mở mang kinh tế :

Để nhận định địa vị của canh nông trong chương trình mở mang kinh tế nước nhà, thiết nghĩ nên nhờ đến lý thuyết.

Theo lý thuyết, ý niệm phát triển kinh tế luôn luôn đi kèm với ý niệm phức tạp hóa cơ cấu kinh tế. Trong mỗi cuộc phát triển kinh tế đều có ba hiện tượng :

— Kỹ nghệ hóa
— Sự bành trướng các thị trấn
— và sự phát triển tiền tệ.

Khi nền kinh tế phát triển thì có sự chuyển dịch nhân công từ khu vực sơ đẳng sang khu vực nhị và tam đẳng. Như ta đã rõ, COLIN CLARK chia hoạt động kinh tế ra làm ba loại :

Những ngành hoạt động sơ đẳng là những ngành chuyên về sự khai thác trực tiếp các vật chất trong thiên nhiên. Như vậy khu vực sơ đẳng gồm có các ngành canh nông theo nghĩa rộng và các kỹ nghệ khai thác.

Khu vực nhị đẳng gồm những hoạt động hướng vào mục đích chế biến những vật chất do ngành trên cung cấp, đổi những thứ đó thành những thứ hữu dụng. Ta phải kể các ngành tiểu công nghệ, kỹ nghệ.

Khu vực tam đẳng thì lại gồm những hoạt động khác không nằm trong hai khu vực sơ và nhị đẳng : Vận tải, du lịch, buôn bán, nghề luật sư, giáo sư, y sĩ v.v... đều ở trong khu vực tam đẳng. Vì vậy căn cứ vào số nghề nghiệp ta sẽ thấy số nghề nghiệp đó càng ngày càng nhiều hơn, và một khi nền kinh tế mở mang thì các ngành hoạt động kinh tế đều chịu định luật bác tạp hóa.

Ngay trong khu vực sơ đẳng, ta đã thấy có sự bác tạp hóa rồi. Cho nên ta không có quyền làm ngơ trước sự kiện phức tạp hóa, chuyên môn hóa kinh tế. Và cũng theo lý thuyết, sự phức tạp hóa ấy không dễ thực hiện đâu nếu ta quá trông mong vào một sự phát triển tự nhiên, vì sự phức tạp hóa sẽ gặp nhiều trở lực, nhiều mắc nghẽn. Ở những nước kém mở mang như nước ta, tuyệt đối trông mong vào sáng kiến tự do của tư nhân để thúc đẩy nhịp phát triển là một điều bất lợi, vì sự tự do này sẽ có kết quả là kích thích mọi người theo vết xe cũ : ý chí kinh tế của ta đã mòn mỏi bởi tình trạng nghèo túng triền miên.

Và để san phẳng những trở ngại, đã có nhiều lý thuyết gia đại danh chủ trương chánh sách can thiệp để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Ta có thể dẫn chứng một vài thí dụ để sáng tỏ vấn đề : Frederic List, là một nhà kinh tế học người Đức ở vào thế kỷ 19 đã căn cứ vào những sự thay đổi của các hoạt động kinh tế căn bản để phân chia thời kỳ kinh tế. List đã nêu lên những thời kỳ mà đa số các quốc gia đã trải qua như sau : giai đoạn kinh tế căn bản, canh nông, kỹ nghệ rồi thương mãi... Muốn vượt qua mỗi thời kỳ cần có sự can thiệp thích ứng của chính phủ.

Ở đây, ta có thể nghĩ ngay đến phản ứng và phê bình của một số quốc gia như Hoa-kỳ, Úc-đại-lợi... Các quốc gia này sẽ chỉ trích ta có thành kiến đối với sự phát triển tự do, vì họ đã thành công trong việc phát triển canh nông và đồng thời kỹ nghệ hóa xứ sở trong một khuôn khổ kinh tế tự do. Nhưng nếu đi sâu vào vấn đề, nếu nghĩ đến sự khác biệt của các quốc gia tân lập và quốc gia có từ nghìn xưa, sự thắc mắc trên sẽ không còn nữa. Hoa-kỳ, Úc-đại-lợi đều là những quốc gia tân lập : họ có thể phát triển canh nông với một tinh thần mới, một tinh thần kỹ nghệ. Họ đã đem lý thuyết khoa học, kiến thức khoa học áp dụng vào công cuộc sản xuất nông nghiệp. Họ có thể dùng nhiều cơ khí, khai khẩn từng hàng ngàn mẫu đất hoang với máy móc tối tân, dùng

phân bón khoa học và áp dụng chánh sách đại canh tác. Tóm lại, các quốc gia tân lập đều có đủ điều kiện, phương tiện áp dụng kỹ thuật mới mà không cần nhờ đến sự bó buộc nào của chánh quyền.

Trái lại, các quốc gia cựu lập chịu ảnh hưởng của các kỹ thuật cũ kỹ. Họ có sẵn một nền canh nông truyền thống, thủ cựu, áp dụng những phương pháp có từ nghìn xưa, và sẽ mãi mãi theo nề nếp cũ nếu không có sự can thiệp mạnh mẽ của chánh quyền để canh tân nông nghiệp.

Vì thế các lý thuyết gia chủ trương can thiệp không phải là không có lý do. Họ đã thấy rõ sự khó khăn của các quốc gia cựu lập khi muốn chuyển dịch từ khu vực I sang khu vực nhị đẳng.

Vậy vấn đề chính vẫn là phải cải tiến nông nghiệp về kỹ thuật canh tác, khuôn khổ trồng trọt, các giống, các loại kỹ nghệ hay cây kỹ nghệ để đi đến sự phức tạp hóa cơ cấu Kinh-tế, tiến đến kỹ nghệ hóa nhờ sự can thiệp của nhà cầm quyền. Và sự canh tân Nông nghiệp sẽ làm tăng mức lợi tức quốc gia : một số thợ được thuyên chuyển qua khu vực kỹ nghệ, hoặc hoạt động trong các công tác có tính cách tạo lập Tư bản mới. Vấn đề « thất nghiệp trá hình » sẽ được giải quyết một phần nào.

*

Ở Việt-Nam ta, ta đã nhận thấy những giải pháp cổ truyền đã đem đến sự thất bại trước thời Pháp thuộc cũng như trong thời Pháp thuộc. Ta không quên rằng Pháp chỉ phát triển nông nghiệp Việt-Nam đến một giới hạn nào có lợi cho họ mà thôi. Nước ta chỉ là một thị trường tiêu thụ sản phẩm kỹ nghệ của họ và sản xuất nguyên liệu cùng nông sản cần thiết cho sự phát triển kinh tế của họ mà thôi.

Và bây giờ, nếu tiếp tục những giải pháp cũ, thiết tưởng ta không khi nào thoát khỏi vòng lẩn quẩn đang giam hãm nền kinh tế Việt-Nam. Nghề nông nước ta ngày nay lại gặp nhiều trở ngại mới nữa. Trước hết là vấn đề thị trường. Dưới thời Pháp thuộc, sự xuất cảng của ta dựa vào hệ thống thương mãi Pháp quốc, và thị trường nông phẩm Việt-Nam là các nước trong Liên-Hiệp-Pháp. Giờ đây đã là một nước độc lập, thành niên trên trường chánh trị ta có thể tìm thị trường bất cứ nơi nào trên lãnh vực quốc tế.

Nhưng ta lại vấp phải sự cạnh tranh gây cấn với các nước cũng chuyên xuất cảng nông phẩm hay là nguyên liệu. Vậy thử hỏi nếu áp dụng phương pháp độc canh liệu ta có đủ loại nông phẩm để bán ra ngoài không ? Và nếu áp dụng phương pháp cũ về sản xuất cũng như về vận tải giá nông phẩm quá cao, vì chịu nhiều phí tổn làm sao bán ra nước ngoài được ? Và nếu áp dụng phương pháp cũ, trong việc lựa chọn mơ hồ, hoặc cầu thả hạt giống, trong việc phân bón, liệu nông phẩm của ta có cạnh tranh nổi với nông phẩm nước ngoài về phẩm chất và số lượng không ?

Tuy nhiên, dựa vào vài hiện trạng nước Việt-nam, ta chưa có thể kỹ nghệ hóa nhanh chóng kinh tế nước nhà được. Vì ; ta thiếu mọi phương tiện, thiếu tư bản, thiếu chuyên viên và cũng vì tình trạng chính trị nữa. Hơn nữa khi chợ búa

nước nhà vẫn đầy ắm ấp những loại nhập cảng kể cả xa-xỉ-phẩm thì vấn đề khuyến khích sản xuất có thể cho là nan giải vậy.

Vì thế ta chỉ còn có một cách là hướng về canh nông trong khi kiên nhẫn tạo phương tiện và cơ hội thuận lợi cho một sự phát triển kỹ nghệ xứ sở. Địa vị của nông nghiệp trong chương trình mở mang kinh tế nước nhà qnan trọng là vì những lẽ trên.

Chính trong phạm vi này mà Việt-Nam có nhiều khả năng nội tại hơn hết, và Chính Phủ đã đưa ra một kế hoạch ngũ niên phần canh nông nhằm mục đích :

— Sản xuất công sản cho thị trường quốc nội

— Chế biến nông sản để bồ túc cho nhà nông

— Khuếch trương chăn nuôi đại qui mô

— Tăng gia sản xuất để xuất cảng, nhất là lúa và cao su.

Nhưng dù sao, ta cũng đừng nên quên hướng tiến về canh nông trong trường kỳ, nghĩa là không khi nào quên mục phiêu phức tạp hóa cơ cấu canh nông và canh tân nông nghiệp.

Phần II, chúng ta sẽ đề cập các biện pháp thích ứng để cải tiến ngành canh nông.

II.— Biện pháp để cải tiến ngành canh nông.

Hai vấn đề được nêu lên trong phần này ; vấn đề thứ nhất là ta cần phải phân biệt hai loại nông trường để lựa chọn biện pháp thích ứng : các vùng khai thác từ lâu năm, và các vùng chưa khai thác.

Vấn đề thứ hai là tìm cách khắc phục giới hạn nêu lên bởi sự tiêu thụ và phí tổn sản xuất

Đối với các vùng khai thác lâu năm, vấn đề chính không phải là vấn đề gia tăng mức sản xuất mà là canh tân nông nghiệp. Ở đây chúng tôi muốn nói đến việc nghiên cứu tính chất đất đai để trồng cây thích hợp với mầu mỡ đất, việc khoa học hóa phân bón, chọn hạt giống, mở các trường chuyên nghề nông, phương pháp chống sâu bọ và nếu đơn vị sản xuất quá hẹp thì nên tổ chức hợp tác xã để cung cấp tín dụng, nông cơ, dụng cụ cho nhà nông, cũng như giúp họ có khả năng buôn sản phẩm với điều kiện thuận tiện hơn.

(Chúng tôi xin mở một dấu ngoặc để đưa một nhận xét : Kinh tế nước nhà từ xưa đến nay dựa vào nông nghiệp, thế mà đến nay chưa có một chuyên viên Việt nào chuyên về nghiên cứu đất đai (pedologie) Kể đây cũng là một thiếu sót cần được sớm bồi bổ).

Chính Phủ cũng có nghĩ đến vấn đề cải cách điền địa, phân phối lại ruộng đất. Ở nước ta chế độ phong kiến thực dân đã tập trung phần lớn ruộng đất trong tay một số nhỏ điền chủ. Thế mà hình thức canh tác vẫn là phân chia từng mảnh, nông dân không đất, giành giựt nhau mà thuê lại của chủ điền.

Do đó mối liên lạc giữa chủ điền và tá điền, đã thường gây nên nhiều bất công, chẳng hạn như địa tô quá nặng, nhiều khi đến 50% số huê lợi thu thập. Ngoài địa tô, người tá điền còn phải phục dịch gia đình địa chủ, như người nhà làm không công, vào những lúc gia

đình địa chủ hữu sự (ma chay, kỵ giỗ), và lắm khi cung cấp nhiều tạp khoản bằng tiền hay hiện vật. Họ cứ sống trong phập phồng, lo sợ bị lấy ngang ruộng đất bất kỳ lúc nào ; họ phải chịu nợ, lời chồng chất nếu gặp những năm mất mùa.

Tóm lại, tá điền không có một chút gì gọi là bảo đảm đời sống gia đình họ. Thế nên Chính quyền đã can thiệp để bênh vực số người bị bóc lột này, nhất là sau chiến tranh, vì những rối ren chính trị, chủ điền đã bỏ ruộng ra thành thị lập nghiệp trong khi đó nông dân đã bền lòng canh tác bảo vệ đất đai khỏi bị hoang phế. Sự can thiệp của chính phủ đem lại kết quả ra sao, chúng ta hãy chờ xem.

Tuy nhiên, việc phân chia ruộng đất có thể kích thích nông dân trong vấn đề cày cấy. Và như vậy, năng xuất có thể tăng lên, nhưng nếu xét nhịp phát triển trong trường kỳ, ta có quyền hoài nghi hiệu quả năng xuất nông nghiệp. Các ruộng đất bị tế phân làm sao áp dụng được cơ giới trong nông nghiệp ?

Khi nghiên cứu chế độ cải cách điền địa ở Đài-Loan Ông Gunnam Myrdal đã nhận định rằng, thoạt tiên năng xuất Nông-nghiệp suy giảm vì nông dân bớt cố gắng sau khi được chia ruộng đất. Sau đó, họ mới bắt đầu đem hết thiện chí, hăng hái vào việc canh tác, nên năng xuất lại tăng lên. Nhưng dù sao các kết quả tốt đẹp của công cuộc cải cách điền địa trong doản kỳ không nên làm ta sao lãng việc cải tiến kỹ thuật canh tác, và hoàn chỉnh cơ sở khai thác đất đai.

Song song với vấn đề cải cách điền địa, vấn đề tín dụng cho nông nghiệp cũng không kém phần quan trọng. Có thể nói nạn thiếu hụt vốn liếng và cho vay nặng lãi rất thông thường ở các nước thiếu mở mang. Nông dân lại phải nạn « bán lúa non » một khi hao hụt vốn liếng để trang trải công việc sản xuất, hoặc trả vài món nợ cấp bách. Chính sách nông tín rất hợp thời và có thể nâng đỡ thật sự nông dân trong công cuộc cần vốn canh tác. Tuy nhiên, nếu điều kiện cho vay khó khăn vì thủ tục hành chánh hay vì đòi hỏi quá nhiều đảm bảo, việc khan hiếm khó mà giải quyết được.

Rốt cuộc nông dân nghèo khó vẫn hụp lặn trong vòng luẩn quẩn. Vì thế, vấn đề nông tín là cả một kỹ thuật. Cần sáng suốt, và nhất là giản dị hóa cơ cấu tín dụng để giúp thật sự nông dân.

Đối với các vùng Dinh-Điền mới khai thác : Vấn đề tương đối dễ giải quyết hơn. Mục tiêu chính là tăng gia sản xuất.

Ta nhận thấy rằng thế giới chưa giải quyết xong nạn đói kém nên ta vẫn còn nhiều hi vọng tìm thêm thị trường, như là các nước đông dân ở Á-châu. Các vùng dinh điền có thể sản xuất nhiều để xuất cảng. Vì là vùng tân lập, diện tích đất đai không tế phân, có thể áp dụng phương pháp đại canh, chọn lựa hạt giống, trồng thêm nhiều loại cây mới như cây kỹ nghệ dùng trong nước hay bán ra nước ngoài. Ngoài ra, còn có thể áp dụng các phương pháp mới mẻ để chế biến sản phẩm canh nông thành những sản phẩm khác. Đại để, ở những

vùng tân lập này, cơ khí hóa dụng cụ nông nghiệp chừng nào hay chừng nấy, và việc áp dụng triệt để các phương pháp hoàn toàn mới không gặp trở ngại nào đáng kể. Tuy nhiên, cũng nên lưu ý rằng một trong những yếu tố giới hạn sản xuất ở các vùng tân lập là phương tiện giao thông chưa đầy đủ để di chuyển dễ dàng sản phẩm. Các địa điểm dinh điền thường ở xa trung tâm các thành thị, xa các nơi đông dân cư buôn bán phồn thịnh, tiêu thụ tại chỗ không hết tất phải chở đi tiêu thụ ở thị thành hay đem xuất cảng. Phí tổn vận tải cao làm trở ngại cho sự sản xuất.

Sau hết, cũng nên chú trọng vấn đề tổ chức thị trường nông phẩm trong nước. Từ trước đến nay, trong thị trường nông nghiệp có cả một hệ thống trung gian, lợi dụng khí giới tín dụng để bóc lột nhân dân, lũng đoạn giá cả nông phẩm. Về thị trường lúa gạo trong và ngoài nước, hẳn chúng ta chưa quên vai trò và áp lực của người ngoại quốc, nhất là của Hoa thương.

Thị trường, nhìn chung, không được tổ chức. Giá cả nông phẩm quá cao vì phải tính cả phí tổn sản xuất, chuyên chở..., và chịu thăng trầm tùy theo áp lực của bọn đầu cơ. Vấn đề tiêu thụ không được giải quyết ; sự tiếp tế không đều hòa, đời sống nhân dân vì thế đắt đỏ, mực sống thấp kém. Vì những lý do trên, cần tổ chức hợp lý thị trường nội bộ.

Và muốn phá vỡ giới hạn trong vấn đề sản xuất, ta lại phải nghĩ đến vấn đề tìm thị trường quốc tế bằng cách mua hàng ngoại quốc và buộc họ mua lại nông phẩm của mình. Đồng thời nhắm việc phức tạp hóa kinh tế nông nghiệp, có thể khuếch trương ngành chăn nuôi gia súc với số sản xuất nông phẩm thặng dư, hoặc tìm cách đóng hộp trái cây, thức ăn, cùng là chế biến các sản phẩm phụ thuộc khác... Ta có thể xem đó là những bước đầu tiến đến kỹ nghệ hóa vậy.

★

Để kết luận, ta có thể chắc chắn rằng chính sách canh nông phải nằm trong khuôn khổ một chương trình chung của sự phát triển Kinh-tế.

Mục đích của canh nông là tăng thêm lợi tức Quốc-gia để nâng cao mức sống của nông dân.

Vấn đề canh nông là một phần trong vấn đề khuếch trương Kinh-tế. Nếu tách riêng ra, thế nào ta cũng lạc hướng.

HOÀNG-THỤC-TRINH

★ Có lý tưởng cao, chưa đủ ; còn phải làm sao cho lý tưởng thể hiện được mới là vẹn toàn. Bởi vậy, người lãnh đạo phải luôn luôn tìm cách phát triển tinh thần thực tế để khỏi lạc hướng và để cho tư tưởng được sát với thực tại.

GÓP Ý KIẾN VỀ VIỆC

THỐNG NHẤT THOẠI

NGUYỄN-TƯƠNG-NHƯ

Vấn đề thống nhất *thoại* đã được nói tới nhiều, và gần đây, trong bài của hai ông Bình-Nguyên-Lộc và Nguiễn-Ngu-Í đăng trong « Bách-Khoa » số 32. Về lợi ích của việc này thì tưởng không cần phải nhắc lại, ở đây tôi chỉ muốn nói tới *phương pháp thực hiện* mà thôi.

Trong kho tàng văn cổ, tác phẩm có nhiều thoại nhất có lẽ cuốn *Chinh phụ ngâm*, nhưng **nguyên thoại đã được tìm thấy**, trong trường hợp mà tôi sẽ nói sau đây. Như vậy, vấn đề sẽ trở nên rất giản dị.

Tháng bảy 1958, nhân dịp ghé qua Los-Angelès, một anh bạn người Đại-Hàn (Cao-ly) rủ tôi đi thăm viện bảo tàng, và anh cho biết ở đó có rất nhiều tài liệu quí giá về Đông-phương. Không bỏ lỡ dịp may, tôi liền cùng anh đến thăm viện bảo tàng này.

Đầu tiên, chúng tôi chú ý ngay tới bản *Hịch tướng sĩ* có *chữ ký* và triện son của Tào-Tháo. Đó là một tờ giấy bản đã ngả màu vàng, bị mối đục nhiều chỗ nhưng chữ vẫn còn đủ. Tờ này được bày trong tủ kính có máy điều hòa không khí và chất hóa học chống ẩm ướt, để giảm bớt sức tàn phá của thời gian. Tờ hịch chép tay, theo lối viết thảo, tự dạng *hơi khác* với lối viết ngày nay, vì vậy rất khó đọc, nhưng may tôi đã đọc qua nhiều lối viết thảo xưa, nên đọc được toàn bản. Lời văn rất trầm hùng mãnh liệt, khiến anh bạn và tôi phải tấm tắc thán phục văn tài của Tào-A-Man.

Sau đó chúng tôi xem qua nhiều pho sách cổ, như những pho của Miến-điện in mộc bản từ 500 năm về trước, của Thái-lan, của Cao-miên, v.v... Tôi bỗng chú ý tới một cuốn sách bằng giấy bản bày trong tủ kính. Cuốn sách được mở ra để du khách có thể xem 2 trang ở giữa. Thoáng nhìn qua, tôi cũng nhận ra đó là chữ *Nôm*.

Đọc thử mấy câu, tôi thấy đó là cuốn Chinh phụ ngâm, in *mộc bản* nên rất dễ đọc, có nhiều chữ có tự dạng hơi khác với chữ *Nôm* ngày nay và một ít chữ rất lạ, không đọc được.

Tôi lại xem bảng chỉ dẫn bằng Anh-ngữ, thấy nói cuốn sách đó được in năm 1728, và các nhà khảo cổ sau khi dùng phương pháp hóa học để kiểm chứng đã nhìn nhận là đúng.

Theo sách *Tục truyền kỳ* xuất bản năm 1811, thì bà Đoàn-Thị-Điểm lấy lẽ ông

Nguyễn-Kiều, ông này đậu tiến sĩ năm 1715, do đó ta suy đoán ra năm 1728 bà Đoàn-Thị-Điểm hãy còn sống.

Nếu bản dịch Chinh-phụ ngâm không phải là của Đoàn-Thị-Điểm mà của một Nho-sĩ khác (ông Hoàng-Xuân-Hãn đã chứng minh như vậy) thì Nho sĩ này *có lẽ* đã sống tới năm 1728.

Vậy cuốn sách này đã được in khi dịch giả còn sống.

Khi khắc xong bản gỗ rồi, dịch giả tất sẽ soát lại xem thợ khắc có sai chỗ nào không, nếu có, thì bắt chữa lại trước khi cho in. Cũng như tác giả những sách giá trị ngày nay vẫn làm.

Do đó cuốn sách này chính là nguyên thoại.

Ta muốn có nguyên thoại chỉ việc chép lại nguyên văn cuốn đó là xong.

Viết đến đây, tôi nhớ tới nhiều bài báo nói về « Đoạn trường tân thanh », người viết nói rằng thoại của ông X hay ông Y là sai, vì xét về lời thơ, ý thơ, phải sửa như vầy mới đúng. Trong khi đó thì ở École française d'Extrême - Orient có một quyển Kiều xuất bản vào cùng thời với Nguyễn-Du (1765-1820), đó chính là nguyên thoại, vì tác giả tất đã sửa bản khắc trước khi cho in.

Một số thơ văn khác cũng còn nguyên thoại, đó là các quyển *Bạch-Vân am tập* (EFDEO., A 1350), *Việt giám đỉnh sử thi tập* (EFDEO., A 1483), *Việt âm thi tập*, bản in năm 1729 (A 1925), *Quần biền phú tập*, bản in năm 1728 (A 575). v.v...

Trong Bách-Khoa số 32, hai ông Bình-Nguyên-Lộc và Nguiễn-Ngu-Í đưa đề nghị thành lập một ủy ban thống nhất thoại và quyết định của ban này « phải được bộ *Quốc gia giáo dục* nhìn nhận và toàn thể đồng bào biết đến ». Có người muốn bộ Q. G. G. D. đảm nhiệm việc ấy, nhưng theo thiển ý thì tốt hơn là các tư nhân nên tự động tìm nguyên thoại và thống nhất thoại, vì có thể bộ Q.G.G.D. phải để tâm đến nhiều việc khác hơn.

Về nguyên thoại của Chinh phụ ngâm thì ta nên viết thư sang viện bao tàng đó, nhờ họ chụp hình toàn bộ cuốn sách đó và gửi sang cho mình. Khi đã có bộ ảnh đó rồi, ta sẽ phiên âm ra chữ quốc ngữ ; trong cuốn đó có nhiều chữ lạ, không đọc được, hoặc phải suy đoán, nhưng đó là đối với tôi, một người mà trình độ Hán-học còn ở mực tầm thường. Các vị Nho học uyên thâm chắc có thể đọc được những chữ đó.

Còn về nguyên thoại các thơ văn khác thì ta vào « École française d'Extrême-Orient (1) mà tra cứu các tài liệu đã dẫn ở trên. Công việc sẽ giản dị biết bao.

Các vị học giả uyên thâm Hán tự, chữ Nôm và Anh, Pháp-ngữ nghĩ sao đối với công việc quan trọng nhưng không kém phần hứng thú này ?

NGUYỄN-TƯƠNG-NHƯ

(1) Chúng tôi không biết hiện nay trường Viễn-Đông bác cổ ở Hà-nội có còn giữ nguyên vẹn các tài liệu trên, sau bao biến cố không ? Và ta *ở miền Nam* làm cách nào để sử dụng các tài liệu ấy nếu may mắn chúng còn ?

thắc mắc

« Thân dân », « đi sát với dân »

Chúng ta thường nói : « phải « thân dân », » phải « đi sát với dân » và cho như vậy mới là dân chủ.

Song, suy cho kỹ ra, luận điệu ấy phải chăng không những không chứng tỏ ta dân chủ, mà còn tỏ ra ta trịch thượng với dân và phản bội dân.

Khi nói « thân dân », ta vô tình hay hữu ý, coi mình hiện ở cách dân ; khi nói « đi sát với dân » ta vô tình hay hữu ý, coi mình hiện ở xa dân ; cả hai cách nói cùng tỏ ra ta không phải là dân, không thuộc về dân, và không hề có ý định trở lại làm dân, trong khi thật sự ta cũng là dân như mọi người dân khác, hay ít ra nếu ta không còn coi mình là dân thì cũng không thể chối cãi chính mình đã do tự dân mà ra và cội rễ của mình là ở trong dân.

Cha mẹ tổ tiên ta vốn là dân, thắt lưng buộc bụng cho ta ăn học với chủ ý mong ta sau này đem cái học về mà phục vụ dân. Ta được ăn học, lại học cách « hào hoa phong nhã », và tạo ra cho mình một thế giới đài các, riêng biệt, thế giới trí thức, rồi tiêu dao ngày tháng trong đó với một số người khác cũng phản dân như mình.

Thoắt có biến cố xảy ra khiến ta thức tỉnh và nghĩ đến dân, song nghĩ đến dân thì ít, mà nghĩ đến ta thì nhiều, Lúc đó mới luống cuống chủ trương : phải « thân dân », phải « đi sát với dân ». Ta ở trên mà ngó xuống dân, đối mình là phục vụ dân, không biết rằng mình đang mê hoặc dân để dân phục vụ mình.

Ta thật có tội với dân, ta phải làm sao bây giờ ?

Ki-tô giáo cho ta một hình ảnh về sự « chuộc tội ». Thiên Chúa có bản tính thiêng liêng, vô thủy vô chung, muốn cứu loài người, đã mặc lấy bản tính loài người, hữu cùng hữu tận, với tất cả sự yếu đuối của loài người, trừ có tội lỗi (vì tội lỗi là tiêu cực, là phá hoại). Thiên Chúa không cứu loài người bằng cách từ trên ngó xuống. Thiên Chúa cứu người bằng cách làm người thật, để thông cảm với người trong mọi đau khổ, trong mọi băn khoăn. Thiên Chúa muốn và ngài đã là một người y như mọi người.

Đó phải chăng là hình ảnh lý tưởng cho chúng ta chuộc tội chúng ta. Chúng ta phải ở trong dân, chúng ta phải là dân, là dân trọn vẹn để phục vụ dân. Chức vị chỉ là một tấm áo khoác, chúng ta khoác lấy để phục vụ dân, nên khi cần chúng ta mới khoác, và khi hết hạn thì cởi ra ngay : ở đâu và bao giờ chúng ta cũng vẫn là dân.

PHẠM-HOÀNG

ĐÂY I HỒ SƠ ĐẦY ĐỦ CỦA

ÁN TỬ HÌNH

- MỘT CUỘC TRANH LUẬN KÉO DÀI NGÓT NGÀN NĂM ĐÃ SẮP KẾT LIỄU CHƯA ?

PHAN-VĂN-THIẾT

TRẬN giặc mà các luật gia, văn sĩ khởi hấn từ mười thế kỷ nay vẫn chưa kết liễu. Tuy lúc sau nầy, chúng ta thấy phái bãi bỏ dường như ghi được ít nhiều thắng lợi nhưng vấn đề vẫn chưa dứt khoát và có lẽ không bao giờ dứt khoát được.

Không những một vị cảnh sát trưởng, một vị cố đạo tuyên úy, mà lại còn chính bọn lưu manh...

Một vị công chức cao cấp sở Tư-pháp Cảnh-sát Paris đã nói :

— Riêng về cá nhân tôi, tôi cho sự hành hình một tội nhân bị xử tử như là một cuộc sát nhân khoa học vậy. Nhưng nhân danh một nhà cảnh sát, tôi thừa nhận rằng cái máy chém ngăn cản được nhiều cuộc giết người. Tất cả những bọn gian phi chuyên nghiệp và bọn đào tường khoét vách nhà nghề luôn luôn không đem súng theo mình vì chúng biết rằng nếu chúng bóp cò thì chúng có thể mất đầu vậy. Một tên bợm đã nói với tôi : « Tôi không phải điên, tôi không hề mang súng theo trong những cuộc trộm cướp của tôi. »

Nếu để cứu mười tên đại phạm đương tấn lên, mà phải giết một tên một cách điển hình, thì tôi tưởng chúng ta không nên ngần ngại ! »

Vị luật sư trứ danh Pháp, ông René Floriot cũng đã nói y hệt như trên.

Một vị cố đạo tuyên úy tại khám đường La Santé ở Paris đã nói :

— Riêng về cá nhân, tôi ước ao không có án tử hình. Nhưng tôi phải thừa nhận sự lợi ích của nó. Từ năm 1945, tôi đã dự cuộc hành hình của 28 tên tội bị án xử tử. Tôi có thể nói rằng chỉ có riêng một sự lên đoạn đầu đài làm cho chúng nó sợ mà thôi. Tôi được biết nhiều cuộc đánh cướp mà không có đổ máu chỉ nhờ sự sợ sệt ấy vậy.

Một vị cựu thẩm lý và một vị bác sĩ chuyên môn bệnh thần kinh cũng hoàn toàn đồng ý với các vị đã kể trên.

Một bữa kia, vị luật sư Robert Grillou đã hỏi ý kiến của một nhóm tội nhân về sự bãi bỏ án tử hình. Thì một tên « đóng cửa rút cầu » 26 tuổi, bị giam về tội cố ý đả thương nói :

— Nếu người bãi bỏ án tử hình, tôi dám cam đoan với ông rằng sẽ có một số tội nhân nơi đây sẽ không ngần ngại mà giết người vậy.

Một tên ăn trộm 23 tuổi nói thêm :

— Chừng đó, có còn sợ gì mà không giết ?

Một tội nhân 50 tuổi bị giam về tội lường gạt lại bày tỏ ý kiến mình :

— Nếu người ta làm như thế, thưa ông, thật còn ai mà muốn làm người lương thiện nữa ?

Chính những kẻ can cập đã bày tỏ ý kiến của chúng như vậy thì vấn đề đáng lý đã được giải quyết rồi mới phải. Nhưng trái lại, và có nhiều sự kiện đã chứng minh như thế !

Có làm gương được chăng ?

Nếu hình ảnh cái máy chém làm cho bọn bất lương sợ sệt như người ta nói thì đã lâu rồi không còn có cuộc sát nhân nào trên mặt đất nữa. Than ôi ! báo chí mỗi ngày chỉ cho chúng ta thấy trái lại.

Khi xưa, những tội phạm đại hình bị đày đến Cayenne. Nhưng nơi đây, chúng cũng thường giết hại nhau Lẽ cố nhiên, chúng bị xử tử. Mỗi lần hành hình, vị giám đốc lao thất nhóm họp tất cả tội nhân chung quanh máy chém để cho chúng mục kích lấy mà làm gương.

Chúng có sợ sệt chăng ? Điều chắc chắn là máy chém cũng được đem ra dùng một cách điều hòa, không lúc nào vắng. Hơn nữa, chính tên giám sát, sau 20 năm làm việc đứng đắn, một hôm lại dùng con dao găm một cách tư riêng, đâm chết một người đồng loại của y. Người ta thấy nó lên đoạn đầu đài một lần nữa nhưng là lần cuối cùng. Quả báo chăng ? Dù sao, sự thấy chặt đầu và chính mình chặt đầu cũng không có làm cho y sợ sệt chút nào !

Một bản thống kê của nước Anh-cát-lợi lập ra hồi năm 1900, trình rõ ràng trong số 250 người bị thắt cổ (vì cách hành hình bên ấy là sự treo cổ), có 170 đã có dự một cuộc hành hình như thế rồi. Trong năm 1888, trong số 167 tội bị xử tử trong khám đường Bristol, có đến 164 đã thấy và biết bị thắt cổ là như thế nào rồi.

Thuở xưa, một đứa móc túi thường bị đánh hay bị treo cổ tại chỗ, thiên hạ tựu đến xem như đi xem hát. Kẻ bị đánh la khóc chói lói. Bọn đồng nghiệp của chúng, đã không cảm động vì cảnh đau thương của bạn mình thì chớ lại còn thừa dịp ấy mà móc hết tiền trong túi của khán giả nữa.

Phái duy trì án tử hình cũng chịu rằng có một hạng người táng tận lương tâm không sợ cái chi tất cả, nhưng họ vẫn cho rằng nếu bãi bỏ án tử hình thì số sát nhân sẽ tăng lên ngay.

Về khoản nầy, một vị cựu giáo sư của chúng tôi và là một luật gia trứ danh đã trả lời một cách rõ rệt : một cuộc thí

nghiệm đã được thực hành ở Pháp từ năm 1888 cho đến năm 1907. Trong mười năm đầu, có đến 4.066 cuộc sát nhân. Trong mười năm sau, hai vị tổng thống Loubet và Fallières ân xá đại đa số tội nhân bị xử tử. Đáng lý những cuộc sát nhân tăng số gia bội mới phải, đằng nầy nó lại bớt đến phân nửa, chỉ còn 2.600 mà thôi.

Phái duy trì lại còn viện lẽ rằng ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, những cuộc trộm cướp giết người gia tăng rất nhiều, chỉ bớt được là nhờ một đạo luật năm 1950 xử tử những can phạm tội đánh cướp có vũ khí. Sự thực, việc giảm bớt đã xảy ra trước khi đạo luật được bỏ thăm chấp thuận và nhờ sở Cảnh-sát ra sức bắt bớ và bắn chết rất nhiều những đầu đảng bọn ấy.

Sự thể nầy rất đúng với câu nói của luật gia Mạnh-đức-tư-cưu (Montesquieu): « Nếu người ta quan sát duyên cớ của tất cả những sự trụy lạc, người ta sẽ thấy rằng nó do sự không trừng phạt những tội ác mà ra chứ không phải do sự hình phạt không quá gắt gao đâu ! »

Một cuộc điều tra quốc-tế

Lời nói ấy thực là đúng và được chứng minh bởi những nước đã bãi bỏ án tử hình.

Từ năm 1948 đến năm 1953, một ủy ban của Anh-quốc mở ra một cuộc điều tra rất tỉ mỉ khắp hoàn cầu. Người Anh muốn có một ý kiến thực thụ về những liên quan của sự phạm pháp với án tử hình.

Ông tổng trưởng bộ Tư-pháp nước Bỉ (là nước đã bãi bỏ án tử hình từ năm 1863) đã trả lời : « Từ khi bãi bỏ án tử hình đến nay, không hề có sự gia tăng phạm pháp nào cả ! »

Chánh-phủ Hòa-lan (đã bãi bỏ từ năm 1850) đã trả lời : « Đã có bằng cớ chắc chắn và thực thụ rằng sự bãi bỏ không có kết quả tăng gia sự phạm pháp. »

Nước Na-uy đã bãi bỏ từ năm 1905 cũng đã trả lời một cách quyết liệt như nước Hòa-lan.

Ở Thụy-điển — bãi bỏ từ năm 1921 — thì trong năm năm đầu trước khi bãi bỏ, có 32 người phạm tội cố sát. Trong năm năm kế đó, chỉ có 30 người mà thôi.

Ở nước Thụy-sĩ — bãi bỏ từ năm 1874 — thì trong mười năm trước khi bãi bỏ, tòa án đã xử 11 vụ sát nhân ; trong mười năm kế đó cũng y số như vậy còn trong mười năm tiếp theo thì chỉ có 5 vụ mà thôi.

Bên nước Đức — bãi bỏ từ năm 1949— thì : trong hai năm trước khi bãi bỏ, trung bình mỗi tháng có 68 vụ sát nhân và trong hai năm sau khi bãi bỏ thì chỉ có 42 mà thôi.

Ở bên Hợp-chúng-Quốc (Hoa-Kỳ) thì chỉ có sáu tiểu bang bãi bỏ án tử hình mà thôi. Sau một cuộc điều tra đầy đủ, ông giáo sư Thorsten Sellin tại đại học đường Philadelphie đã kết luận hẳn hòi rằng « những số trung bình phạm pháp đều y như nhau trong những tiểu bang đã bãi bỏ án tử hình và trong những tiểu bang còn duy trì nó. »

Tuy nhiên, những viên chức cảnh sát luôn luôn chống hẳn phái bãi bỏ. Họ nói : « Nếu bãi bỏ theo ý muốn của các ông thì chúng tôi sẽ bị bọn bất lương giết trước. » Giáo sư Sellin đã

điều tra ra kỹ càng và tuyên bố rằng ở tiểu bang đã bãi bỏ, Rhode-Island, thì chỉ số những nhân viên cảnh sát đã bị giết trong 35 năm sau cùng (từ 1919 đến 1954) là 0,6 còn chỉ số của bốn tiểu bang chung quanh còn duy trì án tử hình thì là từ 0,5 đến 0,9. Trong bốn tiểu bang miền trung ương đông vực (Middle West) đã bãi bỏ thì chỉ số từ 1,2 cho đến 1,9. Trong các tiểu bang liên giới còn duy trì thì từ 1,1 đến 2,3.

Như thế thì sự bãi bỏ án tử hình có tăng gia nguy hiểm chi cho nhân viên Sở Cảnh sát đâu !

Đứa sát nhân không sợ chết

Ông Albert Camus (giải thưởng Nobel văn chương 1957) đã viết trong bộ sách « *Ý nghĩ về cái máy chém* » như vầy :

« Tử hình, trước hết, không thể làm
« cho nhát sợ người không biết rằng
« mình sẽ giết ; người ấy chỉ nhất định
« trong chốc lát và dự bị việc làm của
« mình trong hồi sảng sốt hay trong ý
« tưởng nhất định... Có thể nói rằng án
« tử hình là vô lực trong đại đa số
« trường hợp. »

Quả vậy, không hề có một nhà chuyên môn nào nói rằng máy chém ngăn cản được những án mạng về tình. Nhưng còn những kẻ trong làng dao búa, thường hay giết người thì sao ? Tại sao chúng cũng không biết sợ ?

« Bởi vì — ông Camus nói — kẻ sát
« nhân tưởng rằng mình vô tội khi giết
« người. Nó nghĩ rằng dù lẽ phải không
« về phần nó đi nữa, thì nó cùng sẽ được
« dung thứ bởi tình trạng. Nó không tư
« tưởng, cũng không dự liệu ; khi nào nó
« tư tưởng là để dự liệu rằng nó sẽ được
« tha thứ hoàn toàn hay một phần. Vậy thì,
« muốn cho có thể làm nhát sợ, pháp luật
« trước hết phải cho thật gắt gao và không
« chừa cho người can phạm một trường
« hợp giảm khinh nào cả. Kẻ nào trong
« chúng ta, dám yêu cầu pháp luật phải
« như vậy ? »

Dù sao, không ai có thể chống lại sự phân tách đúng đắn của văn sĩ Camus. Vị cố đạo tuyên uý khám đường La Santé cũng nói y như vậy : « kẻ sát nhân vì tình không nghĩ đến tới mình làm ra còn kẻ sát nhân chuyên nghiệp thì tìm cách tránh tội nhưng cũng không tưởng rằng mình làm nên tội. »

Còn luật sư René Floriot thì cho rằng : « kẻ phạm tội trong thâm tâm cho rằng không ai bắt mình được. Nó cứ tưởng mình là khôn hơn những kẻ phạm tội trước mình và không hề đề cập đến sự thất bại. Vả lại, sự thực cũng có nhiều tội ác không bị trừng phạt ».

Cách đây độ hai năm, nhân biện hộ cho gã thanh niên Jacques Fesch về tội sát nhân, luật sư Pháp Paul Baudet cũng chỉ trích án tử hình và nói : « án tử hình là biểu hiệu của một thuyết chủ bại về xã hội (La condamnation à mort est l'expression d'un défaitisme social).

Một tâm lý quái gở.

Nhưng nhân tính lại còn có những sự mâu thuẫn khác nữa. Cũng như một tấm kiếng soi mặt, thiên tính sinh tồn có cái phản ảnh ghê tởm của nó : ấy là thiên tính tử vong ; lắm lúc thiên tính nầy đòi hỏi sự tiêu diệt chính mình luôn cả người khác.

« Do đó mà — văn sĩ Albert Camus đã
« viết — có khi kẻ sát nhân không những

« muốn sát nhân mà lại còn muốn tai hại « theo sau sự sát nhân ấy. Khi sự muốn « ấy bành trướng ra và trở nên mạnh mẽ « rồi thì không những sự bị xử tử không « thể chận đứng lại kẻ sát nhân mà có lẽ « nó còn thêm vô sự say máu ngà đương « quay cuồng kẻ ấy nữa. Chừng ấy, người « ta giết để mà tự mình cũng chết theo « bằng một cách nào đó ».

Hồi năm 1820, sở cảnh sát thành Dresde, ở nước Đức, có bắt một người đàn bà kia, vì y thị — không thấy có duyên cớ gì rõ rệt — mà đã giết một thiếu nữ đến thăm mình. Chỉ có một dấu vết để lại : trên cửa, kẻ sát nhân có viết ngày tháng năm đã xảy ra cuộc hành hình một tội nhân bị xử tử vừa qua. Về sau, y thị thú nhận có dự kiến ba cuộc treo cổ người liên tục và từ đó, y thị đâm ra một bệnh muốn chết về tay người giám sát. Muốn đạt được ý muốn ấy thì chỉ có nước phạm một tội sát nhân mà thôi.

Bác sĩ Edmond Locard viện trưởng phòng thí nghiệm cảnh sát khoa học đô thị Lyon (Pháp) kể ra một ví dụ đặc biệt về trường hợp ấy xảy ra hồi năm 1934. Một người thợ trí hóa tinh táo nhưng không có can đảm tự vẫn, đâm chết vợ mình giữa rạp hát để có thể được đưa lên đoạn đầu đài.

Phải chăng vì đã âm thầm vâng theo thiên tính tiêu diệt ấy mà gã thanh niên Wavrin, trong lịch sử tòa án cận đại của Pháp, đã giết chết hai người tài xế tắc-xi trong khoảng tám ngày ? Khi sắp sửa bị hành hình trên đoạn đầu đài, anh ta nói :

— Chẳng những án tử hình tôi là hợp với Công lý mà thôi, mà chính tôi thỉnh cầu nó, nguyện vọng nó. Tôi muốn chết. Tôi cần có sự chết ấy để gột rửa những tội lỗi mà tôi đã can phạm.

Trong đêm 5 rạng ngày 6 tháng sáu năm 1944, khám đường Contances (Pháp) bị bom đồng minh oanh tạc tan nát. Nơi ấy, có một nữ tội nhân sắp bị đem ra xử tử. Thay vì thoát ngục (điều rất dễ dàng), y thị lại đóng vai tuồng một nữ cứu thương. Vì khám đường không thể ở được, người ta khuyên y thị hãy về nhà. Y thị vâng theo nhưng khi khám đường vừa được sửa chữa tạm xong thì y thị trở lại kêu nài chỗ của mình và kêu nài được đem ra hành hình theo án xử tử mà mình đã bị.

Quả vậy, quang cảnh đoạn đầu đài có thể khêu gợi những tình cảm lạ lùng. Tên sát nhân trứ danh Lacenaire bị xử tử hồi năm 1840 thú nhận rằng lúc thơ ấu, y được cha mẹ dắt đến đô thị Lyon xem một cuộc hành hình và kể từ ngày đó, y luôn luôn bị ám ảnh bởi tư tưởng phải chết vì máy chém y như vậy.

Điều mà ngày nay, tất cả mọi người đều thừa nhận là ảnh hưởng không tốt của máy chém đối với bọn lưu manh : chúng xem người bước lên đoạn đầu đài như là một vị anh hùng và tỏ ra hết sức khâm phục, chỉ mong có ngày được nối chí mà thôi.

Như thế, điển hình của máy chém trái ngược lại điều chúng ta mong muốn. Thực, chánh phủ đã làm một việc phải khi cấm chém tội nhân nơi công trường và cấm các báo loi cảo. Nhưng, nếu người ta giấu máy chém giữa bốn vách tường của khám đường thì làm sao cho rằng nó làm cho bọn lưu manh sợ sệt được ?

Nhà chức trách hình như không còn tin tưởng chi lắm các lý do mà họ thường lặp lại vì thói quen.

Kẻ sát nhân không nguy hiểm

Phái duy trì cũng nói rằng có thể máy chém không còn gieo sự sợ sệt nữa, nhưng nó làm cho chúng ta được khỏi bọn người nguy hiểm. Vì rằng không thế nào chúng ta không tưởng đến những « thú dữ của xã hội », mặc dù bọn này bị nhốt trong lồng sắt xà lim vẫn còn là một nguy hại thường trực mà giám thị phải cẩn thận khi xáp lại gần. Và làm cho tiêu thứ ấy tưởng cũng là một điều đề phòng tối thiểu vậy.

Trong một bài báo viết mấy tháng trước đây, luật sư kiêm hàn lâm Maurice Garçon (vốn bình sanh chống với án tử hình) đưa ra một lý do để phản kháng sự bãi bỏ toàn diện án tử hình, một lý do làm cho mọi người phải suy nghĩ, dẫn đo, thắc mắc ! Ông viết đại khái như vầy :

— Nếu một tên sát nhân bị án chung thân khổ sai cắt lọng một người giám thị của nó thì nó có còn sợ cái chi nữa đâu ! Mặc dù tội ác nó tày trời nhưng nó sẽ không bị gì cả (vì hình khổ sai chung thân là tột bực rồi nếu án tử hình bị bãi bỏ). Như thế, án tử hình sẽ có một tính cách « cần thiết » mà nó không có trong tất cả những trường hợp khác, bởi vì nơi đây, đáng lý phải có một hình phạt gì nặng hơn hình phạt trước mà không có hình phạt nào nặng hơn khác hơn là án tử hình.

Theo ông Maurice Garçon, án tử hình chỉ nên dùng làm một biện pháp kỷ luật nghiêm trọng hơn hết trong một khám đường, nghĩa là trong một trường hợp thực đặc biệt vậy.

Hồi năm 1950, Ủy ban Hình luật quốc tế đã đặt ra câu hỏi sau này cho độ ba mươi chánh phủ : « Những tội nhân phạm tội giết người mà bị án có nguy hiểm hơn những tội nhân khác hay không ? »

Tất cả những nước nào có trả lời đều trả lời « không », trong số ấy có các nước Anh, Áo, Bỉ, Đơn-mạch, Phần-lan, Na-uy, Thụy-điển và Thụy-sĩ.

Câu hỏi thứ nhì là : « Tánh hạnh của những tù sát nhân được ân xá hay phóng thích về sau ra thế nào ? » Chỉ có một mình nước Anh trả lời rằng trong số 112 tù sát nhân được trả tự do trong khoảng 20 năm, chỉ có một tên giết người lần thứ nhì mà thôi.

Không có một sự trả lời nào khác có nói đến một trường hợp tương tợ. Trái lại, tất cả đều xác nhận rằng những tù nhân được thả đều giữ tử tế cho đến ngày cùng, không hề có việc gì lôi thôi với tòa án nữa. Điều ấy rất đáng để ý vì đối với bọn tù nhân trộm cướp và lường gạt thì sự tái phạm thực là vô số.

Ấy vậy, sự giam cầm chung thân đã đủ đem sự an ninh cho xã hội rồi, cần gì phải có thây ma mới được ?

(còn tiếp)

PHAN-VĂN-THIẾT

VÀI NHẬN XÉT NHÂN DỊP

Triển-lãm Hội-họa

mùa Xuân Kỷ-hợi

ĐOÀN-THÊM

Trong mấy năm vừa qua, đã khá nhiều họa sĩ lần lượt ra mắt công chúng, nhưng chưa từng thấy cuộc trưng bầy họa phẩm nào có nhiều ý nghĩa và sức hấp dẫn hơn là triển lãm khai mạc từ ngày 10-3-59 tại Phòng Thông-tin Đô-thành.

Số 300 bức tranh đủ các loại và các khuynh hướng, của những vị có tên tuổi cũng như của những người chưa được công chúng biết ; sự tham gia nhiệt liệt của các giới nhất là của báo chí trong sự giới thiệu hoặc phê bình : đó là những triệu chứng đáng mừng cho sự tiến bộ mạnh mẽ của nghệ thuật và hơn nữa, cho sự tự do phát triển tinh hoa muôn mầu sắc.

Khán giả còn nhận rõ sự cố gắng của ban Tổ chức trong việc xếp đặt và lựa ánh sáng thích hợp, cũng như sáng kiến thâu thập nhận xét của người xem : một phương pháp thiết thực để gây một luồng dư luận vô tư và khuyến khích những họa sĩ đã hưởng ứng.

★

Song rút kinh nghiệm ở nhiều cuộc triển lãm trước, sau khi quan sát họa phẩm và theo dõi khán giả để thăm dò phản ứng, một số bạn quan tâm tới nghệ thuật đã có vài ý kiến khách quan với mục đích tìm hiểu và xây dựng.

Sự hiểu thấu mỹ thuật đòi hỏi, ngoài trình độ trí thức khá cao, một sự hướng dẫn khá lâu, nhất là đối với ngành hội họa. Song tiếc rằng đa số, nếu được giảng dạy về văn chương để biết thưởng thức tác phẩm văn nghệ, chưa được hướng dẫn để có ý niệm rõ rệt về họa phẩm cũng như về âm nhạc, vì các chương trình trung học phổ thông còn phải dành thời giờ cho những môn xét ra cần thiết hơn. Vì thế, hội họa cũng như âm nhạc, nếu có tánh cách cổ điển, tân kỳ hay siêu việt, cũng chưa được quần chúng lưu tâm ưa chuộng.

Một số họa phẩm có giá trị, không những chưa được nhiều người thưởng thức, đôi khi còn bị hiểu lầm : bức tường rêu mốc hay bộ mặt giăn gieo thế kia, sao

mà được mua với giá một vài vạn đồng ? Hoặc dụng ý của nghệ sĩ, cũng không được thông cảm : cỏ cây này, theo tác giả thì dượm vẻ yêu đương nồng thắm, mà người xem chỉ thấy là cảnh hiu quạnh bơ vơ ! Còn đa số khán giả không biểu lộ cảm tưởng gì, bước vào, lướt qua, dừng chân giây phút trước một vài nét mới lạ, rồi đi ra. Vì khó lòng đoán được chủ ý, tâm tình, khuynh hướng và môn phái của họa sĩ.

Đâu có phải lỗi khán giả ? Người có học cũng nhiều khi lưỡng lự phân vân, không thể phê phán gì hết, chẳng những ở riêng xứ nhà, mà có lẽ ở ngay các nước tiền tiến có nền mỹ thuật xây đắp từ lâu. Các nhà văn, khi viết sách, còn có bài tựa để bản ý được các độc giả hiểu rõ ; chớ họa sĩ viết bằng mầu sắc, khi huyền ảo như non nước thần tiên, khi bí mật như góc rừng đáy biển, dù sao cũng thường vượt qua nhỡn giới phàm nhân, hoặc nhìn cảnh vật qua những tâm trạng u minh của đáy lòng hay giấc mộng... Viết văn mà nói bóng còn khó hiểu, huống chi là vẽ theo lối « bóng gió » chớ không y theo thực cảnh.

Song nghệ sĩ, đã sáng tác thì cần được hiểu biết ; vả lại nghệ thuật ở thế kỷ thứ XX, không thể còn là thứ đặc quyền của thiểu số hữu tài, nhưng đã thành ra chất bổ dưỡng tinh thần, cần thiết cho đại chúng cấp tiến. Giữa đại chúng và giới nghệ sĩ, cần có sự tương cầu tương ứng, nên phải làm thế nào cho hội họa cũng như điêu khắc, âm nhạc, hay văn chương, được phổ biến sâu rộng đến mọi tầng lớp xã hội.

Để đặt mục tiêu đó, thiết nghĩ trước hết các họa sĩ cần soạn những bài, những sách phổ thông về sự tiến triển của ngành hội họa, về các họa phẩm và họa sĩ Đông Tây, các trào lưu, khuynh hướng qua các thời đại, những phương pháp quan sát phê bình sắc mầu hình bóng v.v... Ngay ở Âu Mỹ, mặc dầu dân trí đã cao, hiện nay sự phổ biến nghệ thuật còn đương xúc tiến, và những sách báo nói về hội họa mỗi ngày một nhiều : có những tập như « L'Art Moderne » (Nghệ thuật tân tiến), « Le Jardin des Arts » (vườn nghệ thuật), « Connaissance des Arts » (Hiểu biết nghệ thuật) « The Library of Great Painters » (Tủ sách về các danh họa), hoặc những cuốn nhỏ về mỗi họa sĩ « Corot », « Watteau », « Cezanne » v.v... Không kể bao nhiêu bài nghiên cứu bình luận ở các tạp chí văn học như « Arts et Lettres » « Nouvelles Littéraires », v.v... về các môn phái (Impressionnisme, Fauvisme, cubisme, surréalisme, néoplastiques et abstraits). Thường thường, các bức danh họa được chụp lại, và bên cạnh, có bài giải thích từng nét từng mầu, như ở những cuốn thuộc bộ « Great Painters », hoặc ít ra cũng có năm bảy câu chú thích minh bạch.

Có lẽ vì thiếu sự phổ biến đó mà nhiều họa sĩ đại tài không được hoan nghênh, ngay ở cuối thế kỷ trước ; trái lại, nhờ có sự truyền bá rộng rãi, như đã kể, nên tranh Van Goh khi xưa không ai mua, hoặc tranh Cézanne phải bán 48 quan, ngày nay được coi là những kỳ công kiệt tác, và đấu giá tới hàng mấy chục hay mấy trăm triệu quan, ở Luân-Đôn, Nữu-Ước hay Ba-Lê, không những được các giới trí thức ham mê và các nhà phú hào tranh dành, mà còn

được giới trộm cướp tinh mò chiếm đoạt như đối với trân châu bảo ngọc.

Một phương pháp thứ hai, có thể ích lợi ngay, là sự giải thích trước, trong và sau khi trưng bày. Công chúng cần biết cả tác giả lẫn tác phẩm. Vậy thiết tưởng nên có những bài báo hoặc buổi nói chuyện để giới thiệu ở đài Phát-thanh, cũng như ở các diễn đàn, về thân thế và khuynh hướng của các họa sĩ, cũng như về ý nghĩa và đặc điểm các bức tranh. Đặc điểm và ý nghĩa đó, cần được tóm tắt bằng năm mười dòng chữ, dán ngay bên cạnh mỗi bức được bày : như vậy, họa sĩ không ngại gì mang tiếng phô trương, vì phải tuân điều lệ bắt buộc của ban Tổ chức ; và rất có thể mạnh dạn bộc lộ tâm tình chí hướng bằng những lời lẽ bình dị khách quan : chắc chắn là sẽ tránh được sự hiểu lầm, và khán giả, dù chưa được huấn luyện về nghệ thuật, cũng có thể căn cứ vào đó, để liệu phê bình, xem tài của tác giả có đạt được ý không ?

Sau hết, nếu một số họa phẩm có giá trị đã được in trên các cuốn lịch treo 1959, thì nên cố gắng xuất bản với sự giúp đỡ có thể trông cậy được ở cơ quan hữu quyền, một vài tập danh họa Việt-Nam với những câu chú giải tường tận về mỗi bức : như thế có thể phổ biến một cách rộng rãi ở trong xứ cũng như ở ngoại quốc. Song, chính vì muốn lưu ý cả nước ngoài, nên lại cần thỏa mãn một điều kiện nữa.

*

Vượt qua triển lãm hiện nay để bao quát các cuộc trưng bày từ trước, và nhường lời cho những nhà phê bình sáng suốt đối với từng họa sĩ, một số bạn yêu hội họa *đứng riêng về phương diện quần chúng*, có nguyện vọng được thấy xuất hiện một ngày gần đây, với những bút vẽ thần tình, một họa phái đặc biệt Việt-Nam.

Đã dành rằng Mỹ - thuật cũng như Khoa-học, nhất là ở thời buổi mà các trạng thái đời sống đi tới sự quốc tế hóa, có phạm vi rộng lớn quá biên giới quốc gia, thuộc kho tàng chung của nhân loại, và đại khái theo một đà tiến hóa với những đồng điệm về kỹ thuật hay về khuynh hướng. Nhưng trong thực tế, nghệ sĩ cũng như mọi cá nhân khác, không thể thoát ly hoàn cảnh, mà ảnh hưởng đã góp phần cấu tạo tài năng. Những tài năng đó muốn phát triển toàn mỹ, cũng như một giống hoa muốn nảy nở rực rỡ, phải theo những điều kiện thiên nhiên của đất nước ; nói một cách khác, phải có dân tộc tính.

Những đặc tính cao đẹp của dân tộc phải do các vị biệt tài lần lần khám phá trong khi theo đuổi tuyệt đích nghệ thuật ; còn phàm nhân chỉ có thể nhận định một cách tiêu cực, nghĩa là chỉ biết thế nào trái dân tộc tính, chớ không đủ khả năng vạch rõ một cách tích cực những dân tộc tính cần có. Coi tranh Đại-Hàn trong tập « Korean Paintings », thì ai cũng thấy giống tranh Tầu, phảng phất hình sắc Nhật, nhưng vẫn có những nét, những vẻ, cũng thấy ở đồ điêu khắc, đồ thêu, đồ mộc, hay kiến trúc Đại-Hàn, tóm lại, là vẫn có tánh cách Đại-Hàn, viết ra thì khó tả, nhìn thấy thì cảm được.

Nếu xét theo quan điểm kể trên, thì thấy nhiều lần, và cả lần này, có một số tranh hợp hay trái với tính tình chất phác nhưng tự nhiên của người thường dân Việt-nam (l'homme de la rue).

Những tấm thân ngà ngọc, phơi bầy giữa cây cỏ xanh tươi dù có ganh được với Renoir, Manet hay Le Titien chăng nữa ; — những hình sắc kỳ dị, vuông tròn hay lệch lạc, lem nhem xanh đỏ tím vàng, phỏng theo chồi sơn huyền diệu của Picasso ; — những cành cây hình rắn độc vươn mình, những chùm lá tua tủa như giáo mác, không khí rùng rợn, tương tự như của Rousseau ; — tất cả các tranh thuộc loại đó, có thể được vài nhà chuyên môn ca ngợi, và đứng ở lập trường tự do cá nhận và tự do sáng tác, thì dĩ nhiên là tác giả đủ quyền phát triển tài năng.

Song đối với ngoại nhân như người Âu Mỹ, thì không đáng chú ý, vì họ thừa thấy ở xứ họ rồi, và chỉ tìm kiếm ở đây những tác phẩm cũng như những họa phẩm có tánh cách đặc biệt bản xứ, để thỏa mãn tính hiếu kỳ hoặc nhu cầu nghiên cứu. Còn theo con mắt Việt-Nam, trước những họa phẩm đó, dù đẹp thế nào, chúng ta cũng thấy bỡ ngỡ xa lạ, không thấy tâm hồn rung động : khác nào như khi đọc thơ Baudelaire hay Verlaine, dù có thể hiểu được để chịu là hay, cũng vẫn không thể rung đùi như khi đọc phú Chu-Mạnh-Trinh hay ngâm Chinh Phụ, Bích-Câu...

Trái lại, thoạt nhìn những mái tóc thơ ngây cạnh bộ râu bạc với cây bút lông ; — những cảnh xay lúa giã gạo chốn đồng quê ; — những tà áo phất phơ trên những tấm thân mềm mại, hay ánh nắng dịu bên ruộng lúa vàng ; mẹ hiền khuôn mặt trái soan, ru con trên võng, và hiu hiu giấc bướm bên thềm, v.v... Cảnh vật thân yêu, nét bút nhẹ nhàng, màu sắc khéo điều hòa, khiến cho khán giả cảm ngay thấy phong tao, giản dị, thanh đạm, lịch sự, hồn nhiên... như khi ngâm Cung-oán hay nghe vẳng khúc ca dao, nhìn dòng lờ lững nước sông Thao, hay ngắm bông cúc nụ đào ngày Nguyên-Đán : những cảm giác đó đưa ta trở lại tinh thần cố hữu của nước non Hồng-Lạc.

Đ. T.

★ Người thực tế không thể là kẻ bi quan, chỉ trông thấy khía cạnh xấu của người, của vật, của biến cố, khiến không còn khả năng khám phá được những giá trị tiềm ẩn trong người, vật hoặc biến cố ấy nữa.

★ Trời không vì người ghét rét mà bỏ mùa đông. (Tuân-Tử)

★ Người thực tế không phải là kẻ lạc quan, ngây thơ, làm mồi ngon cho những kẻ xảo trá, phỉnh gạt.

★ Ngu thì người chê ; thông thì người ngờ ; thông mà làm như ngu mới thật là khôn. (Lã-Khôn)

CẢM HỨNG VỀ

THÚ CHƠI HOA NGÀY XUÂN

• *NGUYỄN-QUANG-NHẠ*

I — Khái niệm về thú chơi hoa.

Ngày xuân lòng người rung cảm trước cảnh đẹp của thiên nhiên, lại thấy muốn hòa nhịp với mọi biến đổi hình thái của vũ trụ : nhà cửa được trang hoàng để đón xuân, y phục may mới để chào xuân, cỗ bàn, trà, tửu được sắp sẵn để mừng xuân, giấy hồng, mực tốt sẵn sàng để khai bút tán thưởng ngày xuân . . .

Chúa xuân quả được triu mến, không khí tân xuân đượm một hương vị mặn mà, nhân loại sống trong hoàn cảnh vô cùng hoan lạc, hy vọng tràn trề đặt vào một năm mới đầy hứa hẹn.

Trong các công trình sửa soạn nghênh xuân, thú chơi hoa có lẽ là thanh nhã hơn cả. Tùy theo phương tiện từng nhà và tùy theo sở thích từng người, những ngày Tết Nguyên-Đán ta thường được ngắm trên bàn thờ tổ tiên hoặc trên mặt bàn phòng khách, hoặc ở hàng hiên, hoặc trên dàn hoa rợp bóng từ cổng trở vào : nào chậu lan, chòi cúc, nào đóa huệ, cành mai, nào bông đào tươi thắm, nào cánh trắng thủy tiên.

Những bình pha lê, những lọ sứ dùng để cắm hoa lại thường là những sản phẩm mỹ nghệ đặc biệt, làm tăng vẻ kiều diễm của hoa.

Xét dân trong các nước, đầu tiên

L. T. S.— Tết đã qua, nhưng mùa xuân vẫn còn, thì bàn về cái thú chơi hoa, tưởng cũng chưa phải là lỗi thời. Tác giả bài này không có tham vọng đem lại cho bạn đọc những gì mới lạ, sâu xa..., mà chỉ « mong cống hiến độc giả một ít tài liệu để suy ngẫm ; cả trong buổi « tân xuân » cũng như trong lúc « xuân tàn ».

tiến hay hậu tiến, đâu đâu cũng thích chơi hoa, và hằng năm, số tiền mua hoa, tặng hoa, đã trang điểm nơi ăn ở và các chốn hí trường tính ra hàng bạc triệu.

Tại nhiều nước, những kẻ giàu sang còn gởi mua hoa ở các nơi xa lạ đưa về, ngoài giá hoa đắt rẻ tùy mùa, lại còn cước phí hàng không để hoa tới hãy còn phong nhị, cánh chưa tàn, hương còn nồng, còn ngát.

Tuy nhiên, người Á - Đông ta về phương diện chơi hoa có thể nói còn đứng trên một bậc những vị tỉ phú các nước Âu-Mỹ, vì có lẽ tốn nhiều công phu để tìm kiếm hoa, để gọt tỉa hoa, để vun trồng, bón xới cây hoa. Hơn nữa, một số khách thưởng thức hoa lại có một tâm hồn khoáng đạt, một phong độ siêu phàm, khiến người đời phải nể vì tôn trọng.

*

II – Vẻ đẹp và tác dụng của hoa.

Trước nhất, ta phải nhận thấy những bông hoa với hình sắc, với hương thơm, giữa rừng sâu hay trong đồng nội, ở vườn cảnh hay tại duyên hà, bên nẻo đường hay trên mặt nước hồ thu, quả giúp phần tô điểm rất nhiều cho non sông đất nước.

Biết bao nhiêu tao nhân mặc khách đã lưu danh với những tác phẩm có giá trị vì hoa, đã ngâm vịnh vì hoa, bao nhiêu họa sĩ và nhà điêu khắc đã tìm ở hoa những đề tài phong phú để trình bày nghệ thuật của mình. Trong văn chương nước nhà, kể cả phong dao lẫn thi ca, rất nhiều câu văn đã lấy hoa để ám dụ ngõ hầu diễn tả tính tình, tư tưởng một cách cao nhã.

Ta hãy đọc câu :

« Vườn xuân bướm hãy còn rào
« Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương »

Câu văn nầy trích ở Cung-oán Ngâm-khúc đã ám dụ một cách vô cùng tế nhị cái tuổi thanh xuân của một người trinh nữ. Cũng cụ Ôn-Như-Hầu tả tuổi thơ của người con gái ví với bông hoa và mặt trăng :

« Hoa xuân nọ còn phong nộn nhụy
« Nguyệt thu kia chưa hé hàn quang »

Nhà thi sĩ Nguyễn-Du trong câu :

« Tiếc thay một đóa trà-mi
« Con ong đã tỏ đường đi, lối về »,

cũng mượn hoa để tả đời một người trinh nữ đã lỡ bước mà không còn tuyết sạch, giá trong.

Khi tả gia đình Kim - Trọng và Thúy-Vân đông con, cụ Nguyễn-Du đã viết :

« Thừa gia chẳng hết nàng Vân
« Một cây cù mộc, một sân quế hòe »,

Ý nói đàn con sum vầy dưới gối của cha mẹ, cảnh tượng đông đảo vui vầy như hoa hòe, hoa quế.

Ta hãy thưởng thức dưới đây bài hát nói tuyệt tác của thi hào Nguyễn-Công-Trứ nhan đề là : Thú yêu hoa.

« Ngồi thử ngắm trăm hoa ai nhuốm,
« Một hoa là riêng một sắc hương.

« Khi Chúa Xuân khép nép bên tường,
« Còn phong nhị đợi Đông-Hoàng về cáng đáng.
« Liễu tia, đào hường, mai trắng trắng,
« Lan tươi, huệ tốt, lý xanh xanh.
« Thêm hương, khi lá gió mưa cành,
« Mở mặt thấy giang sơn cười chúm chím.
« Khách thập thúy say màu hoa điểm,
« Đối mặt mà cầm, mà kỳ, mà tửu, mà thi.
« Khuyên ai đừng giở cuộc thị phi,
« Trân trọng lấy hương trời cho trọn vẹn.

Trong bài hát ấy, tác giả nhắc đến nhiều loại hoa : liễu, đào, mai, lan, huệ, lý.

Hoa nở tùy mùa, xuân, hạ, thu, đông đều có cả. Tuy mùa xuân nở nhiều hoa nhất, nhưng ta quên sao hoa sen mùa hạ, hoa cúc mùa thu ?

Trong 2 câu :

« Sen tàn, cúc lại nở hoa
« Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân »,

Cụ Nguyễn-Du đã khéo tả sự biến chuyển tứ thời, căn cứ vào sự xuất hiện của một thứ hoa.

Hoa phượng vĩ đỏ ối đã nhắc lại cho ta bao kỷ niệm êm đềm của tuổi thiếu thời, những ngày sắp bãi trường, để gần gũi với núi rừng, sông biển.

Hoa anh-đào nở tại xứ Phù-tang vào mùa xuân từng được cả nước ca ngợi, tạo ra những bài thơ Haïkai ngắn ngủi mà đầy ý tứ, cảm tình.

Truyện kỳ thú hoa thủy-tiên trên núi Phú-sĩ (Fujiyama) nước Nhật-bản, truyện hoa myosotis (forget me not) dưới trời Âu, đã lưu lại cho người đời những cảm xúc êm đềm, thanh nhã tột bực.

Văn chương, thi phú đã mượn hoa mà tả cảnh, tả tình, thì các nghệ thuật khác như : hội họa, điêu khắc cũng mượn hoa mà ghi trên giấy, trên lụa, trên gỗ, trên xương, trên ngà, trên đá, những tác phẩm tuyệt vời. Kỹ thuật thêu dệt gấm vóc, lụa là, nhất là để trang sức y phục cho giới phụ nữ cũng chép ở các bông hoa thiên nhiên rất nhiều hình sắc.

III. Thú chơi hoa của người Á-Đông có tính cách đặc biệt gì ?

Vậy hoa đã đẹp và có những tác dụng dồi dào trong mọi lãnh vực sinh hoạt của người đời, yêu chuộng hoa là thú tất nhiên.

Nhưng ta có thể tự hào là người Á-Đông, nhất là các bậc tiền bối của ta biết thưởng thức hoa với một tâm hồn phiêu dật hơn các nơi khác, cũng bởi ảnh hưởng của triết lý đông phương nhất là tư tưởng triết lý Ấn-độ và Trung-hoa.

Trong bài hát của cụ Nguyễn-Công-Trứ về thú yêu hoa, ta thấy câu :

« Khách thập thúy say màu hoa điểm
« Đối mặt hoa mà cầm, mà kỳ, mà tửu, mà thi,
« Khuyên ai đừng giở cuộc thị phi,
« Trân trọng lấy hương trời cho trọn vẹn »,

trong đó nhà thi sĩ trứ danh của đầu thế kỷ thứ XIX đã biết yêu hoa với một tinh thần và nghệ thuật rất cao.

Đối mặt với những bông hoa kiều diễm, khách văn nhân nếu không muốn hồ thẹn với hoa, ít ra cũng phải tạo ra một hoàn cảnh vật chất, tinh thần cho xứng đáng : cầm, kỳ, thi, họa, tửu, để cho tâm hồn hòa nhịp với sắc quý, hương thơm.

Nói đến đây, ta lại liên tưởng đến thú chơi lan của các bậc thâm nho, như đã mô tả trong truyện « Hương cuội » của Nguyễn-Tuân, hay trong bài « Lan Thanh-ngọc » của Nhất-Linh. Ta cũng hội ý đến cả thú gọt tỉa giò thủy tiên để cho hoa kịp nở vào ngày mùng một Tết, để cánh hoa được tinh khiết nõn nà, để hương xông nhè nhẹ, phảng phất xa gần.

Nhà văn Nhất-Linh đã khéo diễn lại công trình tìm kiếm các loại lan trên rừng, các loại phong lan và các loại lan đất (mà loại có nhiều giống nhứt là Thảo-diệp-lan gồm nhiều giống khác nhau như : Bạch-ngọc, Tố-tân, Loan-điểm, Đông-lan, Mặc lan, Mộng-lan, Lan-yên-tử, Lan Tiên-hài, Hồ-điệp, Kim-diệp, Lưỡng-điểm-hạc, Phấn-hồng-lạp, Hoàng-lạp, Thanh-ngã, Huyết-nhung, Thanh-ngọc v.v...) Thực là đầy thi vị những đêm mà khách yêu hoa say sưa ôm chậu hoa Thanh-ngọc trong màn để ấp ủ mùi hương.

Còn truyện « Hương-Cuội » trong cuốn « Vang bóng một thời », được kể một cách dí dỏm, duyên dáng làm sao ! : « Cụ kép là người thích uống rượu, ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhàn rỗi để dưỡng lấy tính tình ». Bởi thế, mỗi năm, khi xuân đến, cụ tổ chức một bữa rượu « Thạch-lan-Hương » để mời ba bạn già khác, cũng nhà nho như Cụ, hầu ngắm các chậu lan mà Cụ đã dầy công vun xới, nâng niu.

Cụ đã cho nấu kẹo mạch nha, cuốn vào những viên đá sỏi rửa sạch, ướp trong những chậu mặc lan có đậy lồng bàn suốt cả một đêm.

Giữa sân, bày bốn đôn sứ, trước mỗi đôn một cái án thư với hai chậu lan còn đậy lồng bàn, và một hũ rượu. Khi các cụ khoan thai tiến đến tiệc rượu, lồng bàn được cất ra, mùi hương lan đã bị ủ cả đêm tản bay khắp vườn cây. Lúc đó các cụ mới nhắp rượu, và ngậm kẹo mạch nha đã thấm hương lan, hồn thơ lai láng, thi hứng dồi dào, tâm trí lâng lâng, khi ngâm vịnh, khi phê bình, cho đến khi vò rượu vơi dần, các hòn cuội dùng làm nhân kẹo mạch nha đã xếp cao trên dĩa.

Cao nhã thay, thanh đạm thay mà cũng cầu kỳ thay tiệc thưởng hoa của Cụ kép và các bạn !

Đọc đến đây, chúng ta lại hình dung đến những đêm trăng thanh gió mát mùa thu, hoặc đêm xuân tịch mịch, trước một lư trầm khói tỏa, trên án một vài bát sứ thủy tiên, một vài nhành lan mới nở, chiếc khay bịt khảm, ấm, chén da lươn, trà ướp sen hay ướp thủy tiên, pha nóng, mấy cụ nhà nho, tiên phong đạo cốt, râu tóc bạc phơ, áo lụa mỏng che thân, trên đầu bịt khăn nhiễu Tam-giang, ngồi dưới ngọn đèn bạch lạp, khi tỏ, khi mờ, đương ung dung hoặc đàm đạo về triết lý văn chương, về nhân tình thế thái, hoặc ôn lại những truyện Đông, Tây, kim cổ, hoặc phê bình bài hát, câu thơ, hoặc cất giọng ca ngâm, hoặc cao hứng gẩy cây đàn thập lục hay đàn bầu, hoặc gởi tâm hồn trong mây khúc tiêu, khi bổng, khi trầm, du dương, thảnh thót.

Tuy nhiên, thiết nghĩ, ta chỉ nên nhận rõ cái tính cách thanh nhã yêu hoa của các bậc tiền nhân, lấy thú chơi hoa để dưỡng tính tình. Còn như ta không

nên sớm bắt chước những quan niệm phiêu dật, phóng khoáng, yếm thế ưu thời, thích ưa nhàn hạ, nhuận mầu học thuyết Lão-Trang, nó không hợp với mức sống đầy hoạt động của ngày nay.

Cái thần bí tâm linh trong tư tưởng Lão-Trang tuy cao siêu cực độ, nhưng đưa đến những khuynh hướng xuất thế, vô vị, không hợp với tình trạng của đa số quần chúng, đang phải phấn đấu, vật lộn với mọi sự khó khăn phức tạp của nhân sinh.

Trong các môn phái đạo thuyết tại Ấn-độ như phái triết học Du-gia (Yogisme) và trong các phương pháp tu hành khổ hạnh khuynh hướng siêu hình và khắc kỷ đã là đặc tính.

Ta hãy lấy căn bản trên triết lý Trung-dung của Tống-Nho mà dung hòa hai khuynh hướng xuất thế và nhập thế, hòa hợp ngoại giới và nội giới, để tìm một phương châm vững chắc cho cuộc sống hằng ngày.

Ta không vội noi theo cái khuynh hướng ẩn dật của một số học giả thời xưa, sớm muốn trốn tránh việc đời, ngao du sơn thủy, say mê với thú yên hà, lấy tụng cúc, phong nguyệt làm cứu cánh, mặc dù những bổn phận đối với quốc gia, nhân loại còn bừa bộn, ngổn ngang.

Thái độ của Bá-Di, Thúc-Tề, của Khuất-Nguyên đời Chiến-quốc, là một thái độ tiêu cực không có lợi cho nhân quần, xã-hội.

Hãy đem cái hiểu biết ra mà phụng sự nhân sinh. Có vay phải có trả. Hãy trả cái nợ cơm ăn, áo mặc và cái nợ văn hóa mà ta đã hấp thụ, qua bao nhiêu thời đại. Cái văn hóa của ta không nên là bí giáo (culture ésotérique) khư khư giữ lấy một mình, mà phải là văn hóa công truyền (culture exotérique), thì mới có lợi cho đời.

Hãy gắng noi gương nhà thi hào Nguyễn-Công-Trứ đã biết dung hòa triết lý siêu hình của Lão-Trang với triết lý thực tiễn, khiến cho Cụ đã có một sự nghiệp đầy đủ về mọi phương diện.

Trong lúc còn ra cáng đáng việc nước, Cụ ưa hoạt động và những khi nhàn rỗi đã biết cách di dưỡng, tính tình trong đó có cả thú chơi hoa và thú cầm, kỳ, thi họa. Mãi đến khi về trí sĩ và sau khi đã bôn ba khắp đó đây, tích cực làm những việc phi thường, hiển hách, ích quốc lợi dân, cụ mới để xướng cái thú an nhàn, nhưng không bao giờ Cụ đã có tư tưởng bi quan thoái hóa.

Cái thú nhàn ấy là cái phần thưởng dành cho tuổi già, sau khi đã làm tròn nhiệm vụ của một nam nhi :

« Nhà nước yên mà sĩ được thong dong
« Bây giờ sẽ mới tìm ông Hoàng-Thạch.
« Năm ba chú tiểu đồng lếch thếch,
« Tiêu dao nơi hàn cốc thâm sơn,
« Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn,
« Đồ thích chí chất đầy một túi... »

Ai cấm ta, khi đã khó nhọc làm bổn phận, tìm cái vui cao thượng trong thú chơi hoa, cùng bè bạn đốt lư trầm đàm đạo truyện xa gần, ngắm hoa, ngâm thơ, thưởng nhạc ? Ai cấm ta, những lúc nghỉ ngơi, hưởng cái thú thanh nhàn như Tô-Đông-Pha chơi huyền trên sông Xích-

bích, tạm lãng quên những lo nghĩ hằng ngày mà khi đó sống cảnh thần tiên của thi sĩ :

« *Một con thuyền với một túi thơ,*
« *Gió hiu hiu mặt nước như tờ,*
« *Trăng chênh chếch đầu non mới ló,*
« *Thuyền một lá sông gành bạch lộ,*
« *Buông chèo hoa, len lỏi chốn sơn cương* » ?

và

« *Người ỷ ca réo rắt cung thương,*
« *Tiếng tiêu lẫn tiếng ca vang đáy nước* ? »

Sau đó lại trở về nơi phụng sự, với một tinh thần sảng khải, đầy tin tưởng vào tương lai.

★

Nhân khi lần dở mấy trang sách cũ, đọc lại tác phẩm của người xưa và cả thời nay, để luận bàn về thú chơi hoa, tôi tưởng cũng nên nhắc lại đây những quan niệm, thái độ, và tập quán của các thế hệ đối với thứ giải trí tao nhã ấy, cùng đối với các thứ tiêu khiển khác lúc thư nhàn, ước mong cống hiến độc giả một ít tài liệu để suy ngẫm, trong buổi tân xuân.

NGUYỄN-QUANG-NHẠ

Ba điều hay trong chính sự

Tử lộ cai trị đất Bồ được ba năm. Khổng-Tử đi qua, thoạt vào tới địa giới, đã khen :

— Trò Do giỏi thật! Biết giữ kính cẩn để lập đức tin.

Khi vào tới thành ấp, lại khen :

— Trò Do giỏi thật! Biết giữ trung tín mà lại khoan hồng.

Đến khi vào tới sân trong, ngài lại khen :

— Trò Do giỏi thật! Biết sáng suốt để xử đoán công việc.

Khi đó, Tử-Cống cầm cương xe cho Khổng-Tử, liền hỏi Khổng-Tử :

— Thày chưa trông thấy chính sự của Do thế nào, mà đã ba lần khen hay, là thế nào vậy?

Khổng-Tử đáp :

— Ta trông thấy chính sự của Do rồi đó : Vào tới địa hạt, trông thấy ruộng nương ngăn nắp, cỏ rác sạch sẽ, ngòi lạch thông suốt; đó tức là biết giữ cung kính để lập đức tin, cho nên dân đều hết sức làm ăn. Vào tới thành ấp, trông thấy nhà cửa chắc bền, cây cối xanh tươi ; đó tức là biết giữ trung tín mà lại khoan hồng, cho nên dân không dám cẩu thả, làm càn. Lại khi vào tới sân, trông thấy trước nơi công đường thanh thản, nhàn nhã, các người bên dưới răm rắp tuân theo mạng lệnh ; đó tức là biết sáng suốt để xử đoán công việc, cho nên chính sự không phiền hà. Cứ trông các điểm đó, dẫu ta khen hay ba lần, cũng chưa hết được cái đức tốt của trò Do vậy.

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

TÌM HIỂU

LẠI BỘ THƯỢNG THƯ NGÔ-THỜI-NHẬM

Một anh hùng dân tộc trong đời nhà Tây-Sơn

Nguyễn-thiệu-Lâu

(tiếp theo B. K. số 53)

PHẦN THỨ HAI

Ngô-Thời-Nhậm với nhà Tây-sơn.

Năm 1786, anh em nhà Tây - sơn ra diệt Trịnh, phò Lê. Rồi Nguyễn-Hữu-Chỉnh chuyên quyền Vũ-Văn-Nhậm ra bắt. Vua Lê-Chiêu-Thống chạy... rồi cầu cứu quân Tầu. Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ hai năm 1787 giết Vũ-Văn-Nhậm, tổ chức lại các cơ quan.

Nguyễn-Huệ mời Ngô-thời-Nhậm ra làm Lại bộ tả thị lang, nghĩa là coi hết các công việc chính trị, hành chính ở đất Bắc. Còn tướng Tây - sơn là *Ngô-Văn-Sở* thời coi về việc binh.

Nguyễn-Huệ ra rồi về ngay Phú-xuân. Cho đến khi ra đại phá quân Tầu, tính vừa một năm. Trong thời gian ấy, tình hình quân sự, chính trị ở đất Bắc khó khăn lắm.

✱

Vua Lê-Chiêu-Thống chạy sang Tầu cầu cứu,

Ở trong nước, nào là đảng Nhà Lê, nào là đảng Chúa Trịnh, nào là các giặc cướp ở trung châu, ở thượng du. Đây là ta không kể những mưu mô của một số người Pháp, người I-pha-nho đã sang ta từ lâu, ở trà trộn với một số dân chúng.

Việc nội trị đã khó, lại có việc ngoại xâm.

Vua Lê-Chiêu-Thống chạy sang Tầu, đem quân Tầu về chiếm nước ta. Về đoạn sử này, cụ Trần-Trọng-Kim có chép rõ. Tôi chỉ nhắc lại mấy điểm chính.

1 — Ba đạo quân Tầu tràn sang ta, một đạo từ Vân-nam sang Tuyên-quang ; một đạo từ Quảng-tây sang Cao-bằng ; một đạo từ Quảng-đông sang Lạng-sơn, lấy cớ phò vua Lê diệt nhà Tây-sơn. Tướng tổng chỉ huy là Tôn-Sĩ-Nghị.

2 — Ngô-Thời-Nhậm và Ngô-Văn-Sở sẽ xử trí như thế nào ?

Ngô-Văn-Sở muốn đánh hay ít ra cũng phải giữ lấy thành Thăng-long, trong khi chờ Nguyễn-Huệ đem quân ra cứu.

Ngô-Thời-Nhậm can không nên đánh. Phải thu thập một số lớn quân đội rút lui về dãy núi *Tam điệp*, ở giữa Ninh-bình và Thanh-hóa bây giờ. Dãy núi này là nơi hiểm yếu ta có thể cầm cự được với quân Tầu.

Vả lại, cho quân Tầu sang, đem vua Lê-Chiêu-Thống về, quân Tầu sang một cách dễ dàng, sinh kiêu, hà hiếp dân chúng, nay cướp chỗ này, mai đốt chỗ khác, lòng dân sẽ oán giận quân xăm lăng. Vua Lê-Chiêu-Thống sẽ chỉ là một ông vua bù nhìn, cong lưng uốn gối trước Tôn-Sĩ-Nghị, các quan ra phò vua sẽ tủi thân, còn sĩ phu trong nước, đứng trước cảnh dân chúng lầm than, triều đình bị khinh bạc sẽ nhớ tới Nguyễn-Huệ.

Rút lui quân về Tam điệp là thượng sách, vừa về quân sự, vừa về chính trị.

Vậy *Ngô-Thời-Nhậm đã là người sửa soạn cho trận đánh oanh liệt của Nguyễn-Huệ*. Lẽ tất nhiên là đã có sự liên lạc với Nguyễn-Huệ.

Ngày hai mươi nhăm tháng một năm Mậu-thân 1788, Nguyễn-Huệ tuy trước đã được Nguyễn-Nhạc phong cho làm Bắc-bình-vương, nay lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân (Huế).

Nguyễn-Huệ ra Bắc lần này là lần thứ ba và lần này là để đánh tan quân Tầu.

Mười vạn quân, một trăm con voi ra tới đèo Tam-điệp, hiệp với quân Bắc đã rút về đấy, chia ra làm nhiều đội đánh thẳng về Thăng-long, còn một đội nữa đi tắt lên đường Bắc-giang, Yên-thế để truy kích.

Có những trận rất ác liệt nhưng chỉ trong vòng nửa tháng hai mươi vạn quân Tầu bị đánh tan. Thây chất thành núi, tức là gò Đống-đa bây giờ ở gần Hà-nội, hàng vạn quân Tầu chết đuối, chết rét trên sông Nhĩ-hà, hàng vạn tàn quân chết đói, chết dạn, chết chém trên con đường Hà-nội, Lạng-sơn.

Trong lịch sử dân tộc Việt-Nam ta, không bao giờ có một sự xâm lăng như vũ như bão mà lại bị tiêu diệt chỉ bằng một trận mà lịch sử gọi là *trận Đống-đa*.

Người đã thắng trận đó là Nguyễn-Huệ, nhưng người cũng đã có công lớn, ấy là Ngô-Thời-Nhậm. Lẽ tất nhiên là đã phải có một sự quật khởi của dân tộc, dưới chế độ cách mạng Nhà Tây-sơn. Ở Bắc, người thi hành chế độ đó là Ngô-Thời-Nhậm.

Nguyễn-Huệ tuy đã thắng quân Tầu nhưng thắng để mà cầu hòa, chứ không cầu chiến. Vì nước Tầu là nước lớn, lại có ý xâm lăng nước ta như một tờ mật thư bắt được đã cho ta biết.

Viết thư cầu hòa là việc của Ngô-Thời-Nhậm.

Bắc bình vương phải rút quân về Trung, về Nam để đánh loạn quân của Nguyễn-Phúc-Ánh; trong đám loạn quân này có nhiều người Pháp do Nguyễn-Phúc-Ánh thu dụng.

Ở Bắc, các việc quân do Ngô-Văn-Sở và Phan-Văn-Lâu phụ trách, việc dân và việc giao thiệp với Tầu do Ngô-Thời-Nhậm và Phan-Huy-Ích phụ trách.

Nếu ta nghĩ tới toàn thể đất Bắc mà đất Bắc hồi đó ăn mãi vào miền Thanh-Nghệ thời ta thấy là diện tích rộng như thế nào.

Ở miền núi, biết bao dân tộc thiểu số: Mường, Thái, Mán, Mèo, Thổ, Nùng. Ngô-Thời-Nhậm, nguyên trấn thủ Lạng-sơn trong thời Lê mạt đã có dịp hiểu biết các dân tộc thiểu số này.

Ở đồng bằng, biết bao vấn đề chính trị. Thanh toán các cường khấu mượn danh nhà Lê, họ Trịnh mà lũng đoạn nhân dân, thi hành cách mệnh về đủ mọi phương diện, nào là áp dụng chữ nôm, tiêu tiền mới, nào là sửa đổi lối cai trị ; chắc cũng đã có một sự cải cách điền địa.

Ngô-Thời-Nhậm được thăng lên làm thượng thư, không biết về năm nào. Chắc là để có thêm uy tín trong việc giao thiệp trực tiếp với người Tầu nhưng cũng phải có tài, có công mới được.

Ngô-Thời-Nhậm không rời đất Bắc suốt *mười bốn năm*, từ năm 1789 đến năm 1803.

Trong mười bốn năm đó. Nhà Tây sơn phải chống nhau với Nhà Hậu Nguyễn.

Nguyễn-Phúc-Ánh đem quân Xiêm về bị Nguyễn-Huệ đánh tan ở Rạch-gầm, phía dưới Mỹ-tho. Rồi lưu vong nay đây, mai đó, Nguyễn-Phúc-Ánh đem con cho làm con tin để cầu cứu Pháp. Pháp giúp cho nào là tàu chiến, súng ống, đạn dược, nào là quân đội, da trắng có, da đen có ; quân đội da đen mộ ở Ấn-độ. Ta có thể nói được rằng người Pháp đã mở cuộc chiến tranh xâm lăng ở nước ta vào cuối thế kỷ thứ mười tám với đoàn quân viễn chinh đầu tiên của đức cha Bá-Đa-Lộc (Pigneau de Béhaine, évêque d'Adran). Và Nguyễn-Phúc-Ánh mở đầu cho nhà Hậu Nguyễn bằng sự nhờ quân Pháp đánh phá quân đội cách mạng Nhà Tây sơn.

Nguyễn-Phúc-Ánh và Pháp đã đánh Nhà Tây-sơn như thế nào ? Những trang lịch sử đẫm máu này, Cụ Trần-Trọng-Kim đã chép lại.

Tháng năm năm Nhâm tuất Nguyễn-Phúc-Ánh lên ngôi vua ở Phú-xuân, lấy niên hiệu là Gia-long (1802), rồi đem quân ra đánh Bắc hà.

Chỉ trong một tháng mà tất cả đồng bằng sông Nhĩ hà bị chinh phục.

Tại sao quân đội Tây-sơn lại thua một cách nhanh chóng như thế ?

Lấy danh nghĩa phù Nhà Lê ; đang lúc thắng, các quân sĩ mộ ở Nam-Việt và Trung-Việt rất hăng muốn phò vua, nhưng thứ nhất nhờ hỏa lực mạnh của Pháp, nhờ số quân da đen, da trắng hùng hùng hổ hổ như quỷ sứ làm dân chúng sợ hãi, Nguyễn-Phúc-Ánh đã mở một cuộc chiến tranh chớp nhoáng. Ngô-Văn-Sở và Ngô-Thời-Nhậm chống làm sao nổi ? Ngô-Văn-Sở có lẽ đã chết trận, còn Phan-Huy-Ích và Ngô-Thời-Nhậm thời bị bắt, đóng cũi, đem về Phú-xuân để hành tội.

Vua Gia-Long ở Thăng-Long độ ba tháng rồi về Phú-xuân.

Tháng hai năm sau là năm Quí-hợi 1803, Ngô-Thời-Nhậm, Phan-Huy-Ích và một vị nữa Nguyễn-Gia-Phan mà tôi không biết là đã giữ chức gì trong thời cách mệnh, lại bị đóng cũi đem từ Phú-xuân ra Thăng-Long để chịu tội.

Cái cũi giam người như thế nào ?

Con chó ở trong cái cũi đứng cũng được, nằm cũng được. Con người, ở

trong cái cũi, phải ngồi, đầu gục xuống. chân co lại. Hai người khênh dưới một cái đòn dọc, lắc la, lắc lư. Ăn, uống như thế nào, đại tiện, tiểu tiện như thế nào, chúng ta tưởng tượng thời sẽ hiểu nhục hình, khổ hình này đã ra làm sao.

Tháng hai năm Quí-hợi 1803 Ngô-Thời-Nhậm và Phan-Huy-Ích, Nguyễn-Gia-Phan bị giải trong cũi từ Phú-xuân ra Thăng-Long.

Sử cho ta biết chi tiết sau này : « Truyền chỉ đem bọn ấy đến trường học phủ Phụng-thiên kể tội mà đánh. Nhậm bị đánh chết. »

« Bọn ấy » đã có tội gì ?

«Nhậm bị đánh chết» là do chỉ nhà vua.

Nguyễn-Phúc-Ánh bắt đem ba vị nói trên về Phú-xuân để cho dân chúng đất Trung biết võ công oanh liệt của con cháu chúa Nguyễn, nhờ có sự viện trợ của Pháp. Rồi đem ra xử ở Thăng-Long, đánh chết Ngô-Thời-Nhậm để cho dân chúng Bắc-hà sợ oai nhà Nguyễn trung hưng.

Nguyễn-Phúc-Ánh đã giỏi thật.

(còn tiếp)

★ Lanh lẹ trong việc làm, cẩn trọng trong câu nói (Luận ngữ)

★ Nói thì phải nghĩ đến làm ; làm thì phải nghĩ lại đến nói (Trung dung)

★ Không thích ứng với thực tế chính là một sở đoản trong việc chỉ huy.

Tái ông thất mã

Ngày xưa có một ông lão ở nơi biên tái, đánh mất con ngựa, nhiều người quen thuộc tới hỏi thăm, ông nói : « Mất ngựa chưa chắc đã phải họa đâu ! » — Được ít lâu, con ngựa tự nhiên trở về, hàng xóm tới mừng, ông nói : « Được ngựa chưa chắc đã phải phúc đâu. » Cách được mấy hôm, con trai ông lão cưỡi ngựa, không may ngã gẫy chân, người ta đến viếng, ông nói : « Gẫy chân chưa chắc đã phải họa đâu ». Về sau, trong nước có loạn, mọi người bị bắt đi lính, và đều bị giặc giết chết, duy có con lão, vì gẫy chân được miễn dịch, nên được an toàn. Do đấy, người đời thường dùng tích « Tái ông thất mã » (ông lão ở nơi biên tái mất ngựa) để chỉ họa phúc ở đời không biết thế nào mà lường được.

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

GIÁO-HỘI KI-TÔ VÀ Văn-hóa Trung-hoa (1)

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh *(dịch)*

Giáo hội phải nói tất cả các thứ tiếng, và vì tính cách đại đồng của mình, phải đảm đương tất cả các văn hóa. Nhưng có nhiều cách hiểu danh từ « đại đồng ». Có người cho rằng đại đồng đồng nghĩa với nhất diện ; có kẻ, trái lại, nghĩ rằng đại đồng ám chỉ sự đồng nhất trong sai biệt và sai biệt trong đồng nhất. Hạng người trên xác nhận sự ưu tiên của văn hóa Tây-phương đối với tất cả các văn hóa khác ; hạng dưới thì cho rằng ưu thế ấy không có gì là chung quyết cả.

Vì lẫn lộn đại đồng với nhất diện nên thế kỷ XIX, Tây-phương Ki-tô giáo đã quan niệm Giáo-hội Ki-tô như một chuyến xe lửa đương đi, trong đó chỉ riêng tín đồ da trắng được choán những toa xe có giường ngủ, có phòng bán đồ ăn, toa hạng nhất, hạng nhì, còn tín đồ màu da khác thì chỉ được dùng hạng ba hoặc có khi các toa chở thú vật. Phần tôi, tôi muốn hình dung sự đại đồng của Giáo-hội như một hình hoa thị trong đó Chúa Ki-tô là trung tâm, còn mỗi cành hoa tượng trưng một ngôn ngữ riêng, một tâm lý riêng, một văn hóa riêng, một dân tộc riêng. Tôi tưởng quí vị cũng đều đồng ý với tôi về điểm này.

Tùy theo hai quan niệm về đại đồng mà địa vị của nước Trung-hoa khác nhau. Nếu xem Giáo-hội như một chuyến xe lửa thì nước Trung-hoa, một kẻ bà con nghèo lại đến sau, phải bằng lòng theo đuôi Tây phương mãi mãi, và tạm tạm mô phỏng Ki-tô-giáo theo như người Âu-châu đã chế định. Trái lại, nếu nhìn Giáo-hội như một hoa thị, người ta có thể nghĩ tưởng,

(1) Diễn thuyết tại Semaine des intellectuels catholiques français ngày 17-11-1955.

như một triết gia Ki-tô-giáo hiện đại kia, rằng hễ chưa nói tiếng Trung-hoa, chưa đảm đương văn hóa Trung-hoa thì Giáo-hội vẫn thất bại trong sứ mạng đại đồng phổ biến của mình. (1)

Nhìn thế giới hiện tại, người ta hầu như phải tin sự thất bại ấy. Vì sao, từ thế kỷ XVII, sau ba trăm năm truyền giáo, mặc dầu những cố gắng anh hùng của bao nhiêu giáo-sĩ, sự thấu nhập của những tư tưởng và phong tục Ki-tô-giáo ở mọi tầng lớp dân chúng, trong các trình độ khác nhau, mà đến nay không những chúng ta chưa thể nói đến một Giáo-hội chánh thức Trung-hoa, nghĩa là phát biểu và nghĩ tưởng bằng Trung-hoa những chân lý Ki-tô-giáo, mà chính Giáo-hội ấy hiện giờ còn đương phải trải qua một cơn khủng hoảng nó đe dọa đến sự sinh tồn của mình nữa ? Giải thích sự thất bại của Giáo-hội ở Trung-hoa thế nào ? Có nên tin rằng vì liên kết với văn hóa Tây phương, Giáo-hội không bao giờ có thể phát biểu trong ngôn ngữ và tư tưởng của người Trung-hoa không ?

Muốn trả lời câu hỏi ấy một cách xác đáng, nên tìm xem ở giữa Ki-tô-giáo và ngôn ngữ, tư tưởng Trung-hoa, có sự không thể dung hợp nhau, có sự mâu thuẫn tự căn bản không.

*

Những lời tuyên bố của vài Giáo-sĩ ở thế kỷ XIX làm cho người ta có thể tưởng rằng ngôn ngữ và tư tưởng Trung-hoa vì bản chất, đều ngoan ngạnh, không biến hóa được, đối với cánh thơ Tin Lành. Một vị, năm 1890, đã nói : « Tiếng nói Trung-hoa là một dụng cụ quá khuyết điểm, quá thô kệch, nên không bao giờ có thể dùng làm môi giới cho chân lý tinh thần của Ki-giáo-giáo » (1). Một vị khác đã viết : « Văn minh Trung-hoa, về mọi phương diện, là một kỳ hình quái trạng, không những trái với Ki-tô-giáo mà còn trái với nhân đạo, nhân tính nữa... Trung-hoa hiện không có và không hề có văn minh. Chúng ta đừng phàn nàn... Dân tộc Trung-hoa là một dân tộc đáng buồn ! Họ thiếu Phúc-âm. Nhưng khi có được Phúc-âm, họ vẫn sẽ còn là một dân tộc đáng buồn. » (2)

Những lời nói như thế có thể gây ra một niềm bi quan sâu xa. Trong các lời ấy, cái giọng thóa mạ dân tộc tôi làm cho tôi ít buồn hơn là sự cự tuyệt mọi khả năng thành lập một Ki-tô-giáo chánh thức Trung-hoa. Nếu ngôn ngữ Trung-hoa cũng như tư tưởng Trung-hoa, không cái nào có thể dùng để truyền bá chân lý Ki-tô-giáo thì lý tưởng đại đồng của chúng ta là một ảo vọng !

Theo ý tôi, chỉ trích thái độ của các giáo sĩ ấy không ích gì, dẫu thái độ này xúc phạm chúng tôi đến thế nào chăng nữa. Huống chi, ngày nay không còn một giáo sĩ nào đồng ý với những lời phê bình như thế. Song vấn đề các giáo sĩ ấy nêu lên rất là quan trọng.

Vì những lý do gì mà các giáo sĩ ở thế kỷ XIX nhận thấy rằng ngôn ngữ Trung-hoa là một môi giới thô kệch

(1) Cf. A. E. Taylor, The Faith of a moralist, 1931, vol. II, pp 96.97.

(1) Chinese Recorder, 1890, trương 454

(2) Aubry, Les Chinois chez eux, Desclée, 1887...

khuyết điểm cho sự thu nhận sự truyền đạt và sự nghiên cứu sâu xa Ki-tô-giáo ? Đó là vì họ đã gặp những khó khăn lớn lao, rất lớn lao, trong những khi toan phát biểu những ý tưởng Ki-tô-giáo ra tiếng Trung-hoa vậy.

*

Trước hết, những khó khăn về sự phiên dịch, khó khăn cố hữu của chính sự cấu tạo tiếng Trung-hoa, một thứ tiếng đơn âm, mà mẫu âm không biến hóa. Thứ tiếng biểu ý này, không có những ký hiệu về số nhiều số ít, về chủng loại, về thời gian, về tương quan, thật là không thích hợp để phát biểu một đôi ý tưởng trừu tượng. Thật khó mà dịch ra tiếng Trung-hoa những danh từ như *trinité, transsubstantiation, hypostatique v.v...* Lấy chữ « trinité » làm ví dụ. Thường thường, người ta dịch là « tam vị nhất thể », nghĩa là « ba ngôi trong một bản thể » song tân ngữ này, — mà người ta cố gắng dùng để dịch « ba ngôi nhưng một bản thể » — làm cho những người Trung-hoa không am hiểu có thể tưởng rằng đó là trường hợp bệnh hoạn của một nhân vật phức hợp. Vậy khi cần dịch một danh từ về Ki-tô-giáo, tốt hơn là nên mượn một tiếng Trung-hoa đã có sẵn trong ngữ vựng triết học hoặc tôn giáo. Vì thế mà các Giáo-sĩ Dòng-tên ở thế kỷ XVII đã dịch « Dieu » bằng danh từ Thượng-đế, là một danh từ lấy trong các Kinh, Truyện. Nhưng cách ấy cũng có nhiều điều bất tiện lớn lao. Vì chữ dịch như thế, bị lấn át bởi các nghĩa khác mà người ta gán cho nó trải qua nhiều thế kỷ, lần lần có thể mất nghĩa nguyên thủy của nó. Thành ra dịch giả phải đứng trước một tình trạng khó khăn hai mặt như sau : hoặc mượn của ngữ vựng cổ điển một danh từ quen thuộc và thanh nhã, nhưng như thế thì có thể làm sai lạc sắc ngữ ; hoặc giữ đúng nghĩa nguyên lai của mỗi danh từ và dùng một chữ mới không những không thanh nhã mà còn khó hiểu đối với người Trung-hoa nữa. Cha Ricci và các Giáo-sĩ kế vị Người đã cố gắng làm cho tư tưởng Ki-tô-giáo thích hợp với tâm lý người Trung-hoa. Giáo-hội thế kỷ XVIII đã bài xích ý định ấy. Buộc con chiên Trung-hoa dùng một danh từ mới là « Thiên Chúa » thay danh từ Thượng-đế để chỉ Dieu, các Giáo-sĩ thế kỷ XVIII đã ý thức sự khó khăn ở hai mặt nói trên kia, và dành hy sinh những thuận tiện trong công việc truyền giáo để giữ gìn sự thuần khiết của giáo-lý (1).

Sự dịch âm tên các nhân vật trong kinh Thánh và các vị Thánh Ki-tô giáo cũng đã gây nên nhiều khó khăn. Vì muốn dùng một thứ tiếng đơn âm để phiên dịch những tên Cổ-do-thái hoặc Âu-châu gồm nhiều âm tiết, người ta phải phá bỏ sự gọn gàng, sự điều hòa và tiết điệu của câu văn Trung-hoa. Thật là khó khăn, nếu không nói là không có thể, khi viết một tên Cổ-do-thái như Melchisedech, hoặc một tên Ky-tô như François Xavier bằng tiếng Trung-hoa một cách thanh nhã và dễ nghe. Một nhà phiên dịch danh tiếng ở thế kỷ vừa qua đã nói chắc rằng đó là những danh xưng man dã, danh xưng nó làm cho Ki-tô-giáo xa cách với đa số

(1) Rowbotham, Missionary and Mandarin, 1942, trương 128-129, 149.

hạng người trí thức Trung-hoa. (2) Một tín đồ Ki-tô giáo người Trung-hoa có học vấn cũng cần có can đảm, có đức hạnh mới đọc hiểu bằng chữ phiên âm phồ hệ của Chúa Ki-tô từ đầu Kinh Phúc-âm của thánh Mat-thêu, vì phồ hệ này có thể khiến người đọc phải thắc mắc về mối quan hệ thân tộc giữa những tiên tổ của Chúa Ki-tô. Ya-po-lo-han (Abraham) và Ya-ko-pe (Jacob) có phải cùng một gia tộc không, bởi vì hai tên đều bắt đầu bởi một tên họ Ya ? Phải chăng cũng vì một lẽ ấy mà một vị giáo sĩ Trung-hoa nào đó đã cho rằng Chúa Giêsu là con của Yahweh (Yei-ho-wah) bởi vì Yei-sou (Jésus) và Yei-ho-wah (Jah-weh) cùng một họ Yei ?

Người ta hiểu vì sao đứng trước những khó khăn thuộc về ngôn ngữ bề ngoài khó vượt qua được ấy, các giáo sĩ ở thế kỷ XIX đã có thể nản lòng. Người ta cũng hiểu vì thế họ muốn đào luyện các tín đồ Trung-hoa theo Tây-phương hơn là chuẩn bị cho tín đồ phát biểu đức tin bằng một ngôn ngữ xứng hợp với tinh thần của mình.

Nản chí vì những khó khăn của ngôn ngữ Trung-hoa, các Giáo-sĩ càng nản chí hơn nữa vì những trở ngại họ gặp phải khi tiếp xúc với tư tưởng về triết lý và tôn giáo Trung-hoa.

Ở thế kỷ XIX và cho đến cuộc cách mạng 1911, xã hội Trung-hoa thật ra gồm có hai giai cấp. Một là giai cấp lãnh đạo, gồm hạng sĩ phu trí thức, triết gia luân lý, những hoài nghi đối với các tín ngưỡng tôn giáo cũng như các điều mê tín dị đoan. Giai cấp kia là hạng nông dân, thường thường dốt nát, dễ tin và mê tín dị đoan.

Các giáo sĩ không thuyết phục được giới trí thức vì cho rằng tư tưởng triết lý của giới này, chống đối sự thấu nhập tư tưởng Ki-tô-giáo. Bởi vì, khi mới có lịch sử, hình như người Trung-hoa cũng có một quan niệm hữu thần, cho rằng Trời cũng có hình thể, tâm tính như người, nhưng đến thế kỷ V trước Thiên-chúa, sự suy tưởng triết lý của họ khuynh về phiếm thần, nghĩa là cho rằng vũ trụ là thần. Tuy có nhiều môn phái khác nhau, người ta cũng có thể nêu ra một vài nguyên tắc chung của tư tưởng triết lý Trung-hoa ở thế kỷ XIX

Trước hết là nguyên tắc trung hòa áp dụng cho vũ trụ, cho người và cho xã hội. Trong vũ trụ, con người vừa là trung tâm của ý thức, vừa là phần tử cấu thành vũ trụ. Xã hội loài người, trung gian giữa vũ trụ và con người, là phản ảnh của sự trung hòa ấy.

Nguyên tắc thứ hai là tính thiện của bản chất con người. Trong một vũ trụ trung hòa, sự ác không thể có thực tại xác thực. Điều mà chúng ta gọi là ác chỉ là sự phá liệt thế trung hòa trong cá nhân hoặc thế trung hòa trong xã hội. Sự phá liệt ấy không thể có, khi con người, nhờ giáo dục và trật tự, hòa được mình vào trật tự của xã hội hoặc của vũ trụ.

Nguyên tắc thứ ba là mọi người đều có thể thiện hóa, nghĩa là có thể trở thành người quân tử của đạo Khổng,

(2) E. C. Bridgman, The Bible: Its Adaptation to the Moral Condition of Man dans Chinese Repository, IV, 1835, trương 305.

người đạo sĩ của đạo Lão, bậc Bồ-tát của phái Đại-thừa Phật-giáo.

Nguyên tắc thứ tư là sự bổ sung của những cái tương phản. Đối với người Trung-hoa, giữa những danh từ như sáng và tối, hạnh phúc và khổ kiếp, không có sự mâu thuẫn, không hợp nhau. Những danh từ tương phản chỉ là những yếu tố bổ túc cho nhau, và cần thiết của một đơn vị tổ chức theo như một cặp điều hòa là âm và dương.

Nếu các nguyên tắc ấy là nền tảng của tư tưởng triết lý Trung-hoa, người ta hiểu vì sao giới trí thức chuộng luân lý hơn tôn giáo, lo hòa hợp với nhân loại và thiên nhiên hơn là tuân theo một cách thụ động những mạng lệnh ở ngoài do một đấng Thượng-đế sáng tạo muôn loài và lập ra pháp tắc. Người ta cũng hiểu vì thế các giáo sĩ đã ý thức sự chống đối giữa tư tưởng cổ truyền Trung-hoa và những ý niệm Ki-tô-giáo về sự Chúa sáng thế, về nguyên tổ phạm tội, về sự Chúa lựa chọn và về sự Chúa phán xét. Tôi tiếc không thể phân tích sự chống đối ấy về mỗi danh từ vừa kể trên và tôi xin quí vị ai nấy hãy suy nghĩ lấy. Ở đây, chúng ta hãy lấy cha Léon Wieger làm một dẫn chứng. Năm 1922, cha đã viết : « Thật là phi lý và bất công nếu người ta tố cáo các giáo sĩ ở Trung-hoa đã không thuyết phục để cải tôn được giai cấp lãnh đạo (tức là hạng sĩ phu, hạng trí thức, nước Trung-hoa không có hạng quí phái nào khác) vì đã không hành động đúng cách phải hành động. Nói chung, giai cấp sĩ phu trí thức, vì những tật xấu đáng hổ thẹn, vì thái độ kiêu căng ngu ngốc, vì sự lãnh đạm chán chê, làm sao có thể cải hóa họ theo đạo Chúa được.

Không thể thuyết phục hạng sĩ phu, trí thức, các giáo sĩ phải quay sang hạng người dốt nát, dễ tin và mê tín dị đoan là hạng người còn giữ một căn bản của đức tin thần thánh, pha trộn với những tín ngưỡng thần thoại. Thật vậy, những biến cố thuộc về phép mầu trong Phúc-âm, đối với hạng trí thức Trung-hoa, chỉ là những mẩu chuyện thần tiên, trái lại, nó rất được đám người thôn quê, vốn quen với truyền thuyết được trang sức đẹp đẽ về Phật Thích-ca, quen với cái hoang đường huyền bí của những tục truyền dã thặng địa phương, rất hoan nghênh. Nhưng ở đây, các giáo sĩ lại gặp một khó khăn khác. Vì chú trọng vào phương diện thần kỳ của Ki-tô-giáo, họ có thể được hạng vô học nghe theo, song như thế Ki-tô-giáo tỏ ra là một giáo phái thô lậu, tầm thường như các giáo phái khác. Để thoát khỏi sự khó khăn ấy, các giáo sĩ Dòng Tên ở thế kỷ XVII, muốn thu nạp hạng thượng lưu trí thức, đã truy lại các tín ngưỡng thời cổ sơ để tìm một thuyết hữu thần phù hợp với Ki-tô giáo. Rủi ro thay, các cố gắng để gây đồng tình, đồng cảm và để truyền giáo ấy không được Giáo-hội hiểu biết, nên mới xảy ra việc cấm chỉ các nghi lễ ở đầu thế kỷ XVIII. Vì thế, đến thế kỷ XIX, các Giáo-sĩ chỉ lo đề phòng cho đức tin Ki-tô giáo khỏi ô-nhiễm những tư tưởng bản xứ, và bắt buộc các tín đồ Trung-hoa phải tuân theo những giáo-lý không liên hệ chi với văn-hóa Trung-hoa, khiến họ phải sống dưới sự giám hộ của ngoại nhân.

Nếu tôi không lầm, đó là vì tưởng tượng sự đại đồng của Ki-tô-giáo như một chuyến xe lửa, chứ không phải như một hình hoa thị như đã nói trên kia,

mà các giáo sĩ ở thế kỷ XIX, đã không chịu đặt Ki-tô-giáo vào trong động lực tinh thần của dân tộc Trung-hoa, để đến nỗi coi nhẹ giá trị của văn hóa Trung-hoa, rồi bài xích văn hóa ấy nữa. Dùng ngôn ngữ và tư tưởng Trung-hoa để phiên dịch và phu diễn những ý tưởng Ki-tô-giáo tất phải gặp những khó khăn lớn lao, điều ấy không ai chối cãi được ; nhưng chính cái thành kiến về sự ưu thắng của văn hóa Tây-phương đã khiến một đôi Giáo-sĩ biến những khó khăn không thể tránh được ấy thành những trở ngại không thể vượt qua được. Không thu nạp được hạng trí thức, các Giáo-sĩ phải cam tâm truyền thụ cho hạng người nhà quê, mà không thấy rằng nếu người Trung-hoa thật sự hiểu rõ Ki-tô-giáo thì họ đã tự đào tạo ra một ngôn ngữ và tư tưởng không những có thể thuyết minh mà còn có thể phát huy Ki-tô-giáo nữa.

Sự du nhập khoa học và kỹ thuật hiện đại vào nước Trung-hoa đã gây ra những khó khăn về ngôn ngữ lớn lao hơn nữa. Hạng trí thức Trung-hoa trở nên những môn đồ hăng hái của khoa học, kỹ thuật ấy, há đã chẳng vượt qua tất cả các khó khăn thuộc về sự phiên dịch tự vựng và phiên âm đó sao ? (1)

Sự du nhập các ý thức hệ Tây-phương hiện đại vào Trung-hoa cũng bị các nhà tư tưởng cổ điển chống cự gắt gao hơn là đối với Ki-tô-giáo nữa. Nhưng vì giới trí thức đã trở thành những người truyền bá có nhiệt tâm, nên không những họ tạo ra một ngữ vựng vừa chính xác vừa thích hợp mà nhờ đấy họ còn cải biến được cả tư tưởng Trung-hoa nữa (2).

Nếu ngày nay Trung-hoa Tây-phương hóa, nhưng Tây-phương hóa ngoài ảnh hưởng Ki-tô-giáo, đó là có lẽ vì giới lãnh đạo đã tỏ ra có khả năng đồng hóa một ý thức hệ chống Ki-tô-giáo của Tây-phương, còn các giáo-sĩ ở thế kỷ XIX thì không để cho người Trung-hoa tự do phát biểu tinh thần của họ trong Ki-tô-giáo, cũng từ Tây-phương đem lại. Các Giáo-sĩ ấy rất sốt sắng và sẵn sàng chịu mọi hy sinh, nhưng các vị ấy không tin cậy đầy đủ vào dân tộc Trung-hoa, để cho Giáo-hội phải bị gạt ra ngoài giai đoạn phát dục này của nước Trung-hoa ; thật là đều đáng phàn nàn vậy.

May mắn thay, sự bài xích xưa kia đối với văn hóa Trung-hoa đã chấm dứt. Ngày nay không còn người công-giáo nào muốn đày người Trung-hoa phải đi xe lửa ở toa hạng ba mãi mãi như đã nói trên kia, hơn nữa, theo những huấn thị rất rõ ràng và rất quang minh của các đức Giáo-hoàng Bênêditô XV, Piô XI và Piô XII, người công-giáo Trung-hoa có bổn phận thiết lập Giáo-hội với ngôn ngữ, văn hóa, tình cảm và tinh thần riêng của mình. Những người Trung-hoa có văn hóa cao siêu và thật là con của Giáo-hội đã đáp lại lời kêu gọi ấy và vạch ra con đường phải noi theo. Dom Pierre-Célestin Lục nguyên làm Tể-tướng, sau làm Tu-viện-trưởng một tu viện thuộc giòng Thánh Bênêditô, đã để lại một thứ di chúc trong đó ngài viết :

(1) Forrest, R.A.D. The Chinese Language, 1950, trương 240...

(2) Xin tham chiếu tập biên khảo rất hay của Benjamin Schwartz : Marx and Lenin in Chine, trong Far Eastern Survey XVIII, n° 15, 1949 trương 178.

« Thứ chữ biểu ý, văn từ, bút pháp Trung-hoa và cách tư tưởng của những triết gia Á-đông thích hợp biết bao để phát biểu tư tưởng và minh trí của Cựu-ước và Tân-ước một cách chính xác tuyệt vời và phong phú, đầy đủ vô song ». (1)

Và Đức Cha Vu-Bân, Tổng giám-mục Nam-kinh, nhận thấy ở trong văn hóa Trung-hoa có sự chuẩn bị của Thượng-đế để cho Ki-tô-giáo được phát sinh. Ngài nói : « Nước Trung-hoa đã bày tỏ một sức khương kiện tinh thần và một khí lực về tôn giáo mà chúng ta tìm không thấy ở các dân tộc cổ kính khác. Nước ấy không hề tạo ra những ác thần của tật xấu, không bao giờ khuyến khích sự bất lương, trái với đạo đức. Nếu đó là bí quyết sự trường thọ của Trung-hoa, thì đó cũng là bằng chứng tỏ rằng nước này chỉ chờ đợi chân lý của Chúa Ki-tô để vượt lên và tự nâng cao đến một trình độ phi thường. » (2) Song những lời nói ấy dẫu phấn khởi, ủy lạo đến đâu cũng không thể làm cho chúng ta quên ngó đến những khó khăn mà người công giáo Trung-hoa không khỏi vấp phải khi mưu toan phát biểu đức tin bằng tiếng mẹ đẻ và cổ truyền của văn hóa. Nếu họ chắc cuối cùng sẽ thành công, họ cũng không nên tin rằng công cuộc ấy là một công cuộc dễ dàng. Thật vậy, khi thu nạp một văn hóa cổ kính và độc đáo như văn hóa Trung-hoa vào một Giáo-hội hằng chăm lo bảo thủ tinh thuần sứ mạng mà Thượng-đế giao cho truyền bá, tất nhiên sẽ gặp những cơn khủng hoảng, những sự sai lạc, cũng như ở Tây-phương vậy. Vai trò của những công giáo Trung-hoa là phải cùng nhau can đảm bày tỏ ý kiến của mình, và chú ý đến những lời cảnh giới phòng bị của Mẹ chung là Giáo-hội. Chính khi thi hành hai bổn phận ấy, tự nhiên họ sẽ thấy nảy ra sự hồn nhiên trong tìm tòi, trong suy tưởng, là điều mà nếu không có, thì không thể có tư tưởng linh hoạt, cũng như không thể có tự do Ki-tô-giáo chân thực, nếu không có sự cảm thông với La-mã vậy.

Khi Ki-tô-giáo nói tiếng Trung-hoa và đảm nhận văn hóa Trung-hoa thì hình thức sẽ thế nào ? Không ai có thể nói trước. Duy có điều chắc chắn, đó phải là công trình chung của tất cả mọi người công giáo Trung-hoa, từ những tín đồ thường cho đến các vị bác học cao thâm. Mỗi người đều mang lại di sản văn hóa và tôn giáo của mình, mặc dầu họ nguyên là môn đệ của Lão-giáo, Khổng-giáo, Phật-giáo hay là một giáo phái khác, đời sống công giáo của họ phải làm sao tinh luyện, xác định, và biến cải được tất cả những giá trị thuần túy Trung-hoa.

Nếu chỉ một mình Thượng-đế thấy trước bộ mặt thật của Ki-tô-giáo Trung-hoa sau này, chúng ta cũng được phép biết chắc rằng Ki-tô-giáo ấy chỉ có thể thực hiện với một điều kiện mà thôi. Cho đến ngày nay, người công giáo Trung-hoa phải đau khổ vì lòng tự ti mặc cảm vừa đối với người đồng tôn giáo Tây-phương, vừa đối

(1) Dom Lou, La Rencontre des Humanités, 1949, trương 110, 111.

(2) Monseigneur Yupin, Influence du Christianisme dans la Chine d'après guerre, chưa xuất bản.

với đồng bào không thuộc Ki-tô-giáo của mình. Chỉ ngày nào thoát khỏi mặc cảm ấy, họ mới có thể tự tin tưởng mình đồng đẳng với người công giáo da trắng, cảm thấy có trách nhiệm không những đối với tương lai của xứ sở, mà còn đối với tương lai của Giáo-hội đại đồng, và có thể thu nạp Ki-tô-giáo vào tư tưởng và đời sống Trung-hoa. Ngày ấy, họ sẽ ý thức rằng họ không bị đày ải phải đi toa xe lửa hạng ba mãi, trái lại, họ phải hoàn thành cái hoa thị của Giáo hội bằng sự phát dục, làm nảy nở cái cánh Trung-hoa.

Đức Giáo-hoàng vốn dành sẵn trong lòng Ngài một địa vị ưu đãi cho các con cái Trung-hoa, nên chúng tôi không nghi ngờ việc Ngài sẽ khuyến khích mọi sự tìm kiếm để Ki-tô-giáo-hóa tư tưởng Trung-hoa cũng như mọi mưu toan làm cho hồn Trung-hoa thấu triệt Ki-tô-giáo một cách sâu đậm. Vì vậy, chúng tôi xin các anh em thuộc Ki-tô-giáo của chúng tôi ở Tây-phương hãy tin cậy ở Trung-hoa.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

★ Người đời thường tiếc cái đã qua, mong cái sắp đến, mà hờ hững, xao lãng cái hiện đang có. (Tôn-Trung-Quân)

★ Thực tế là biết mình, biết khả năng mình và biết giới hạn của khả năng ấy. Phải có can đảm đối với cái mình có thật trước khi muốn có can đảm đối với cái mình muốn có.

★ Biết mình biết người, trăm trận đánh, trăm trận được.

Xem tôi biết chủ

Đường-sử có chép truyện sau đây : Lý-thế-Dân khi chưa làm vua, có người thuật sĩ tên là Viêm-thiên-Cương nghe tiếng Thế-Dân là người tài giỏi, đáng làm vua, toan đến xem tướng. Thiên-Cương vừa tới cửa ngoài, liền trở ra ngay, không xem tướng Thế-Dân nữa. Có người hỏi, Thiên-Cương đáp :

— Không cần xem tướng cho Thế-Dân, ta cũng biết sau này Thế-Dân tất sẽ làm vua : bọn đầy tớ của Thế-Dân thảy đều có văn tướng, võ tướng cả (tê bộc giai tướng tướng.)

Thú chơi sách

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

(*Xin xem từ B.K. số 49*)

Sự lựa chọn sách đã là một cái khó, sự lựa chọn một cái bìa cho xứng đáng lại là một sự không phải dễ. Tựa hồ trong xứ ta, lần lượt đã sản xuất nhà viết văn có biệt tài, nhà xuất bản có hạnh kiểm, đến nhà đóng sách biết tôn trọng mỹ thuật, xứng với nghề nghiệp của mình thì tôi chưa được gặp.

Bên Pháp, đóng sách mà được như Marius Michel, Pierre Legrain, thì tên tuổi có kém gì những họa sĩ đại danh, điêu khắc gia nổi tiếng. Những bộ sách do hai người nầy đóng bìa đều trở nên những vật cao giá, một ngoạn bửu trong văn phòng sang trọng.

Ngày 27 tháng Năm năm 1943, nơi phòng giáo giá Sài-gòn, tôi có thấy tận mắt một bộ « Mademoiselle Zoé » thủ bút của văn hào trứ danh Anatole France, do Marius Michel đóng bìa. Sách đề bán kỳ đầu tôi không còn nhớ đã phát mãi với giá nào, song qua ngày 22 tháng chạp 1943, thì đem ra đấu giá lại. Vị thủ lãnh đương thời trong xứ phái người chuyên môn đến giáo nghiệm và sau khi nhìn nhận đó là tác phẩm đúng của Anatole France viết tay, thì vị nầy mua lên với một giá rất cao vào thời buổi ấy là hai ngàn đồng bạc. Cách thức mua cũng ngộ là « Sử dụng quyền tiên mãi » (droit de préemption), tức là quyền của Chánh-phủ được đem ra đối phó trong các cuộc đấu giá công khai. Mỗi lần nhà giáo nghiệm của Chánh-phủ nhìn nhận một món đồ bán ra có tánh cách đặc biệt (như đồ

cổ hiếm có hoặc cuốn sách quí lạ, v.v.) khi ấy, người phái viên của Chánh-phủ cứ để cho cuộc đấu giá diễn như thường lệ và đến khi không còn ai trả giá cao hơn nữa thì người nầy đưa tay đứng lên xin thi hành quyền tiên mãi, mua lên cho Chánh-phủ với giá chót trong cuộc đấu giá ấy. Như vậy, đã không thiệt thòi quyền lợi của người bán ra vì vẫn bán được giá cao nhứt, mà cũng không thiệt hại cho người mua, vì bao giờ người mua cho mình cũng phải nhượng quyền làm chủ vật quí cho Chánh-phủ, tức thay mặt cho xã hội.

Trông người rồi gẫm đến ta, thử hỏi có anh thợ đóng sách nào trong xứ làm nên tên tuổi như vài đồng nghiệp phương tây ? May lắm là lập nhà đóng sách nhỏ, cần có nhiều món hàng để được lãi nuôi sống vợ con, hơn là cần món hàng khéo để nâng cao nghệ thuật. Ngoài ra thiếu chi thợ đóng sách suốt đời cặm cụi chỉ làm thợ ăn lương ngày hay ăn lương món, may lắm là lương tháng, làm giàu cho một vài cửa hàng dư vốn, mấy khi được các nhà chơi sách biết tài, trọng dụng hay khuyến khích, xứng với tài nghề khéo của mình ?

Nói đến những hiệu đóng sách, còn nhớ nhà kia, vì trong tháng ế ẩm, không muốn cho thợ rảnh tay rồi việc, bèn sai người tay trong đi lãnh rẻ cả lố sách của các trường hoặc thư viện, giá nào cũng chịu rồi đem về tha hồ thợ muốn đóng sao cũng trối kệ, chủ mặc chủ, thợ tùy thợ, sách đóng xong, đợi gần sập tối hay trời nổi dông mưa, se sẽ đem giao nạp, nhờ nhá nhem dễ lận tròng đen khách đặt hàng ! !

Việc làm cẩu thả như vậy, bảo sao nhiều nhà chơi sách kỹ không dám giao sách nhiều bộ một lần, e làm không xiết mà hư hỏng cuốn sách, hoặc làm thất lạc thêm buồn.

Tôi nói đây là có ý muốn khuyến khích những bạn ham chơi sách nên trọng đãi nghề và người đóng sách và cũng muốn xin các nhà đóng sách hữu tâm nên trau dồi nâng cao nghệ thuật cho kịp thuở kịp thời.

Vả lại sự lựa chọn cái bìa cho xứng đáng lại còn tùy ở người chủ cuốn sách, lịch duyệt hay vẫn còn sơ sót, không có mắt mỹ thuật : một cuốn thơ đầy giọng thê thảm như « Tần Cung-Oán-Bái-Công », « Bần-nữ thán », « Chinh-phụ ngâm-khúc », « Nữ Tú-tài », góp lại thành một bộ nhỏ nhỏ, thì cần phải có một cái bìa thâm, không thâm thì cũng đừng loè loẹt lắm, vì bìa màu sặc sỡ đi trái ngược với cái u buồn từ trong ruột sách ảnh hưởng ra ; đến như thơ Xuân-Hương, truyện Tiếu-lâm là những bộ chất chứa những câu mát mẻ bóng gió, những giọng cười mỉa mai, mà đem ghép trong hai tấm bìa đen tối thì không khác nào đem nhốt tiếng vui trong một tù thành hắc ám, cũng là một điều sơ sót, tránh được càng hay.

Tôi còn nhớ bộ Giạ-Đàm Dị-Sử, (les mille et une nuits), tám cuốn lớn của Mardrus tiên sanh dịch ra Pháp-văn, nhà Eugène Fasquelle xuất bản, mỗi tờ đều có chạy bìa in hình chạm lộng đồ trong bổn nguyên văn Ba-tư và Á-rập. Đến cái bìa mềm mại, có in chỉ bạc diễm vàng, lóng lánh một vừng trăng khuyết lưỡi liềm lờ lững trêu ghẹo, ba sao lấp láy giữa khung trời xanh ngắt, bìa như thế tôi cho là tuyệt đẹp, ấy

quả là câu văn bề trong xứng với hình thức cuốn sách bề ngoài, người ngọc mà được bộ áo xuê xang thì cái đẹp càng thêm lộng lẫy ! Tôi còn nhớ khi mua bộ sách nầy, tôi nhấp nhem học chơi sách, nên cố nài nhà đóng sách « làm ơn » giùm khắc tên tôi dưới gáy sách, như những bộ thường gặp. Nhưng nhà đóng sách lành nghề đã cẩn thận và lễ phép viết thơ khuyên tôi hãy bỏ cái ý hẹp hòi đó đi, vì theo ý, kinh nghiệm đã từng, không có gì là trường cửu trên đời nầy, và mai sau nếu mình không muốn dùng bộ sách đó nữa thì cái tên đóng sau gáy sách sẽ là một trở ngại lớn có thể làm giảm giá trị bộ sách đi, vì biết chừng đâu vì một lẽ nào đó, người mua sách cũ không muốn giữ dấu vết người chủ trước, trừ phi người nầy là một nhà tai mắt. Thật tôi không dè nhơn muốn khắc tên sau bìa sách đã lĩnh giáo một bài học khôn.

Những cái tiểu xảo của nhà chơi sách là biết lựa cho cuốn sách một cái bìa thích hợp, — tỷ như bộ Liêu-Trai dịch Pháp-văn của Pierre Daudin, và bộ Liêu-Trai bản dịch của Tản-Đà tiên-sinh, mà tôi đã thấy, bìa đóng là hai miếng tranh Tàu trên lụa, vẽ một mỹ nhơn ngồi gảy tỳ bà, — người đẹp tha thướt yểu điệu dưới bóng liễu xanh, nửa sụt sè nửa e nửa núp, — cạnh tường bên kia là một gã thơ sanh đang bắc thang rấp ranh toan mở khóa động đào : áo rộng xùng xình, mão dây lượt bượt ; xúc cảnh sanh tình, khiến ta nhớ đến mấy chuyện hồ ly hóa thân, tú tài cưới vợ ma, v.v... của Bồ-Tùng-Linh. Cái gáy hai bộ sách ấy lại là một tấm da trăn vảy bạc lóng lánh đủ màu, để nhắc thêm cảnh mãng xà thành tiên biến làm gái đẹp đi ghẹo những trai tơ thức khuya tụng sách. Lẽ đáng bìa da trăn nên dành đóng gáy bộ truyện Tàu « Bạch-Xà diễn-nghĩa », nhưng khi ấy bộ Bạch-Xà đã trót đóng rồi, lưng gấm Tứ-Xuyên cắt trong một cầm bào thủy-ba dợn sóng, — cái bỏn sẻn đánh chết cái mỹ thuật, — tôi chờ một thời gian, khi nào bìa nầy hư, sẽ kiếm da trăn đóng bìa mới bộ Bạch-Xà truyện.

Nhưng cũng nên khéo dè dặt chớ tin bằng lời những tựa sách, và nếu chưa đọc cuốn sách cho biết nói những gì trong đó thì hãy khoan vội bảo thợ lựa bìa màu lố lăng như ý tưởng, — vì chớ quên có khi cuốn sách với nhan đề trên mặt sách không dính líu ăn chịu vào đâu cả, — nhan là « Le crime de Sylvestre Bonard », mà trong sách không có một án mạng sát nhơn nào. Một cái hại nên dè dặt hơn nữa là nhà viết sách kim thời ưa kiếm danh từ cho thật kêu để đặt tên cho cuốn sách chào đời, người mua nhiều phen thất vọng vì cái phẩm chứa bên trong không ăn chịu với cái hình thức hay tựa sách bên ngoài chút nào cả !

Luôn đây, tôi xin kể chuyện một ông chơi sách có danh mà còn một phen hờ hẳng. Ấy là Louis Barthou tiên sinh. Barthou là ông thủ tướng Pháp bị ám sát trước trận chiến tranh năm 1939-1945. Ông là một bậc lão thành có chơn trong Hàn-Lâm-Viện Pháp và nức tiếng về khoa chơi sách. Một hôm, ông ôm cuốn « La Chaîne d'or » của Théophile Gauthier đem lại cho Marius Michel đóng bìa. Thấy tựa sách « Kim-tỏa », nên Barthou ngỏ ý muốn đóng bìa da đỏ, có chạm một sợi dây xích lớn, mạ vàng cẩn thận.

Trước mắt ngạo nghễ của nhà đóng sách kiêm học giả Marius Michel, Barthou giật mình sanh nghi, lấy sách về đọc lại thì không thấy đâu là « la chaîne d'or », xích vàng, kim tỏa chi chi cả. Chừng ấy mới biết là mình bất cẩn, xuýt chút nữa thì ông hàn đạo mạo kiêm thủ tướng phong lưu đã bị thợ đóng sách lành nghề « sửa lưng » mà chớ !

★

Sau đây, tôi có mấy lời vắn tắt luận về bản nguyên cảo (oeuvre originale), bản di trước (oeuvre posthume), bản thủ tả, thủ sao hay thủ bản (manuscrit), hay bản in thử kỳ nhứt (première épreuve) có tay nhà trước tác nhuận sắc, những bản ấy tức là tờ khai sanh, là bằng chứng của những ý tứ bồng bột trong thời kỳ phôi thai, thật là món quà quí giá của các nhà chơi sách hiếu kỳ, phi tam sanh hữu hạnh dễ gì bắt gặp ! Hiện nay trong sứ ta có người còn giữ được tờ minh sanh thủ bút của Phan-Thanh-Giản, trước khi người tịch cốc, đó là một tài liệu vô giá ; nghe như ông Hoàng-Xuân-Hãn còn giữ được mớ nhằm thơ từ chiếu chỉ bằng chữ nôm thuộc triều Tây-sơn, thật là của báu hy hữu, vì thời Nguyễn trị vì, ai lưu trữ vật ấy tội đáng chém đầu !

Đến như trong Nam-Việt, những bài thơ Tôn-Thọ-Tường, Huỳnh-Mẫn-Đạt, Học-Lạc, Thủ-Khoa-Huân, Cử-Trị, Thủ-Khoa-Nghĩa, Nguyễn-Đình-Chiểu, đều nghe khẩu truyền chớ chưa ai mắt thấy nguyên bản. Gần đây bút tích Sương-Nguyệt-Anh, Phan-Tây-Hồ, Phan-Sào-Nam, chí đến dấu tích cận thời của Nguyễn-An-Ninh, Phan-Văn-Hùm, Hồ-Văn-Ngà, Trần-Văn-Thạch,... đều là những di tích ngộ trong làng chơi sách, nhưng mấy ai để dành được, thậm chí thân nhơn của các vị ấy cũng chẳng còn cất giữ quyền nào. Buổi cựu trào, thì giặc giã, mối mọt nên tài liệu giấy má thất lạc hầu hết. Buổi Pháp thuộc lại khác. Người Pháp có tật đố kỵ, mỗi lần nghi nhà nào « làm chánh trị hay quốc sự », thì đưa xe cây lại chở hết sách vở tịch thâu về, lớp thì các tay « tổ » mật thám tây hoặc bộ hạ của họ đoạt luôn, lớp họ giao cho sở mật thám Catinat cất giữ, (một lúc khi binh Nhựt chiếm đóng Đông-dương, thì giao cho Phòng Báo-chí và Thông-tin), nhưng rốt lại, thì sở mật thám Pháp tàng trữ những tài liệu ấy cho đến ngày nay muốn truy nguyên cũng rất khó.

Bộ sách nào bài xích chánh phủ Pháp thì họ thủ tiêu bằng cách hỏa tán. Muốn giấu cất một bộ sách hoặc một mớ giấy tờ thời ấy là một công trình khó khăn vô ngần. Rồi qua thời kỳ đảo chánh, lại bị giặc loạn giữa người Miên và người Việt ghét hại lẫn nhau mà đốt phá hủy hoại một mớ nhiều. Trong Nam, năm 1946, người kháng chiến chống Pháp đã hiểu lầm đốt cả những văn thư chứa chấp tại các tòa bố hàng tỉnh. Chính mắt tôi đã thấy tại tỉnh Sốc-trăng, họ đốt sổ địa bộ và bằng khoán tàng trữ từ năm 1860, luôn cả những bộ tập san quí giá như Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Bulletin des Amis du Vieux Huế (bây giờ trọn bộ giá trên mười vạn), đốt luôn cả Tự-điển Larousse du XXe siècle, nhứt là bộ « Excursions et Reconnaissances »

chuyên khảo về những cuộc thám hiểm trên đất Đông-Dương, thật là rất uổng.

Vừa tránh nạn chánh phủ tây tịch thu thì gặp nạn Việt-Minh cấm lưu trữ sách nầy sách nọ, báo hại sách có hình « cờ Tây » cũng không dám để, và đều giao về bà Hỏa coi chừng ít ai để sót cuốn nào. Sau trận chống Pháp, nhà nào còn sách và còn thư viện là may cho nhà đó.

Một dịp nọ, tôi được ra Huế thấy thư viện ngoài ấy còn thương tâm hơn nữa. Chính những mộc bản bằng gỗ cây thị để in sử sách Việt-Nam, thời Việt-Minh họ lấy ra chẻ làm củi đun bếp lửa hết một phần lớn, những bản sót lại nay lẻ bộ, cũng không dùng được, tiếc thay. Một mớ châu bản và các sớ tấu thời nhà Nguyễn nay cũng không còn đủ bộ và sự giữ gìn cũng rất lôi thôi (1). Mà đó mới thật là những sử liệu không đâu có !

Đây là nói về các bản cổ trong nước nhà, thất lạc nhiều, thêm không ai biết quí trọng, chớ luận về những văn thư, sách cổ các nước Âu-châu, họ giữ gìn rất khéo : Bộ tự điển của Alexandre de Rhodes, và nhiều bộ xưa cả mấy trăm năm, đều giữ được. Những sách chữ Hán giấu trong hang đá từ đời Tần-Thủy-Hoàng, sau nạn đốt sách năm 213 trước Tây-lịch, còn gặp được y nguyên, vì phong thổ Trung-hoa lạnh và không ướt át. Mấy chục năm về trước, lối 1908, nhà khảo cổ Pháp Paul Pelliot có tìm được trong hang đá gần một cổ tự tại Đôn-Hoàng, rất nhiều sách Hán viết trên vải, lụa và giấy. Sách nầy ông đem về, một mớ gởi cất trong Đồ-thư-quán Pháp (Bibliothèque Nationale), một mớ để tại thư-viện trường Bác-Cổ Viễn-đông, Hà-nội (Biliothèque de l'Ecole Française d'Extrême-Orient).

Nói về các bản chép tay của các danh văn, tôi có được một giai thoại khá ngộ. Năm 1941, tôi có một bạn thiết đi học nghề lưu trữ văn thư ngoài Bắc. Vào lúc ấy, thi sĩ Tản-Đà từ trần. Tôi viết thơ yêu cầu ông bạn sang nhà cụ bà

---

(1) Riêng trong bài khảo về thú chơi sách nầy, tôi không đả động đến nghệ thuật giữ gìn sao cho sách không hư, không đóng mốc meo hoặc bị mối mọt ăn. Đây là phần chuyên môn, ngoài thú chơi sách. Dám khuyên các bạn muốn thấu đáo vấn đề chuyên môn ấy, chịu khó hỏi qua các tay luyện học về khoa lưu trữ văn thư hoặc mua sách tự khảo cứu lấy. Riêng tôi, tôi chỉ dùng thuốc bột D.D.T. mà cũng xong chuyện ! Cần nhứt là phải để mắt xem chừng luôn luôn : mối, mọt, gián hôi, con ba đuôi (poisson d'argent), lấy nước thuốc Fly-tox xịt thì nó không ở nữa, mà cũng không hại đến cuốn sách. Nếu nhà ẩm thấp quá thì nên dùng vôi bột để gần sách cho rút hơi nước và phải năng thay vôi mới nhiều hiệu nghiệm. Xứ Việt-Nam vào mùa mưa, phải kỹ lưỡng thường lấy sách ra lau mốc và để cho thoáng gió. Đường Tạ-Thu-Thâu có một hiệu buôn để bán một thứ đèn để thắp dầu lửa, ống khói chế riêng để xông một thứ bột thuốc của Đức quốc rất là linh nghiệm, tủ nào có mọt và con ba đuôi, xông một vài lần là hết tuyệt, thêm dứt được nạn thằn lằn, rệp rận, v.v.,.

Đèn ấy hiệu « insectivore ».

Theo tôi, không nên đánh sáp vào da gáy sách vì sáp ưa lên meo, mau mốc. Năng lau thì da sẽ láng bóng và bền. (Lau bằng peau de chamois là hay nhứt).

Lại nữa, chẳng nên dùng loại cây trắng, thông, dầu, đóng tủ sách vì mối ưa thứ cây nầy lắm hễ hỏng trong một tuần đi vắng là đủ mối ăn lẫn tủ và sách. Loại tủ bằng sắt, kém, ciment xây trong vách cũng không hay, vì rút nước, sách mau hư. Thà chịu tốn sắm tủ cây danh mộc, trắc, cẩm lai, gõ, giá tỵ, v.v... giới chịu đựng. Cửa tủ nên dùng kính, trong thấy rõ từng quyển sách xinh xinh vì cửa thưa thì mối, gián chung lọt.

V. H. S.

Khắc Hiếu ngỏ ý xin một vài trương thơ cũ có thủ bút Tản-Đà tiên-sinh. Người bạn gởi về tôi hai trương giấy học trò, trong ấy có bài « Người đốt than trên núi » và một trương « Đêm thu trông trăng » chính tay Tản-Đà viết ra, hiện còn giữ kỹ trong tủ sách họ Vương trong Bà-Chiểu chờ người tri thức.

★

Có bạn sẽ hỏi tôi : « Anh nói lằng nhằng mà thuộc hạng chơi sách nào, nhà chơi sách già kén hay nhà chơi sách phức tạp ? »

Tôi không ngần ngại gì mà không thú thật rằng tôi ở mực giữa, có lúc cũng kén như ai, nhưng sở thích của tôi là sách thuộc Việt-Nam, sách quốc-văn hay sách Pháp-văn khảo cứu về xứ Việt, và có khi nếu tôi gặp những bộ có phần đặc biệt, ngộ nghĩnh, bất luận bản chữ Hán hay bản nôm, tôi cũng mua lên cất kỹ lưỡng để chờ bạn đọc. Tôi đã gìn giữ trong tủ sách hầu hết các thạch bản, tác phẩm cụ Trương-Vĩnh-Ký, khi người còn làm giáo sư dạy trường Chánh-trị tục gọi Trường Hậu-bổ (Collège des Stagiaires) và phần nhiều các sách các bậc tiền bối : Trương-Minh-Ký (Thế-Tải) (đừng lộn với Trương - Vĩnh - Ký, biệt hiệu Sĩ-Tải), Huỳnh-Tịnh-Của, Génibrel, Aubaret và hai bộ tự-điển Taberd, bản in năm 1838. Nếu tôi có bài « Người đốt than trên núi », thủ bút Tản-Đà thì không giấu gì, — tôi cũng có luôn cuốn sách rao hàng nhà thuốc Renoux, trong ấy có in bồn tuồng Lục-Vân-Tiên khó kiếm.

Bao nhiêu đó chưa hết đâu, vì tôi còn cả những giấy má vụn vặt mà tôi quí hơn giấy bạc « Bộ lư » (giấy một trăm đồng thời Pháp-Nhựt), trong số có ba tài liệu tôi quí trọng nhứt, là :

1) một ngân phiếu ba hào bạc (0đ30) năm 1928, khi chánh phủ đương thời cấp tiền phí lộ sai tôi từ Sài-gòn đáo nhậm tỉnh Sa-đéc ;

2) một ngân phiếu Bốn Xu Tây (0đ04), chánh phủ thưởng công tôi làm phát ngân viên giỏi, chịu khó, mỗi tuần nhựt đi từ Sa-đéc đến làng Vĩnh-Bình, xa độ hai mươi cây số ngàn, để trả tiền người phu vớt cỏ và lục bình không cho trôi tấp sợ hư cầu ciment, công phát ngân viên trọn năm 1929, tính phát mỗi ngàn cho một đồng bạc công, nhằm năm 1929, tôi được bốn chiêm tây, — không lãnh nên nay còn tấm ngân phiếu để làm kỷ niệm ;

3) một biên lai Sở Cầm Sóc-trăng năm 1943, phạt tôi Ba quan tiền tây, — nhằm một đồng năm cắc, — tội vi cảnh thức đêm đờn ca ngâm thơ hát xướng, làm mất sự yên tịnh trong xóm !

Ba tài liệu nầy, bạn nào muốn xem, xin mời vô Bà Chiểu.

Kết luận

Bài khảo cứu về thú chơi sách đến đây đã khá dài, nên xin tạm dứt.

Thử hỏi chừng nào xã hội ta mới có hạng người biết thương sách, mê sách, biết chơi sách và trân trọng xem cuốn sách như những bạn tốt, nên gìn giữ lâu dài, và muốn được vậy, phải dày công săn sóc, nhứt là phải biết nương tay !

Đối với nhà chơi sách người Việt, nếu ít tiền cũng khó chơi cho phỉ chí, vì nếu

muốn có đầy đủ các món ăn tinh thần, một tủ sách Việt cần có nhiều sách Việt-ngữ đã đành, nhưng nếu có thêm sách vừa Pháp văn, Anh-văn, Hán văn, càng nhiều càng hay. Từ đây, sản phẩm về trí thức không còn ranh giới nữa !

Gương mấy nhà chơi sách đạo mạo, mân mê rờ rẫm quyển sách như tình nhân, trân trọng quyển sách như của quí, không bao giờ nặng tay hờ hững, các gương ấy là có thật. Các bạn chớ vội cười những nhà ấy sao quá kính nể vật vô tri ! tập giấy có bút tích của một danh nhân Âu-Á, hoặc tờ hoa tiên có ấn triện của một văn gia đại tướng cổ thời.

Khi những hình ảnh mỹ nhân đáng yêu chỉ còn lại là những bóng lập lòe dưới cặp nhãn kính chập chờn bất lực, khi muốn thưởng thức chung rượu chén trà, điếu thuốc thơm ngon, tách cà-phê hương đượm, mỗi khi muốn nghe giọng hát trong suốt, câu thơ thần tình, nếu những khi xuất thần làm vậy mà sự thưởng thức còn tùy mấy độ thấp cao của mạch máu, chừng ấy ta phải bái phục cổ nhân, từ ngàn xưa, khéo lựa bạn trong câu thơ tập sách.

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

★ Cái sai lệch tai hại nhất của tri năng là nhìn thấy sự việc xẩy ra theo như ý muốn của mình, chứ không nhìn thấy nó xẩy ra như đã xẩy ra thật. (Bossuet)

★ Người ngu, việc xong, vẫn chưa biết ; người trí, việc chưa hiện, đã rõ rồi. (Chiến-quốc-sách)

★ Đối với các việc đã xẩy ra rồi và còn đấy thì phải quan sát cho chắc thật. Tình cảm đâu có thể làm cho những việc ấy biến đi. (Foch)

Nghe đờn, biết ý

Chung-tử-Kỳ nghe Bá-Nha đánh đờn, thì nghe khúc Cao-sơn thì biết chí Bá-Nha ở Cao-sơn ; khi nghe khúc Lưu-thủy thì biết chí Bá-Nha ở Lưu-thủy. Do đấy có câu : « *Thính huyền thanh tri nhã ý* », nghĩa là nghe tiếng đờn biết được ý của kẻ đánh đờn. — Sau Chung-tử-Kỳ chết, Bá-Nha vứt đờn không đánh nữa, than rằng : « Từ đây, thiên hạ không còn kẻ tri âm ».

Cái chết của Socrate

NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch

SOCRATE là một hiền triết Hi-lạp ở thế kỷ thứ V trước kỷ nguyên. Ông thường đứng ở ngoài đường, tại những đám đông rồi đặt những câu hỏi bắt người ta phải định nghĩa cho đúng, tập suy nghĩ, phân tích có phương pháp để lần lần tìm thấy chân lý. Ông chỉ trích chính thể dân chủ hỗn độn của Hi-lạp hồi đó, nên phe dân chủ muốn hại ông, bắt ông phải uống thuốc độc. Các bạn thân của ông vô khám thăm ông, khuyên ông vượt ngục, việc sẽ dễ dàng vì có tay trong ; ông từ chối, vui vẻ chịu chết, nhờ vậy mà được hậu thế tôn sùng là vị đầu tiên tuẫn tử vì đạo trong lịch sử nhân loại. Năm đó ông bảy mươi tuổi (399 hay 400 trước Tây-lịch).

Platon, một môn đệ của ông mà cũng là một triết gia danh tiếng tác giả bộ « Chế độ Cộng-hòa », chép lại những phút cuối cùng của đời ông trong đoạn văn dưới đây, mà từ trước tới nay ai cũng nhận một tuyệt tác, tuy là tản văn mà đẹp hơn thơ. Lời rất bình dị, không chứa một hình ảnh nào cả, mà kích thích ta mạnh vô cùng. Chính vì tâm hồn của Socrate sẵn cao quí, mà hoàn cảnh của ông sắp cảm động, cho nên Platon chỉ cần ghi lại đúng sự thực cũng đủ làm cho người sau đọc tới mà ngưỡng mộ, mà thán phục. Cái đẹp ở đây là cái đẹp tự nhiên, không có cái đẹp tô điểm nào có thể ví với nó được.

(Lời người dịch)

★

Socrate bảo bạn bè : « Can đảm lên, các bạn ; các bạn nhớ rằng chỉ chôn cái xác của tôi thôi. ». Nói xong, người đứng dậy, đi vô trong phòng tắm với Crito (1), Crito bảo chúng tôi ngồi đợi ; và chúng tôi đợi, vừa nói chuyện vừa nghĩ ngợi... về nỗi đau khổ lớn của chúng tôi ; chúng tôi sắp mất một người cha và sẽ phải chịu cảnh côi cút suốt đời... Socrate ở lâu trong phòng tắm. Mặt trời đã sắp lặn. Khi ở phòng tắm ra, người lại ngồi với chúng tôi... nhưng không nói gì nhiều. Rồi viên coi ngục bước vô, lại gần người, bảo : « Ông Socrate, trong số những người đến đây từ trước tới nay, thì ông là người cao thượng nhất, hiền từ nhất, có đức nhất ;

(1) Một môn đệ của Socrate.

tôi sẽ không phải trách ông như đã trách những kẻ khác khi họ nổi xung với tôi, nguyền rủa tôi vì tôi tuân lệnh trên, biểu họ uống thuốc độc. Tôi tin chắc rằng ông sẽ không gắt gỏng với tôi ; vì kẻ gây ra cái vụ nầy là người khác, chứ không phải là tôi, như ông đã biết. Ông đã biết tôi lại đây để báo ông điều gì rồi, thôi, xin vĩnh biệt ông và chúc ông rán an mệnh chịu cái điều không thể tránh được ấy. » Rồi viên coi ngục khóc ròng, quay mặt đi, bước ra.

Socrate ngó viên coi ngục, bảo : « Tôi cũng xin vĩnh biệt ông và tôi sẽ làm theo lời ông dặn. » Rồi quay lại phía chúng tôi, người nói : « Con người đó dễ thương làm sao ! Trong suốt thời kỳ tôi bị giam, ông ta tới thăm tôi thường... và bây giờ, ông ta thương khóc tôi như vậy đó. Thôi, Crito, chúng ta phải làm theo lời ông ta chứ ; bảo họ mang thuốc độc lại đây, nếu họ sửa soạn xong rồi ; nếu chưa thì bảo ngục tốt sửa soạn đi. »

Crito bảo : « Nhưng mặt trời còn ở trên đỉnh đồi, mà những người khác còn chùn chình mãi mới uống ; sau khi được lệnh, họ còn ăn uống no say, vui thú sắc dục ; vậy xin thầy đừng gấp, hãy còn nhiều thì giờ. »

Socrate nói : « Crito, những kẻ đó hành động như vậy cũng có lý, họ muốn chần chờ cho có lợi ; nhưng thầy muốn uống ngay cũng không phải là vô lý : thầy nghĩ uống trễ một chút chẳng có ích gì, đời thầy coi là hết rồi, nay rán níu lấy nó, cứu vớt nó thì chỉ là làm trò cười thôi. Thôi, nghe lời thầy đi, đừng trái ý thầy nữa. »

Crito vâng lời, ra dấu cho tên nô lệ đứng gần đó ; tên nầy đi ra một lúc lâu, rồi trở lại với một tên ngục tốt bưng chén thuốc độc. Socrate nói : « Này, bạn, bạn có kinh nghiệm về những cái đó, bạn chỉ cho tôi phải làm cách nào. » Đáp : « Ông chỉ có việc đi đi lại lại cho đến khi thấy hai chân nặng, lúc đó ông nằm xuống, thuốc độc sẽ thấm. » Vừa nói, tên ngục tốt vừa đưa chén thuốc độc cho Socrate. Socrate chăm chú ngó anh ta vừa khoan thai đỡ lấy một cách thản nhiên lạ lùng, khí sắc không hề biến, rồi hỏi : « Tôi muốn vầy một chút nước trong chén này gọi là để tế thần, được không ? » Anh ta đáp : « Thưa ông, chúng tôi pha chỉ vừa đủ thôi ạ. » Socrate nói : « Tôi hiểu, nhưng tôi có thể và tôi phải khẩn chư thần độ trì cho tôi qua thế giới khác — xin chư thần chứng giám cho lời cầu nguyện của tôi. » Nói xong, người đưa chén lên miệng, vui vẻ uống một hơi.

Phần đông chúng tôi đã rán giữ cho lệ khỏi trào ra, nhưng khi thấy người uống xong chén thuốc độc, thì chúng tôi không thể nén lòng được nữa, và nước mắt của tôi cứ tuôn ra ròng ròng, tôi phải che mặt mà khóc cho tôi, vì chắc chắn là tôi không khóc cho người, mà khóc cho thân phận đau đớn của tôi từ nay mất một vị vừa là thầy vừa là bạn như vậy. Mà tôi không phải là người khóc đầu tiên, Crito khi thấy không còn giữ được lệ nữa, đã đứng dậy, bước ra ngoài, rồi tôi cũng bước theo, và chính lúc đó, Apolladorus, nước mắt đầm đìa, gào lên một tiếng, làm cho chúng tôi muốn đứt ruột. Chỉ riêng Socrate là giữ được bình tĩnh. Người nói « Khóc lóc gì kỳ vậy ? Tôi đã đuổi đàn bà ra khỏi chính là để tránh cái cảnh phiền đó, vì tôi

muốn được chết trong sự yên ổn. Thôi, bình tĩnh và an mệnh cả đi. » Nghe những lời đó chúng tôi mắc cỡ, và rán nuốt lệ ; rồi người đi đi lại lại, cho tới khi, như người nói, hai chân bắt đầu thấy nặng nề, thì người nằm ngửa theo lời dặn của tên ngục tốt ; tên này ngó bàn chân và ống chân của người, rồi bóp mạnh bàn chân, hỏi có thấy gì không ; người đáp « không », rồi bóp tới ống chân, lần lần bóp lên phía trên, chỉ cho chúng tôi thấy rằng thân thể người lạnh và cứng dần. Socrate, tự rờ mình, nói : « Khi nó lên tới tim là hết. » Khi lạnh lên tới bụng, Socrate vạch tấm khăn phủ mặt ra, nói lời cuối cùng nầy : « Crito, chúng ta còn thiếu nợ thần Esculape (2) một con gà trống ; đừng quên món nợ đó nhé. » Crito đáp : « Thưa thầy, tôi xin vâng lời thầy ; thầy còn điều gì dặn dò nữa không ? » Người không đáp, nhưng một lát sau, người cử động, người đầy tớ kéo tung tấm khăn phủ ra, thì mắt người đã đờ ra rồi ; Crito vuốt mắt và khép miệng lại cho người.

Đó là những phút lâm chung của một bực thầy và bạn của chúng tôi, của một người mà tôi có thể gọi là hiền triết nhất, công bằng nhất, đức hạnh nhất từ trước tới nay tôi được biết. »

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

dịch theo bản dịch ra tiếng Anh của Will Durant trong cuốn The Story of Philosophy (The Pocket Library)

(2) Thần Y-học

★ Người có tinh thần thực tế là người biết thực tại một cách khách quan và biết rõ khả năng của thực tại.

★ Ba lần gẫy tay mới hay thuốc. (Tả truyện)

★ Thấy rõ, thấy thật, thấy đúng, con mắt của người lãnh đạo phải được như thế.

★ Có người thấy đám mây bay sang phía tây, lại cho là mặt trăng đi sang phía đông. (Bão-phác-tử)

Đạo đức ở đời có chân thực không ?

Sách Trang tử có câu : « Thiết câu giả tru, thiết quốc giả hầu. » Câu ấy nghĩa là : người ăn cắp cái móc thì bị phạt bằng tội chết, mà người ăn cắp cả nước thì lại được làm vua chư hầu.

ĐIỂM SÁCH

Tác phẩm : **Đêm không hết**

Tác giả : **Nguyễn-Phúc**

Nhà xuất bản : **Văn Nghệ Thời Đại**

● *Cô PHƯƠNG-THẢO*

★

TRONG những năm văn nghệ gần đây, người ta nóng lòng chờ đợi xuất hiện những cây bút mới thể hiện được bao nỗi vui, buồn, tin tưởng, băn khoăn của thế hệ mới.

Vì vậy « *Đêm không hết* » của Nguyễn-Phúc được người ta chờ đợi từ khi nó chưa ra đời, như người ta hiện đang chờ đợi bao nhiêu tác phẩm còn trong thai nghén của những con người văn nghệ thiết tha đối với cuộc sống hiện tại.

Đọc xong, người ta nhận thấy bao nhiêu hồi hộp ban đầu đã lắng xuống dần. Sau phút trầm ngâm người ta trở lại vui vẻ. Để chờ đợi. Bởi vì, đêm vẫn còn dài. Mà đây mới chỉ màn đầu, hứa hẹn nhiều sen, lớp khác xôn xao kịch biến.

« *Đêm không hết* » là một tác phẩm đầu tiên của Nguyễn-Phúc. Năm truyện ngắn, năm câu chuyện đàn bà. Đúng hơn, năm câu chuyện trong đó hầu hết đàn bà đóng vai chính yếu.

Tuy vậy mỗi truyện đều có một dáng điệu riêng của những khung cảnh và tình tiết đổi thay màu sắc. Nàng *Pandore* không phải luôn luôn có mặt trên sàn. Hoặc cùng ngồi với người đàn ông trên một toa tàu (Đêm không hết), trên ghế nhà trường (Sau cánh cửa khép lại) hoặc hiện lên trên một quãng đường (Chuyện Linh-Khương) rồi biến mất trong đêm để âm thầm hoạt động trong tâm tưởng người đàn ông, hoặc vắng mặt suốt trong tấn kịch (Những bức thư, Gã tù 402) để một hay hai người đàn ông hục hặc, bối rối, đau khổ, và chết... trên sân khấu.

Mối tình cũng không phải luôn luôn một điệu. *Đêm không hết* là một biểu hiệu của bản năng dồn ép. *Những bức thư* kể lại sự ghen tuông của một người chồng nóng nảy, vụng về. *Gã tù 402* là kẻ đã giết chết người vợ ngoại tình và sau cùng phải chết vì mải ngắm một người đàn bà đang tắm. *Chuyện Linh-Khương* chập chờn một cuộc đời thiếu nữ đa tình và bị phụ bạc. Truyện cuối cùng *Sau cánh cửa khép lại*, đã khép lại trên mối tình của đôi nam nữ học sinh, chia rẽ vì lòng tự ái.

Kể ra, mối liên hệ rối rắm giữa đàn ông và đàn bà là một vấn đề còn hứa hẹn chưa biết bao giờ mới dứt trên cõi đời này. Nguyễn-Phúc tuy là nhà văn, nhưng là một người đàn ông, nên sự góp phần của tác giả về phương diện ấy, vẫn còn hợp lý. Ta không ngạc nhiên khi thấy nhân vật của tác giả nói về đàn bà một cách kỹ lưỡng hân hoan : « *Nàng đã đến*

trong cuộc đời tôi như một nồi nước xông làm toát ra hết những độc tố từ mấy lâu ẩn nấp trong sớ thịt, lưu thông trong mạch máu » (134) với những băn khoăn trịnh trọng : « *Đàn bà là gì nếu không phải là một thế giới sâu kín, bí mật và kỳ ảo* » (15) với những suy nghiệm bất lực : « *Tôi cho rằng thoát ngục trong một trường hợp khó khăn đến đâu vẫn còn dễ hơn tự giải phóng mình khỏi ý niệm đàn bà* » (81)

Nhưng ta ngạc nhiên nhận thấy nhân vật của tác giả vẫn còn cố thoát, mặc dù gần như tuyệt vọng, khỏi sự chi phối của đàn bà. Người đàn ông đứng *Sau cánh cửa khép lại* « *thấy rõ yêu nàng ghê lắm nhưng cũng biết rằng không bao giờ gặp lại nàng nữa* ».Cô Linh trong « *Chuyện Linh-Khương* bị người phụ rẫy, đã biến mất trong đêm. *Gã tù 402* còn lưu luyến đàn bà đã bị nhận chìm dưới suối, và cô Hoàng đáng thương ngồi trọn *Đêm không hết* để tận hưởng sự dụng chạm của bàn tay người đàn ông xa lạ trên bàn tay mình, phải bị dạn xuyên lủng ngực.

Nếu những kẻ ấy cố thoát và không thoát được, nếu họ phải biến mất hay chết đi để cho tác giả tạm được yên lòng sau phút cố gắng của lý trí rồi sẽ hiện hồn vào những dịp khác mà lý trí buông lơi cho cảm xúc, thì sự kiện ấy cũng dễ hiểu. Lý do chính là vì họ không dám nhìn thẳng vào mình và vào kẻ khác để tìm sự thực. Hầu hết đều cố tránh một cái nhìn có thể làm họ đau đớn, hoặc chỉ chợt thấy, sau khi đổ vỡ tan tành. Gã đàn ông cả đêm ấp tay mình lên tay người đàn bà xa lạ mà « *xác nhận nhiều lần trong óc* » « *chỉ là một sự lờ mờ muốn tìm hiểu cảm giác khi gần đàn bà, khác nào như ý muốn tìm hiểu một phản ứng hóa học do hai đơn tố hợp lại mà thôi.* » Gã tù 402 vì ghen tuông mà giết vợ (rồi phải chết chìm vì mãi ngắm đàn bà) lại có thể, sau sáu tháng ở tù và hai tháng vượt ngục ghi vào nhật ký — vốn là một thứ văn chương cần sự thành thực trước hết — rằng « *gần đủ 250 ngày tôi được giải phóng khỏi ý niệm đàn bà* ». Người trai trẻ trong « *Sau cánh cửa khép lại* » nếu dám phân tích để hiểu rằng người bạn gái của anh chỉ vì tự ái mà gắn bó cùng anh — như anh đã vì tự ái mà chối từ nàng — thì đâu phải chịu đau khổ, « *rưng rưng nước mắt* » ?

Người đọc có cảm tưởng rằng người đàn bà trong tác phẩm vốn được ao ước nhưng bị kiêng dè, vì không được tìm hiểu một cách tỉnh táo, cho nên nàng chỉ biểu hiện một ít bản sắc thông thường của người phụ nữ quen thuộc sống trong những gia đình có chút tư sản hoặc một gia đình nề nếp đã bị thất thế.

Ngoài sự bộc lộ một hiện tượng ẩn ức nặng về day dứt đối với đàn bà, tác giả còn cho ta nhận thấy ít nhiều khía cạnh khá rõ rệt của một con người thiên về nội tâm, loay hoay tìm lại một cuộc sống bên trong từ lâu bị bỏ dở. Con người này nhiều khi quên mất nhà văn với bao nhiêu sự việc khách quan cần phải diễn tả, chỉ chờ đợi bất cứ một dịp tốt nào hiện đến để suy nghĩ lan man. Hình như dịp nào cũng đều tốt cả. Và mỗi lần như thế nhà văn bắt buộc phải nhường chỗ cho một số đông trí thức đồng chạng chưa kịp đồng hóa với mình. Ta sẽ bắt gặp dễ dàng một sinh

viên sẵn sàng nhớ lại bài học về Platon và Leibniz mỗi khi động chạm đến linh hồn. « *Platon thì có vẻ hoang đường còn Leibniz thì gần với quan niệm mô chất xung hợp để tạo thành bản tính* » (26) một nhà giáo dề nói đến văn chương, sinh ngữ, lý hóa, giả thiết và định đề (một nhà giáo trường tư có lẽ, vì phải dạy nhiều môn khác nhau), một cán bộ chính trị chưa quen với nghề, hay quá quen thuộc, cố gắng để so sánh một cách ép uổng sự cưới vợ hụt « *cũng như một sách lược chính trị đầu thực hiện đến đâu vẫn thất bại vì không có những chiếc gai ăn khớp với xu trào quần chúng* » (13).

Những con người này trong Nguyễn-Phúc chẳng qua cũng chỉ rộn ràng trong những buổi đầu. Đến một lúc nào đó, tự thấy không cần thiết nữa, họ sẽ rút lui. Lúc ấy chúng ta hy vọng sẽ gặp nhà văn rõ ràng hơn trước, tiếp xúc với chúng ta với vẻ dè dặt thường ngày, với nét hiền lành cố hữu đã thêm sắc xảo, mặn mà. Nhưng điều ta vẫn chưa được yên lòng là trong Nguyễn-Phúc vẫn còn một con người nữa ý muốn ở lại khá lâu. Con người này thực ra khá nguy hiểm bởi vì người ta dễ dàng lầm nó với người chủ nhà. Đấy là một thi sĩ luôn luôn bay lượn trên các sự việc không chịu dừng hẳn ở sự việc nào cho thật rõ rệt. Có lẽ con người mơ mộng này — nếu cho phép quan niệm thi sĩ là hạng người mơ mộng — đã khiến tác giả nhiều khi rời khỏi con đàng mình đi để bẻ hoa, bẻ lá rồi ngẩn ngơ quên cả lối về. Đọc « *Chuyện Linh-Khương* » người ta có cảm giác như bắt buộc phải xem một truyện Liêu Trai hay một truyện trinh thám mà người ta không hề chờ đợi. *Gã tù 402* dẫn người ta mạo hiểm phiêu lưu rồi cuối cùng dẫn người ta trở về nơi hiên nhà sau, nơi mà người ta đã muốn giã từ rất lâu, nếu không vĩnh viễn, khi bước lên đường. Và Gã tù lại viết nhật ký trong khi vượt ngục khổ sở như thế để lý luận về « *ăn và ái tình* ». Chính Gã cũng nói : « *Tôi không hiểu nổi vì sao tôi phải viết nhật ký trong khi tôi đang sống những ngày tối tăm nhất, mỏng manh nhất của một tên sát nhân vượt ngục* » (69). Tác giả đã không cho Gã hiểu một việc làm giản dị như vậy thì ta phải hiểu thế nào ? Nhưng điều ta có thể hiểu rất rõ là Gã tù 402 là một thi nhân. Trong bước đường sống dở chết dở ấy, Gã đã khám phá ra rằng « *so với khoa học kỹ thuật, trên lĩnh vực ái tình con người quả không có tiến bộ gì đáng kể về kinh nghiệm* » (72) thì quả thực Gã không nhìn thấy thực tế chút nào, cả cái thực tế của vấn đề và thực tế hoàn cảnh đang sống : Cho nên Gã tù 402 « *với vừng trán cao rộng rãi và đôi mắt sáng* » không phải vượt ngục đi về tìm con để xây dựng lại một tình thương đã mất mà để rơi tòm xuống suối. Bởi vì, Gã chính là kẻ « đi trong sân mà mất để trên trời ».

Trong đoạn cuối của *Đêm không hết* người đọc không rõ tác giả muốn nói những gì. Ta thấy đầu đề các truyện, có lẽ là công việc sau cùng, tức là công việc mệt mỏi đã thuộc về phạm vi quyết định của nhà thơ, hầu hết không đáp được ý của vấn

đề. Đầu đề, người ta có thể chọn lựa tùy thích nhưng không ai lại thích một đầu đề không sát, nếu không trái hẳn với ý của mình. Và *Đêm không hết* là cái đêm nào ? Cái đêm sờ nắm đôi tay trên toa xe lửa, đã tàn. Cái đêm nơi lòng cô gái, tất nhiên đã hết, kể từ lúc máy bay bắn phá, cái đêm nơi lòng người trai đã vội qua mau, mặc dù lần đầu tiên anh ta cảm thấy « *không khao khát ánh sáng* ». Nếu quả đêm ấy là đêm dài dằng dặc của mười năm khói lửa với bao nhiêu thao thức âm u trong tấm lòng người thì cũng đã hết từ lâu. Người ta lại nghĩ đến *Sau cánh cửa khép lại*, và tự hỏi phải đứng nơi đâu, bên trong hay bên ngoài cánh cửa ? Ở trong thì có nàng, sau khi nhỏ nước mắt đã đi luôn một cách khó hiểu. Ở ngoài thì có chàng đang đứng yên để tự thương mình thêm nữa. Nếu hiểu nghĩa bóng thì cánh cửa của câu truyện thực chưa khép lại mà đang mở ra, bởi vì nơi cái tình yêu bế tắc ngày nào bây giờ đã được sáng tỏ. Những đầu đề quá giản dị như *Chuyện Linh-Khương*, *Gã từ 402* chứng tỏ sự phân vân trong nội dung tác phẩm. Tưởng chúng ta có thể rút ra một nguyên tắc phê bình .. tạm thời : « Khi người viết truyện không thể tìm thấy một đầu đề cho sát hợp với nội dung tác phẩm, là người ấy không nắm thực vững vấn đề mà mình xây dựng. »

Nếu cần nói thêm trong sự tìm hiểu sơ giao này thì Nguyễn-Phúc còn một điểm đáng cho ta lưu ý, đó là sự diễn biến về tư tưởng, đúng hơn, về lập trường. Con người tác giả đã sống « *đúng lúc mà cuộc đời đã dành cho họ toàn những phá hoại, những thương đau, những thí nghiệm và hậu quả những bệnh ấu trĩ nữa* » *(20)*, đã từng thấy « *con người trở nên hèn mọn, nhỏ nhoi, con người biến thành công cụ để khai thác, để dò đường ở mặt trận, ở hậu phương... !* » *(20)* Cho nên đã từng chán chường và từng tha thiết được sống yên lành. Trong cuộc đời mới này, tác giả cố gắng thừa nhận linh hồn, thừa nhận một đấng tối cao, bởi vì tác giả không còn biết tin vào đâu nữa để thấy liên hệ giữa những con người, không biết tin vào đâu nữa để thấy công lý được duy trì ở trong cuộc sống. Mặc dù tác giả còn thiếu tự nhiên, mạnh dạn, khi nói rằng : « *Cứ tin linh hồn là một cơ cấu bất tử đi, để có sự ràng buộc giữa mọi người trong xã hội* » *(26)* và « *Đôi lúc cũng cần phải tin có đấng cao cả, xếp đặt, bố trí, thưởng phạt xứng đáng bọn người vừa xấu vừa tốt, vừa keo kiệt vừa rộng rãi, vừa tham lam lại vừa chính trực* », *(162)*, nghĩa là tất cả thế nhân, ta vẫn thấy sự chuyển hướng rõ rệt của một con người đang xa dần mảnh đất vô thần để bước vào cõi duy linh.

Sự chuyển đổi ấy phải là công việc lâu dài và tất nhiên gặp nhiều khó khăn đáng kể ngay trong bản thân. Phải chăng thái độ thiên về nội tâm trong tác phẩm đã phản ảnh cái loay hoay của một con người cố gắng từ chối những nhận thức cũ để hướng về những nhận thức mới, cố gắng vươn đến một niềm tin vốn chưa hề có để được chở che, an ủi ? Và phải chăng *Đêm không hết* là kết quả của một sự đổi thay ?

Cô PHƯƠNG-THẢO

KHÔNG GIAN

Liên hành-tinh

THUỘC VỀ AI ?

TIỀU-DÂN

(Xin xem Bách-Khoa từ số 53)

Một nền pháp luật hay một tình trạng hỗn độn ?

Gạt ra một bên những đòi hỏi về vấn đề chủ quyền quốc gia, người ta thấy triển vọng các hoạt động của loài người trên không gian liên hành tinh tùy thuộc vào sự lựa chọn một trong hai điều kiện :

— Hoặc tuyên bố rằng không gian liên hành tinh và các tinh tú là một thế giới phi nhân loại, ở ngoài pháp luật của loài người ; trong trường hợp nầy, các quốc gia sẽ đua nhau tranh thủ lợi quyền ở đấy và phát triển sự tranh chấp đến tất cả tinh tú trong thái dương hệ.

— Hoặc tuyên bố rằng thế giới ấy thuộc quyền sở hữu chung của nhân loại, do đó mọi hoạt động ở đây đều phải nhắm vào phục vụ lợi ích chung của loài người.

Nếu người ta muốn chấp nhận điều kiện nầy thì hiển nhiên là phải hành động ngay, không trì hoãn.

Về điểm này, chỗ lạ lùng nhất là hình như mọi người đều đồng ý với nhau một cách không chính thức thế mà không ai đứng ra có một hành động chính thức xác nhận giải pháp ấy.

Tại đại hội Hàng-không liên hành tinh ở Barcelone năm ngoái, Ông Haley tuyên bố rằng Liên-Hiệp-Quốc phải tức khắc tuyên cáo rằng nguyệt cầu là một « vùng trực trị, tự do và độc lập » ; nếu không Liên-Hiệp-Quốc có thể lâm vào hoàn cảnh chứng kiến một quốc gia tuyên bố quyền chiếm hữu lãnh thổ tại nguyệt cầu, sau khi đã phóng lên đó một phi đạn hay một con người.

Nhưng sáu tháng sau, thất vọng vì sự bất động của Liên-Hiệp Quốc, ông Haley tâm sự với một người bạn rằng ông tán thành ý kiến đòi Hoa-kỳ phải gấp rút nỗ lực để thiết lập căn cứ trên mặt trăng trước khi người Nga lên đó và có lẽ sẽ thiết lập tại đó một nước Cộng-hòa nhân dân Nguyệt-cầu.

Giáo sư John Cobb Cooper, luật gia xuất chúng, sợ rằng sự hỗn độn sẽ diễn ra nếu người ta không tổ chức tức khắc một uy quyền quốc tế đối với những không vực cao quá mặt đất 80 cây số. Từ độ cao nầy trở lên, khí quyển loãng hơn, bất tiện cho sự di chuyển của phi cơ, khinh khí cầu. Vậy đây là ranh giới cuối cùng thuộc chiều cao của không phận nằm trong chủ quyền các quốc gia.

Đối với bác sĩ Eugène Pépin, mục tiêu cấp thiết nhất phải đạt là thành lập một cơ quan quốc tế có trách vụ nghiên cứu các vấn đề mà sự xâm nhập của con người vào khoảng không gian liên hành tinh đặt ra — tất cả vấn đề, trừ vấn đề chủ quyền mà ông xem như chỉ có giá trị lý thuyết suông. Ông đã nói một cách hóm hỉnh : « Nếu một vệ tinh phục vụ một lợi ích khoa học thuần túy — nghĩa là hòa bình — bay ngang qua không phận mà một quốc gia tự nhận thuộc chủ quyền của mình, quốc gia ấy có thể làm gì ? Phản đối ư ? Một sự phản đối như vậy đáng được ném vào sọt giấy bỏ ».

Giáo sư Maxwell Cohen nhận định vấn đề trên cương vị một triết gia. Quốc tế đã thừa nhận các vệ tinh. Sự kiện này có giá trị một tiền lệ để trở thành một quy chế pháp luật, khỏi cần phải đòi hỏi sự kiện này diễn ra nhiều lần. Vấn đề chẳng có tính cách lý thuyết chút nào mà rất thực tiễn, bởi vì người ta không thể căn cứ vào đâu để giả định rằng con người với khả năng bình thường về thiện, ác lại thay đổi đi, khi bước vào khoảng không gian liên hành tinh, rằng những cuộc đấu tranh giữa các quốc gia để giành quyền bá chủ lại không được phóng hiện lên trên một sân khấu rộng lớn hơn, nghĩa là khoảng không gian liên hành tinh. Giáo sư muốn nói rằng, vì con người vẫn là con người muôn thuở, luôn luôn xâu xé nhau về quyền lợi, phải giải quyết vấn đề con người xâm nhập vào không gian liên hành tinh và giải quyết sớm, để phòng ngừa việc tiếp diễn trên ấy sự tranh chấp thường trực dưới này.

Theo ông thì các vệ tinh cho đến nay đã tỏ ra vô tội, hiền lành, không gây nguy hại nào cho nhân loại. Vậy phải thành lập ngay một cơ quan quốc tế để tuyên cáo nguyên tắc rằng không gian liên hành tinh không thuộc về quốc gia nào cả và tất cả quyết định liên hệ đến không vực nầy phải được thỏa thuận chung. Cơ quan nầy có thể cho phép các quốc gia làm những công cuộc thí nghiệm khoa học riêng biệt hoặc có thể yêu cầu rằng mọi công cuộc thám sát không trung phải được tiến hành trên phạm vi quốc tế hay phải do chính cơ quan đảm nhiệm.

Để bắt đầu, giáo sư Cohen chỉ đòi hỏi quốc tế xác nhận « quyền tối thượng của khối cọng đồng thế giới trong việc quản trị không gian liên hành tinh » và tuyên cáo rằng tất cả tính tú, ít nhất là nguyệt cầu trong giai đoạn hiện tại, phải là sở hữu tập thể của nhân loại hay ít ra « là mục tiêu lợi ích chung của nhân loại. »

Tuy nhiên giáo sư Cohen cũng tỏ ra ý thức về tình hình chính trị hiện tại. Ông nhận : « Có một cái gì không thực tế trong sự tranh luận nầy. Người ta không thể tách rời vấn đề xung đột về quyền lực và xem xét nó riêng rẽ ».

Ai có sáng kiến hành động ?

Về nguyên tắc, Liên-sô và Hoa-kỳ phải có trách nhiệm tiến hành dưới sự kiểm soát quốc tế công cuộc phát triển khoảng không gian liên hành tinh theo các mục tiêu hòa bình và khoa học.

Trong bản thông điệp về tình hình Hiệp chúng quốc năm 1957, Tổng Thống Eisenhower đã tuyên bố « sẵn sàng tham dự ký kết mọi thỏa hiệp có thể tin được » nhằm mục tiêu nói trên. Ít lâu sau, đại sứ Lodge đề nghị tại Liên-hiệp-Quốc rằng mọi cuộc thí nghiệm về « vệ tinh, phi đạn liên lục địa, vũ khí tự động có tầm hoạt động rộng lớn và căn cứ không trung » phải được tiến hành « dưới sự kiểm soát và với sự tham dự của quốc tế » trong năm nay, Hoa-kỳ cũng đệ trình một đề nghị tương tự. Nhưng lập trường chống nghịch của Liên-sô khiến cho cuối cùng Hoa-kỳ chỉ cố gắng làm cho Liên-sô mất hẳn ưu thế mà nước nầy hiện có về hỏa tiễn liên lục địa.

Năm nay, đến lượt Liên-sô đề nghị Liên-hiệp-quốc cấm tất cả quốc gia sử dụng không gian liên hành tinh vì mục đích quân sự, sự kiểm soát sẽ do Liên-hiệp-Quốc thiết lập trong khuôn khổ của tổ chức quốc tế nầy. Nhưng dự án của Liên-sô còn gồm thêm điều khoản là Hoa-kỳ phải triệt hồi tất cả căn cứ quân sự tại nước ngoài. Hoa-thịnh-đốn đã cho rằng điều khoản ấy không chấp thuận được một việc chẳng ai ngạc nhiên.

Tuy vậy, đây là lần đầu tiên Liên-sô có một đề nghị cụ thể về vấn đề kiểm soát quốc tế và Hoa-kỳ trong sự phúc đáp cũng đã ghi nhận « thái độ tích cực hơn » ấy.

Dù sao, cả Liên-sô lẫn Hoa-kỳ đều chưa khẳng khoản yêu cầu Liên-hiệp-quốc áp dụng những biện pháp sơ bộ như ra một thông cáo xác nhận rằng không gian liên hành tinh là khu vực tự do hay đề cử một ủy ban phụ trách qui định ranh giới cuối cùng của không vực thuộc chủ quyền quốc gia ; vấn đề nầy phức tạp, gây nhiều tranh luận quá nặng tính cách chuyên môn giữa các chuyên viên, cho nên chúng tôi xin miễn đề cập trở lại. Ngược lại người ta có cảm tưởng đậm đà rằng Hoa-Kỳ dụng ý kìm hãm mọi ý thức tán thành một hành động nhanh chóng.

Ông Loftus Becker, cố vấn pháp lý tại bộ Ngoại giao Hoa-kỳ đã báo cáo về vấn đề nầy tại một tiểu ban Hạ nghị-viện tháng hai vừa rồi. Dù đây là báo cáo mật, người ta cũng được biết rằng ông ta đã làm cho những người đang vận động để Hoa-kỳ thi hành một sáng kiến cấp thời, nhận thức những nỗi trở ngại khó khăn lớn lao. Tuy vậy, sau đó, ông đã tuyên bố trước một Ủy ban Thượng nghị-viện rằng ngay từ bây giờ, phải chuẩn bị những phương sách cần thiết để bảo đảm việc sử dụng không gian liên hành tinh vào mục đích hòa bình, trước khi các quốc gia lên tiếng đưa những yêu sách nầy nọ về chủ quyền quốc gia. Nhưng ông ta nói thêm rằng theo công pháp quốc tế, Hoa-kỳ còn có thể xác định và bảo vệ chủ quyền đối với tất cả không vực liên hành tinh trên lãnh thổ của quốc gia.

Có lẽ ông Becker chỉ phản ảnh thái độ thận trọng của bộ ngoại giao trong khi bộ nầy chưa ấn định một thái độ dứt khoát, dù rằng tháng giêng vừa rồi, chính ông Foster Dulles đã tỏ ra có

những ý kiến nhất định về vấn đề ấy. Trong một cuộc hội họp báo chí, Ông Dulles đã tuyên bố : « Chính bây giờ là giờ phút hành động vì lúc nầy kỹ thuật phi hành vượt không gian và tiến tới không gian gian liên hành tinh còn ở vào thời kỳ ấu trĩ « Ông đã khuyến cáo thành lập một Ủy - ban quốc tế dưới sự bảo trợ của Liên - hiệp quốc và ông đã thêm : « Theo tôi, đây là một cơ hội cống hiến cho ta những khả năng hầu như phi thường, xét về tầm quan trọng — thuận lợi phi thường nếu ta chộp lấy vận dụng và nguy hại phi thường nếu ta bỏ qua ».

Tuy vậy, trong vòn vẹn hai dự án đề nghị cụ thể được đệ trình Liên hiệp quốc thì một, của Liên - sô đầy tính chất quỷ quyệt, còn một, của Tây-phương lại bao gồm tất cả vấn đề về tài binh ; dự án Tây-phương bị chôn vùi trong Ủy ban tài binh hiện nay không hoạt động từ khi Liên-sô rút lui đại diện cách đây ít lâu.

★

Ngay tại L. H. Q. nếu phải kể một sự vận động nào thuận lợi cho việc tổ chức quốc tế kiểm soát khoảng không gian liên hành tinh thì người ta thấy rằng người vận động không phải là đại diện của một cường quốc mà là ông Leslie Munro, vị đại sứ khả ái của Tân-tây-lan, hiện chủ tịch Đại hội đồng. Ông Leslie xác nhận những khả năng kỳ dị của kỷ nguyên liên hành tinh. Mới đây ông tuyên bố, với lối nói cân nhắc thận trọng của những luật gia : « Chắc chắc rằng rồi đây những vấn đề về chủ quyền đối với các thiên thể mà con người đặt chân tới được trong khoảng không gian dự liệu, sẽ được đặt ra. Người ta sẽ phải nghiên cứu xem các thiên thể có cần được đặt dưới chế độ chủ quyền hay không và nếu có thì những lệ luật của quốc tế công pháp đối với các công cuộc phát minh, chiếm lĩnh, chinh phục và di nhượng có cần được áp dụng cho các thiên thể hay không ». Ông tuyên bố thêm : « Một số trong những vấn đề ấy quyết nhiên sẽ được bàn cãi lại khóa họp sắp tới của Đại hội đồng, bởi vì Liên-sô đã ghi dự án đề nghị của họ vào chương trình nghị sự, nhưng theo ý tôi, Liên-sô đã sai lầm trong việc liên kết vào vấn đề ấy, vấn đề các căn cứ ở nước ngoài vốn là một chuyện cũ mèm được họ nhắc nhở hoài ».

Theo ông Leslie, chắc chắn rằng L.H.Q. sẽ là diễn đàn để nêu lên vấn đề. Các nước nhỏ có thể lên tiếng bày tỏ ý kiến của họ tại đây. Nhưng ông không muốn phán đoán xa hơn về tương lai. Ông khiến ta nhận xét rằng cho đến nay các đại biểu chỉ lưu ý đến vấn đề với tư cách cá nhân chứ không phải với tư cách chánh thức đại diện quốc gia bởi vì họ phải đợi chính phủ của họ ấn định lập trường.

Ông Leslie mong muốn rằng trước khi Đại Hội-đồng họp, bàn cãi, có một hội nghị chuyên viên để soạn thảo một bản báo cáo về vấn đề ấy về tất cả phương diện. Nhưng theo ý ông cũng khó cho một cuộc hội nghị như thế có thể họp vào những ngày kế cận. Như vậy, một phái đoàn đại biểu nước nhỏ có thể đệ trình một dự

án quyết nghị riêng rẽ, có giới hạn hơn, về vấn đề ấy chăng ? Hình như điều này có thể được lắm.

Trong bài diễn văn đọc vào tháng năm, ông Hammarskjoeld, tổng thư ký LHQ, tỏ ý mong ước có một quyết nghị như thế.

Trong khi yêu cầu tất cả quốc gia từ bỏ mọi yêu sách về lãnh thổ trong không vực liên hành tinh, ông đã khiến người ta đoán hiểu rằng vấn đề pháp lý sẽ được đặt ra sau nầy, khi mà công cuộc tham sát không trung vượt khỏi phạm vi thẩm quyền của các tổ chức khoa học và mục đích khoa học hạn chế hiện nay.

Cho đến nay vì lợi ích chiến thuật hơn vì lý lẽ quan hệ đến căn bản vấn đề, ủy ban pháp lý chung của L.H.Q. tỏ ra chưa muốn hành động gấp. Ông Schacher trong ủy ban, lý luận thế nầy : « dù sao đường lối tiến hành trong Năm Vật-lý học quốc tế cực kỳ thỏa đáng và nếu như người ta không cố gắng để thúc đẩy mọi sự tiến tới gấp rút hoặc để thiết lập một bộ luật cứng rắn và phức tạp, thì rất có thể là tình hình cứ thế mà tiếp tục. Người ta đã lập nên những tiền lệ nhân nhượng lẫn nhau » và điều may mắn là ở các tiền lệ nầy người ta bất chấp vấn đề chủ quyền. Người ta đã được báo trước, trong một chừng mực nào, về các cuộc thí nghiệm vệ tinh nhân tạo và những kết quả thu thập nhờ các cuộc thí nghiệm ấy đã được san sẻ trong một chừng mực nào. Nếu thay vì đã cho sự hợp tác thầm lặng và « tích cực » ấy tiếp tục, người ta buộc các cường quốc phải có những cam kết chắc chắn và nhận những sự giới hạn thì sẽ xảy ra nguy hại gì ?

Ông Schachter trả lời : « Phải chăng người ta có thể dự kiến rằng một vài cường quốc sẽ yêu cầu nới phạm vi chủ quyền quốc gia rất xa trong không vực liên hành tinh và sở dĩ họ hành động như thế là vì những nhận định thật ra không có căn cứ lắm và có thể vụ lợi nữa về vấn đề an ninh khiến họ trở nên thận trọng bội phần. »

Trước thềm trách nhiệm

Đã nhận rằng sự tiếp tục việc hợp tác tự nguyện có thể là đường lối lý tưởng, người ta thấy vấn đề đặt ra là tìm hiểu xem một quốc gia sẽ phản ứng bằng cách nào một ngày gần đây khi mà một vệ tinh nhân tạo bị tình nghi dọ thám lãnh thổ nó bay ngang qua và chụp hình các mục tiêu quan trọng hoặc khi mà một vệ tinh công khai phá hoại các hệ thống sống điện viễn thông của một nước khác. Ở đây lời giải đáp của ông Schachter mơ hồ hơn : « Ta hãy đợi trường hợp ấy xảy ra. Đứng về pháp lý mà nói, quốc gia bị tổn thương quyền lợi bao giờ cũng có thể áp dụng những biện pháp đối phó mà quốc gia ấy xét cần » kể cả biện pháp trừng phạt hoặc, nếu có thể, việc hủy diệt vệ tinh can phạm.

Theo ông Schachter, các quốc gia sẽ được tự do tự bảo vệ trong không vực liên hành tinh cũng như họ đang có quyền tự do hành động ngoài biển cả được xem là hải phận quốc tế mà mọi người được tự do sử dụng.

Hẳn nhiên là các quốc gia sẽ có thể xử sự như vậy nếu người ta để cho khoảng không gian liên hành tinh trở nên diễn trường rộng lớn của những sự xung đột chém giết giữa con người với nhau, như hiện trạng các đại-dương ;

và như thế, người ta đã bỏ qua một cơ hội nghìn thu một thuở — hậu quả thế nào, chắc ai cũng đoán hiểu được.

Có lẽ ta không cần phải đi xa quá và nhanh quá như ông Haley ; ông này đã ấn định những quy tắc của một đạo luật áp dụng cho cuộc sống trong không vực liên hành tinh. Nhưng ai cũng dễ dàng thừa nhận là hợp lý lời kết luận của Ủy-ban nghiên cứu L.H.Q. theo đó thì điều mà L.H.Q. cần nhất là thi hành một sáng kiến mạnh dạn về vấn đề này, nếu L.H.Q. « muốn làm một bước tiến dài từ thời kỳ thiếu niên đến thời kỳ trưởng thành ».

Khoảng không gian liên hành tinh đang mở rộng những cánh cửa « vô biên » đón chào nhân loại. Các vì tinh tú trước nhất là chị Hằng, đang hồi hộp đợi chờ giao tiếp với con người.

Nhân loại sẽ vận dụng cơ hội nghìn thu một thuở này như thế nào ?

Phải chăng rồi đây không vực liên hành tinh sẽ chứng kiến sự tái diễn tấn tuồng đấu tranh vì thế lực, vì lợi quyền giữa các quốc gia ?

Hay vì nơi đây thanh khiết mà loài người bỗng gột rửa được ý thức tị hiềm, tư kỷ, để khai trương một kỷ nguyên hợp tác hòa bình không thực hiện được ở chốn hồng trần ?

Chưa bao giờ con người đứng trước một trang sử trinh bạch như thế này !

Nhân loại sẽ nhận tất cả trách nhiệm trong việc viết lên đấy một tương lai sáng tươi hay đen tối.

TIỀU-DÂN

Dựa tài liệu « không gian liên hành-tinh thuộc về ai ? » của Robert Bendiner đăng trong tạp chí Hoa-kỳ Tha « Reporter » ra ngày 16-8-58.

★ Kẻ biết người là người khôn ; kẻ biết mình là người sáng (Lão tử)

★ Có nhiều người bởi chịu ảnh hưởng của một nền học vấn quá vụ từ chương thường cho kẻ nói hay là kẻ tài trí, như ta thường thấy họ khen kẻ khéo mồm mép là kẻ thông minh...

Biết bao nhiêu người có trí lực chỉ do bởi đã bị lôi cuốn vào những cuộc khẩu chiến bất tuyệt mà để mất những dịp tiếp xúc với thực tế thông thường ở đời và mất cả lương tri (Cha Forestier)

« Vô thích vô mạc »

Luận ngữ có câu : « Vô thích vô mạc » *thích* là nhất định lấy làm phải ; *mạc* là nhất định lấy làm không phải. *Thích* cũng không, mà *mạc* cũng không, có nghĩa là chỉ tuân theo đạo lý, không chịu pha lòng riêng vào để biến tính của đạo lý đi.

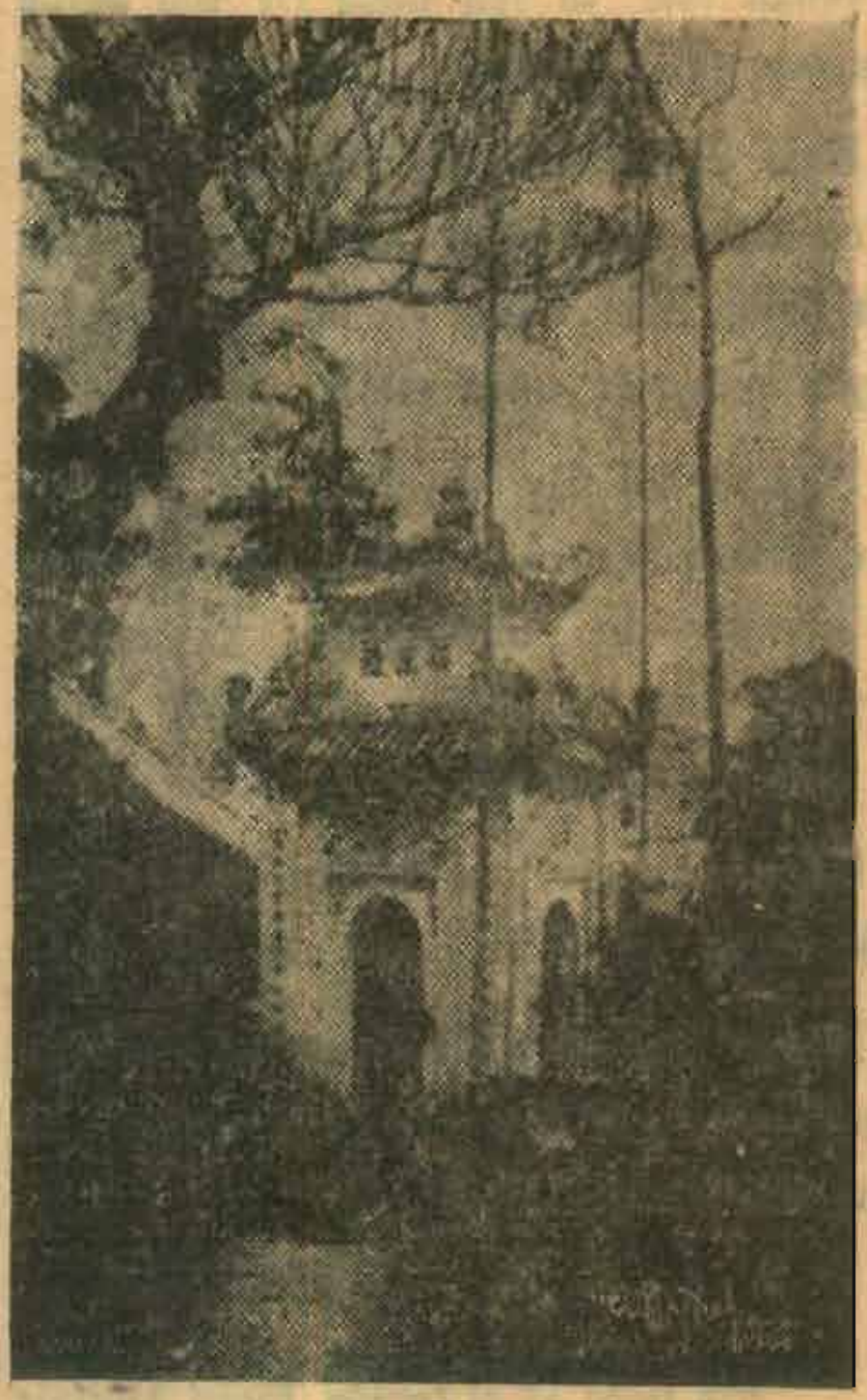

(Ảnh đền Hùng-Vương — Tỉnh Phú-thọ)

18 VỊ VUA DỰNG NƯỚC TA

LÀ

LẠC-VƯƠNG

HAY

HÙNG-VƯƠNG ?

PHẠM-HOÀN-MĨ

(Bài tiếp)

Lần thứ ba, ông Nguyễn-Văn-Tố lên tiếng

Nhân nói đến quyển « Nhà văn hiện đại » của Vũ-Ngọc-Phan có đoạn nhắc lại chuyện « Hùng-vương và Lạc-vương », và nhắc lại bài khảo luận của cụ *Sở-Cuồng* Lê-Dư, ông Ứng-Hòe mới lên tiếng :

« Bài này khi mới xuất bản, tôi đã toan bàn đến, nhưng xét ra cụ Sở-Cuồng lập ra ba, bốn thuyết, đều thiên về chủ nghĩa quốc gia, không đúng với phép làm sử, nên tôi bỏ, không bàn đến. »

Rồi ông kể mấy điều chủ trương của ông Lê-Dư, đoạn tiếp :

« Tôi tưởng làm sử cốt tìm sự thực mà đừng có chép sai, tức cũng như quan tòa hỏi án, hễ người nào biết, đều phải hỏi cả, không cứ người nước nào ; nếu theo mấy thuyết của cụ Sở-Cuồng, thì không khỏi sinh ra thiên vị... »

Nghĩa là, nếu chẳng có đoạn ông Vũ-Ngọc-Phan nhắc lại « việc xưa tích cũ », thì chúng ta đành chẳng biết gì về ý kiến của ông đối với lý lẽ và chủ trương của ông Lê-Dư. Thành ra ông lên tiếng để binh vực một thuyết ông cho rằng đúng, chẳng phải vì chân lý, mà vì người ta có ý chỉ trích phần nào, mà « bất đắc dĩ » ông « phải nói đến bài cụ Sở-Cuồng » : ấy mới biết, cái cá nhân của một nhà khảo cổ cũng quan trọng lắm vậy thay.

Vậy thì bài « *Lạc-vương với Hùng-*

vương » của ông (đăng trong tuần báo « Tri tân », số 96, ngày 20-5-1943) đã miễn cưỡng mà có. Miễn cưỡng mà có, song với tánh cố hữu, ông Nguyễn-Văn-Tố vẫn thận trọng và kỹ lưỡng. Và nhờ bài thứ ba này — mà cũng là bài cuối cùng — chúng ta được biết thêm nhà khảo cổ này đinh ninh rằng « đến nay » — năm 1943 — chưa có sách sử nào dẫn chứng đứng đắn hơn sử sách người Pháp, vậy ta phải theo người Pháp. Chúng ta có thể hiểu mà không sợ sai rằng con người học rộng cả chữ Hán lẫn tiếng Tây này chưa ra khỏi vòng cả tin nơi sách, nhất là những gì từ trường Bác-cổ Viễn-đông đưa ra.

Vì thế mà hơn một nhà phê bình đã trách ông hẹp hòi, cố chấp, mỉa ông là « ông Tố tờ *a*, tờ *b* ».

Nhưng giờ, chúng ta hãy nghe ông.

Ông lại trích dịch đoạn sách của ông Henri Maspéro đăng trong tập kỷ yếu trường Bác-cổ Viễn-đông.

Ông chứng minh từ đời Chu đời Chiến quốc cho đến đời Hậu-Hán, đều đã nói đến hai chữ Lạc là nước ta.

Như thế thì bỏ chữ Hùng, theo chữ Lạc mới phải.

Còn về lý ông Lê-Dư bảo rằng trong « Khang-Hi tự điển » chỉ có hai chữ Lạc (*xạt* một bên, *mã* một bên) là thông dụng, ông cho biết rằng chữ Lạc (*các* một bên) cũng là thông dụng, « thế là cả ba chữ Lạc đều thông dụng, chứ không phải hai ».

Ông bác ông Lê-Dư dẫn *Đỗ-Thiện sử ký*, *Báo cực truyện* v.v... là những sách hiện không còn nữa. Còn *Lĩnh nam trích quái* « là quyển truyện hoang đường, kì quái, không có thể viện vào đấy mà tin là có thực. »

Còn những hiệu vua : Hùng-Hiền-vương, Hùng-Chiêu-vương, Hùng-Oai-vương, v.v., « cũng không thể dùng làm sử liệu được, vì toàn là chữ ở mấy quyển thần tích thuộc tỉnh Sơn-tây, do những làng thờ vua Hùng đặt ra. Nước ta về triều Lê, có một thời kỳ sức các dân xã thờ vị thần nào phải chép thành chuyện cho rõ ràng ; đề ông quản giám bách thần điện đứng tên xét lại (hiện còn biên trong thần tích). Do câu chuyện thần tích ấy, nhiều làng tự một người có văn chương bịa đặt ra, nên mới có những tên Hùng-Oai-vương, Hùng-Nghị-vương, v.v...

« Từ đời Hồng-Bàng đến đời Trần, nước ta có quyển sử nào đâu ? Nhân sách của Tàu có chép 18 vua Hùng, thì tìm lấy 18 chữ có ý nghĩa hay, rồi gán vào chữ Hùng ; bộ sử của cụ Ngô-Giáp-Đậu có chép lại, nhưng bộ *Đại-Việt sử ký toàn thư* và bộ *Khâm định Việt sử* là hai bộ có giá trị nhất, có bộ nào thêm một chữ Hùng-vương. »

Rồi ông kết luận :

« Vậy phải kết luận rằng : đến đời Trần nước ta mới bắt đầu chép sử, nhưng chưa chép đời Hồng-Bàng ; mãi đến cụ Ngô-Sĩ-Liên soạn bộ *Đại-Việt sử ký toàn thư* (năm 1479) mới chép thêm đời Hồng-Bàng, mà gọi là Ngoại-kỷ ; thế thì từ đời Hồng-Bàng đến đời Lê-Thái-Tổ, những chuyện ở quyển sử trước của ta chưa có, thì ta phải theo của Tàu : ở chỗ này không thể nói rằng : « một việc phát minh ở nước nào, sách về nước ấy chép ra mới đúng. »

« Duy có một điều phải cẩn thận, là dùng sách Tàu cho có phương pháp, so sánh xem quyển nào chép phải thì theo, hiện chưa ai dẫn chứng được đúng hơn người Pháp, thì ta phải theo người Pháp, phải nhận rằng chính chữ Lạc-vương, không phải Hùng-vương.

« Đã quen gọi là Hùng - vương thì cứ gọi, không sao. Nhưng đã làm sử thì phải tìm cho đến chỗ thật đúng : nay có người bảo cho chỗ đúng, mà mình xét lại quả có chứng cớ, thì phải theo, không thể vì thuyết này thuyết khác mà gạt đi được. »

Trong phần « *Phụ lục* » bài này, nhà khảo cổ của trường Bác cổ Viễn-đông ấy cho chúng ta biết thêm.

Sách Tàu, chỉ có quyển *Nam-Việt chí* của Thẩm-Hoài-Viễn làm vào thế kỷ thứ V là ghi : Hùng-vương, Hùng-hầu, Hùng tướng, Hùng-điền ; sách này giờ không còn, nhờ quyển *Thái bình hoàn vũ ký* dẫn lại một đoạn như sau : « Đất Giao-chỉ rất là béo tốt, xưa có quân trưởng gọi là Hùng-vương, người giúp vua là Hùng-hầu, gọi ruộng là Hùng-điền... »

Còn sách vở của ta thì ghi Hùng-vương, mà lại Lạc-hầu, Lạc-tướng, Lạc-dân, Lạc-điền, song mỗi sách lại viết chữ Lạc mỗi khác. Chỉ có quyển *An-nam chí lược* của Lê-Tắc (nhà Trần) là viết : Lạc-vương ; và chỉ có sử thần Ngô-Sĩ-Liêm (nhà Lê) bác chữ Hùng-tướng là lầm, song vẫn dùng Hùng-vương.

Về chữ Lạc, thì sách Tàu đầu tiên ghi lại là cuốn *Giao-châu ngoại vực ký*, làm vào thế kỷ thứ IV ; cuốn này nay cũng không còn, những chữ : Lạc-vương, Lạc-tướng, Lạc-hầu, Lạc-dân, Lạc-điền dùng trong sách này được sách *Thủy kinh chú* dẫn trong một đoạn.

Rồi ông tổng kết, về đoạn tra cứu sách sử Tàu :

« Đem so sánh, thì chữ Lạc-vương có trước chữ Hùng-vương đến một thế kỷ, mà bảy quyển sách Tàu, là *Giao-châu ký*, *Việt-kiều thư*, *An-nam chí nguyên*, *Giao quảng ký*, *Đại Thanh nhất thống chí*, *Thiên hạ nhất thống chí*, *Nam-Việt chí*, thì sáu quyển viết chữ Lạc-vương, duy có quyển *Nam-Việt chí* viết chữ Hùng-vương. »

Như thế là ông Nguyễn-Văn-Tố cho lý mình — những lý chỉ toàn dựa vào sách, mà sách của người Tàu, (ta cho Lê-Tắc là dân Tàu cũng chẳng phải là điều không hợp lí) phụ thêm ý kiến của người Tây — là hết sức vững, là vô cùng đúng. Câu sau đây mà chúng tôi trích lại lần nữa chứng tỏ rằng ông là người tin mình đã nắm được sự thật là đứng ở trên cao, lên giọng đàn anh mà hạ lời chỉ dạy :

« Đã quen gọi là Hùng-vương thì cứ gọi, không sao. Nhưng đã làm sử thì phải tìm cho đến chỗ thật đúng : nay có người bảo cho đúng, mà mình xét lại quả có chứng cớ, thì phải theo, không thể vì thuyết này thuyết khác mà gạt đi được ».

Hẳn là có người theo ông, nhưng vẫn có những người chẳng theo ông, nhất là những ai không đem hết lòng tin của mình vào sách, nhất là sách của những người nước khác.

Thành ra, trước hơn ai hết, trong tuần báo « Tiểu thuyết thứ bảy », số 467, ngày 26-6-1943,...

...Ông Vũ-Ngọc-Phan lại lên tiếng...

(*Còn tiếp*)

PHẠM-HOÀN-MĨ

mười hai năm

Lâu rồi
Em anh không còn nữa
Phạm-Tăng
gởi tác-giả BÀN TAY

Mười hai năm qua em ngủ yên dưới mộ
Bỗng trưa nay em trở dậy thăm anh
Nắng trưa ở đây không mây nhiều gió
Giữa lầu trưa anh cảm thấy hai mình

Vẫn cái buồng xưa, nhỏ, xinh, đầy ánh sáng
Vẫn giàn hoa xưa, màu hương lý rộn ràng
Vẫn dưới thềm xưa, con chó vàng nằm nghe gió nắng
Và vui xưa về thấm ngấm thời gian

Như bước em đi, sau anh, nhè nhẹ
Như hai bàn tay mềm sắp bịt mắt anh
Như tiếng cười trong, ngon thơm như môi má
Và màu áo xưa, màu áo thiên thanh... !

Nhưng mà không có gì, không có gì tất cả
Giữa lầu trưa anh chỉ thấy có mình
Từng cơn gió như thở dài vật vã
Màu hoa xưa không thấm nắng vàng hanh

Em đã tan rồi, tan vào hơi gió thoảng
Em đã xa rồi, xa như tiếng buồn trưa
Và cô độc hiện về, không một ai ngăn cản
Mười hai năm thương nhớ cũng không vừa.

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í

Trong bài VIII đăng trong số 47, chúng tôi có nhờ các bạn vùng Nam - Ngãi ở Trung trả lời giùm một bạn dọc gốc Quảng-ngãi, hiện ở Hậu-giang, bạn này hỏi ở quê Quảng-ngãi có thứ cây tên *lâm dồ* (lá đậm đen, mủ rất dính, dùng để bẫy chim), và nếu có thì cũng tên « lâm dồ » hay tên gì.

Mới đây một bạn ở miền Giao thủy, huyện Bình - sơn, tỉnh Quảng - ngãi, gặp chúng tôi, cho hay rằng ở Quảng không có thứ cây đó, mà ở Thừa-thiên có. Anh bạn vì gấp công việc riêng quên nói tên, mà chúng tôi lại cũng quên hỏi nốt. Vậy xin hỏi lại anh bạn giáo sư trường Chấn-Hưng trên đây, và cũng xin hỏi lại các bạn ở Huế.

*

Từ « xứ quê mùa », cái xứ mà ca dao miền Nam đã ghi « Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều-châu », một người bạn chung của chúng tôi, nhà giáo Nguyễn-Văn-Trung (1) có thư lên « chê » chúng tôi một việc, và tặng chúng tôi « một món quà », xin trình ra đây :

« Cái mớ » tiếng địa phương của hai anh, sao nó làm cho tôi ngao ngán thất vọng đến thế ! Không nêu lên một *tổng đề* (centre d'intérêt) nào cả, mà cũng không sắp các từ ngữ theo thứ tự *a, b, c...* Chẳng hạn muốn biết có giải thích chữ « cà mô » (= ôm đồm) hay không và nếu có, thì ở số Bách-Khoa nào, thì xin hỏi cặp Nguyên-Lộc — Ngu-Í giùm mách bảo, chớ ai nấy cũng như tôi thảy đều chịu thua.

« Les vérités les plus précieuses sont celles que l'on découvre en dernier lieu ; mais les vérités les plus précieuses, ce sont les méthodes. » (2)

---

(1) Xin đừng lầm ông giáo Trung-học ở Bạc-liêu này với ông giáo Đại-học ở Huế, cũng trùng tên, trùng họ, trùng cả chữ lót, mà tòa-soạn Bách-Khoa và ông Thế-Quang vừa nói đến, nhân bài chữ « Trung » của ông.

(2) Có lẽ ông bạn « chuyển quà » cho chúng tôi đã sơ ý mà tự « gói » thêm hai chữ *les plus* ở đoạn đầu cho quà nó nặng thêm. Hãn là nguyên văn, vốn : « Les vérités précieuses sont celles que l'on découvre en dernier lieu; mais les vérités les plus précieuses, ce sont les méthodes... » Xin dịch ; « Những chân lý quí báu là những chân lý người ta khám phá vào giờ chót; song những chân lý quí báu nhất, đó là những phương pháp. »

« Xin chép câu này của Nietzsche để tặng hai bạn, một nhà giáo, một nhà văn đang lo... sưu tầm và định nghĩa tiếng địa phương »,

Vì quá yêu việc làm của chúng tôi mà anh bạn kia chỉ nhớ đến cái bực giờ đây của anh, mà quên mất lời chúng tôi đã thưa trước cùng bạn đọc, trong bài ra mắt (*Bách-Khoa số 37*). Xin sao lại :

« *Tập danh từ này không thể theo thứ tự A,B,C... được vì sẽ có nhiều bạn khác ở xa góp công vào đây.*

« *Vả lại riêng nó, nó không thành một quyển sách nên không cần thứ tự trên kia. Đây là mớ tài liệu mọn để giúp sức phần nào cho các nhà làm tự điển thôi.* »

Và ở phần cuối, chúng tôi cũng đã nói vì sao « *chúng tôi đánh bạo làm liều* ».

Việc làm, xét cần, và nên làm gấp, mà thấy lắm bực đàn anh vì quá bận rộn hay quá dẫn do chưa bắt tay vào việc, nên chúng tôi mới bạo, mới liều. Nếu tổng đề, hay sắp theo thứ tự A,B,C... đó là việc không thể không có của một công trình đã hoàn thành ; còn đây chúng tôi đang lần dò, gần như « thấy đâu nói đó », lại vì không muốn đi sâu vào đường chuyên môn, mà chỉ đứng về mặt văn chương ; và lại lắm khi, ghi chữ bắt đầu bằng « *A* », mà tiếp theo phải chép chữ bắt đầu bằng « *Z* », vì lẽ tiếng sau nó cùng nghĩa với tiếng trước, mà được thông dụng ở địa phương khác.

Vậy thì, xin các nhà làm tự điển, các nhà học giả, các nhà giáo... đã đặc biệt theo dõi việc làm của chúng tôi hãy ghi riêng số báo nào, trang nào, đã đăng những tiếng địa phương nào đã giải thích, để sau tiện việc tra, tìm.

Chẳng biết giải thích và đề nghị thế, chúng tôi có còn làm bạn đọc « Danh từ địa phương » « ngao ngán » và « thất vọng » như anh bạn xứ Bạc-liêu của chúng tôi chăng ?

Còn cái món quà của triết gia nước Đức mà anh bạn đã chuyển tới chúng tôi, cái quà « làm việc phải có phương pháp » ấy, mặc dầu là chúng tôi đã có rồi, cũng xin vui lòng nhận để khỏi phụ tấm lòng quá yêu (quá yêu thành quá nặng lời) của người bạn đồng nghiệp miệt Hậu-giang.

*

Và từ chốn quá văn minh, từ « Kinh đô Ánh sáng », đã đến với chúng tôi một lời « khen ».

Số là trong bài đăng ở số « *Kỷ niệm đệ nhị chu niên* », chúng tôi có nêu một số danh từ chuyên môn về những chứng bịnh, và có đưa một đề nghị kính gởi bác sĩ Nguyễn-Trần-Huân đang soạn tập « Từ điển y ngữ » hiện lần đăng trên « Bách Khoa » này :

« *Chúng tôi nghĩ rằng trong các tập danh từ y học, các tác giả nên chua thêm danh từ cũ của ta vào, ngoài danh từ mới tạo có thể nói rõ ý khoa học hơn.* »

Bác sĩ Nguyễn-Trần-Huân tán thành đề nghị của chúng tôi. Ông lại cho biết ông càng tán thành hơn ai, bởi

lẽ ông là người Bắc, lại hiện ở nước ngoài. Và ông đặc biệt yêu cầu chúng tôi sớm tiếp tục.

Được ông biểu đồng tình, chúng tôi lấy làm sung sướng, nhưng tiếp tục ngay việc sưu tầm, định nghĩa và so sánh những danh từ chuyên môn về các chứng bịnh, thì chúng tôi hiện chưa dám hứa.

BÌNH-NGUYÊN-LỘC
và
NGUIỄN-NGU-Í

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyên-Lộc và Nguiễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

XI

Hút *(Tĩnh từ)* Khan, hiếm.

Vải độ này hút, nên bọn gian thương tha hồ đầu cơ.

Hàng đen *(Danh từ ghép)* Tiếng miền Đông Nam-Việt chỉ những món hàng hóa do bọn trộm bán ra, nhứt là trâu bò. Danh từ nầy có rất lâu đời, chớ không phải là một danh từ mới như tiếng « chợ đen »

Tó *(Danh từ)* Dụng cụ gồm hai cây gậy to bằng ngón chân cái, dài độ một thước Tây, hai đầu trên cột dính với nhau bằng một sợi dây dài lối một gang tay. Cây tó dùng để chống mũi xe bò cho xe nầy khỏi chúi mũi xuống đất mỗi khi bò được tháo ra.

Đó là một danh từ quá chuyên môn, nhưng rất cần nêu ra, vì ở Hải-học-viện Nha-trang, những năm trước có mỗi một thứ cá mà người ta thường gọi là *cá chống tó*, danh từ lạ, khiến nhiều du khách ngần ngơ.

Con cá chống tó có hai cái kỳ rất dài, trông giống như hai cây tó của một chiếc xe bò.

Ba trợn *(Tĩnh từ ghép)* Xỏ lá, ba que, không ra đâu vào đâu. (Định nghĩa của Đỗ-Tấn, phụ và tử. — Huế)

Ba rọi *(Danh từ ghép)* chỉ thứ thịt heo gồm nhiều lớp mỡ và nạc chồng nhau. Miền Bắc gọi là *ba chỉ*.

Nghĩa bóng là pha trộn một cách tầm phào :

Me Tây nói tiếng Tây ba rọi.

Ba *(Tiếp đầu ngữ)* Tiếp đầu ngữ ngộ nghĩnh của miền Nam nầy luôn luôn mang một nghĩa châm biếm, dùng thêm vào bất kỳ danh từ nào mà họ muốn chế diễu.

Ba Tàu = Chỉ những người Tàu quê và không lịch sự.

Ba Đá = Chỉ lính Pháp (Đá = Soldat) du côn.

Ba Xạo = Chỉ người xạo (dều giả) v...v...

Ba gai (*Tính từ ghép*) Tính từ miền Nam, vừa tạo ra là được thông dụng toàn quốc, vì đó là tiếng quân nhân, mà quân đội gồm đủ Nam, Trung, Bắc. Cứ bằng theo lối dùng thì ba gai có nghĩa là thích đánh nhau.

Nhưng như thế thì tính từ nầy tạo sai chăng ?

Quân đội Pháp có hai tiếng : *Pagaïe* và *Bagarreur*, dùng để chỉ hai việc. *Pagaïe* là sự rối loạn ; *Bagarreur* là thích đánh nhau.

Nhè (*Động từ*) Nhắm, với một ý thức sai lầm (Định nghĩa của Đỗ-Tấn phụ tử. — Huế).

Thằng A đánh nó mà nó nhè tôi đánh trả.

Nhè còn có nghĩa : khóc lải nhải (nói trẻ con).

Chống (*Danh từ*) Một lớp mỡ thật dầy.

Thịt làng, cả chống mỡ, mà họ tranh nhau dữ lợn.

Mà (*động từ*) Dùng qui thuật, làm cho người xem thấy sự vật khác đi.

Nhà qui thuật ấy mà con mắt ta, chớ tài nào mà hắn biến con chim thành con thỏ được.

Nín (*Tính từ*) A. — Nói gạo trong nồi cơm, hay nếp trong bánh tét, bánh chưn, chín nửa chừng rồi ngưng lại, thành ra cơm, bánh, nửa chín, nửa sống.

B. — Nói pháo không nổ vì cái ngòi đang cháy, bỗng tắt đi.

Thuở bé, Tết, tôi đi khắp làng để lượm pháo nín ngòi.

Thâng (*Danh từ*) Theo nghĩa đen thì thằng là thằng ấy, theo lối thâu hẹp tiếng dài của miền Nam, như ổng = ông ấy ; bả = bà ấy v. v... Nhưng thằng lại chỉ dùng để chỉ người chồng thôi, chớ không phải chỉ bất kỳ *thằng* nào. (Tiếng quê mùa).

Cỏn (*Danh từ*) Con ấy. Và cũng y như trên, còn chỉ dùng để chỉ người vợ thôi.

Cỏn chết, mà thằng đi buôn xa không hay.

Dưa hấu (*Danh từ*) Dưa đỏ.

Dưa hồng (*Danh từ*) Dưa hấu xấu trái, hái trước mùa, dùng nấu canh cá, hoặc canh thịt (Định nghĩa của Đoàn-Chiêu-Anh. — Phan-rang) Nhiều nơi, tiếng hồng biến thành tiếng hường.

Dưa canh (*Danh từ*) Đồng nghĩa với dưa hường.

Đi lưu giống (*Thành ngữ*) Đi chơi lung tung, ít khi về nhà (Định nghĩa của Đoàn-Chiêu-Anh).

Sớn sác (*Trạng-từ*) Nói, làm, không xem trước, xem sau cho kỹ càng.

Xán xả (*Trạng từ*) Nói nặng không nề mặc người trên.

Không ngơ (*Tính từ*) Thản nhiên như là không hay, biết, nghe, thấy việc có can hệ đến mình.

Cả mô (*Tính từ*) Tham làm nhiều việc mà không nên gì cả. Tiếng cả mô có nghĩa gần với tiếng *ôm-đồm* ở Miền Bắc.

Cả mô là đồ làm biếng.

Ăn khính (*Động từ ghép*) Ăn nhờ của ai một vài lần thôi.

Người ta cũng nói : cười khính = cười hùn.

Tiếng nầy gần nghĩa với tiếng ăn kẹ hay ăn ghẹ miền Bắc.

Ăn lạt (*Động từ*) Ăn chay. Miền Bắc vẫn có tiếng ăn lạt nhưng nghĩa chỉ gần gần thôi. Ăn lạt = hơi giống như ăn chay (V.N.T.Đ của hội K.T.T.Đ) có nơi tiếng *lạt* biến thành *lợt*.

Ăn mặn (*Động từ*) I Ăn đồ ăn tra nhiều mắm muối.

II Ăn nhiều đồ ăn.

Hai nghĩa trên đây toàn quốc đều biết.

III Trái với ăn lạt, nghĩa là ăn cá, ăn thịt.

Ngã mặn (*Động từ*) Tiếng giễu cợt những kẻ bỏ ăn chay, hay bỏ thái độ thanh khiết của mình, để làm bậy bạ.

Cồ lợt hay cồ lạt (*Danh từ*) Rất thông dụng ở Huế, chỉ bữa cồ chay.

Đồ chung (*Danh từ*) Một thứ canh chay thập cẩm, nấu bằng rất nhiều thứ rau đậu.

Kiềm (*Danh từ*) Đồng nghĩa với tiếng đồ chung.

Ăn mót (*Động từ*) I Ăn của thừa.

II Hưởng những gì người ta chê bỏ ra

Ở miền Bắc *ăn mót* có nghĩa như *đi mót* ở đây. Ăn mót = Nhặt những thóc, lúa, khoai, đậu của người ta hái còn sót lại (V.N.T.Đ. của K.T.T.Đ).

Long mốt, long hai (*Trạng từ*) Nói về dan, dệt, chập một, hay chập hai sợi.

Miền Bắc nói là *lòng mốt, lòng hai*

Ở đây trạng từ trên lại có nghĩa là nhặt, thưa :

Quét nhà long mốt, long hai
Thương chồng thì ít, thương trai thì nhiều.

(Ca dao miền Nam)

U (*Trạng từ*) Mau chóng. *Nó chạy u một hơi là tới.*

Miền Bắc nói : *ù*

Tới (*Động từ*) Đánh bài, lúc đủ quân làm sao đó, hạ cả bài xuống mà ăn tiền. Đồng nghĩa với động từ *ù* của miền Bắc. Động từ *tới* chỉ dùng trong trò đánh tứ sắc, và vài biến thể của tứ sắc thôi.

Thanh trà (*Danh từ*) Một loại bưởi, không dùng một mình mà chỉ đi với tiếng bưởi thôi. Người Huế quả quyết rằng trái bưởi khác với trái thanh trà, nhưng người miền Nam không nghĩ như thế, vì so sánh trái bưởi thường và trái thanh trà thì thấy, *về mặt khoa học*, hai thứ ấy giống nhau. Vậy thanh trà không chỉ một thứ trái, mà chỉ một loại bưởi thôi (variété de pamplemousse).

Háy (*Động từ*) Nguýt.

Háy (*Danh từ*) Sự khó hay dễ nuôi một đứa bé.

Con tôi xấu háy lắm, nếu sanh nó ra là tôi cho nó ngay cho dì nó nuôi.

Dao phay (*Danh từ ghép*) Thứ dao mình dày, hình thoi, mũi nhọn, dùng để chặt xương. Miền Bắc thì ngược lại, dao phay là : « Thứ dao mình mỏng, mũi bằng, thường dùng để thái » (V.N.T.Đ. của hội K.T.T.Đ.)

Kiệt (*Danh từ*) Ngõ hẽm không lối ra ; có nơi gọi là *đường cụt*.

Tiếng *kiệt* của miền Trung rất gọn, nghĩ cả ba miền đều nên dùng.

Óng (*Trạng từ*) Thẳng, suông.

Óng óng (*Trạng từ*) Thẳng, suông mà rất dài.

Anh cứ đi óng óng đến đó rồi quẹo vào một cái kiệt là tới nơi.

Ở miền Nam nầy. có tiếng *óng óng* cũng là trạng từ, và nghĩa là la om trời một cách vô lễ.

Dâu tôi tệ lắm, tôi mắng nó, nó ong óng cãi lại.

Xà-bông (*Danh từ*) Xà phòng.

Thước nách (*Danh từ*) Thước thợ. Miền Bắc có tiếng thước nách nhưng ít dùng lắm,

Cập rằng (*Danh từ*) Cai. Lịch sử tiếng cập rằng thật là ngộ nghĩnh. Đầu tiên, người ta mượn tiếng *cai* của miền Bắc mà dùng. Rồi một viên thông ngôn dịch tiếng cai ấy ra là *caporal* (câu chuyện bắt nguồn ở các đồn điền cao su của người Pháp). Người Pháp nhận ngay tiếng *caporal* để chỉ cai phu. Và ta lại Việt hóa tiếng caporal của người Pháp.

Thợ hồ (*Danh từ*) Thợ nề

Ông trốt (*Danh từ*) Gió lốc.

Dao yếm (*Danh từ ghép*) Thứ dao gần giống với *dao bài* của miền Bắc, dùng để thái.

Hia (*Đại danh từ*) Anh. Thổ-ngữ Triều-châu nầy rất thông dụng ở mấy tỉnh chót vùng Hậu-giang là nơi có rất nhiều Hoa-kiều sanh sống. Danh từ và đại danh từ *tía*, nghĩa là cha, được thông dụng khắp miền Nam, chắc cũng từ đó mà ra.

Bườm (*Động từ*) Rút lui (Nói về ăn cướp nhất là ăn cướp đi đường thủy).

Ngún (*Động từ*) Bắt đầu cháy. Lửa đã ngún.

BÌNH-NGUYÊN-LỘC
và
NGUIỄN-NGU-Í

★

SÁCH MỚI

★ Bách-Khoa vừa nhận được :

Đò dọc của **Bình-Nguyên-Lộc** do nhà xuất bản « *Bến Nghé* » gởi tặng. Đây là quyển sách đầu tiên của nhà xuất bản, mà cũng là quyển tiểu thuyết đầu tiên in thành sách của nhà văn khả ái họ Bình. Đây là một tiểu thuyết tâm lý và ái tình, truyện hai vợ chồng già ở Sài-gòn vì loạn Bình xuyên về ở miền Đông cạnh con đường Thiên-lý, với bốn cô con gái đang thời xây đắp mộng chung đôi, bốn cô con gái ở thành mỗi người một vẻ, mỗi người một tâm trạng bốn cái bến cùng trông một chuyến đò. Rồi một đêm nọ, một chiếc « đò dọc » ghé bến : dưới hình một chàng họa sĩ bị nạn xe hơi... Rồi thì... hai ông già bà cả ấy ước mong và bốn tấm lòng son ấy gợn lên mong ước...

« Nhưng có một chàng mà 4 gái... » Thì dù 4 gái ấy là 4 chị em rất mực thương nhau, cũng xảy ra lắm nỗi đau lòng... song rồi, đâu cũng vào đấy, và chúng ta được dịp thưởng thức những nét chấm phá, những nhận xét tinh tế về cảnh, về người quê cũng như chợ, của Bình-Nguyên-Lộc. Sách dày trên 300 trang giá 65$ bìa trình bày mới lạ và trang nhã.

Bách-Khoa xin trân trọng cảm ơn các tác giả và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

B. K.

TỪ ĐIỂN Y NGỮ

VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đăng từ B. K số 39)

A

adansonine (adansonia). Tên một chất thuốc bột trắng, lấy ở lá cây Baobab (Adansonia Digitata) dùng để chữa sốt.

adaptable.

(N) — Thích ứng, — Thuận ứng.
(V) — Thích ứng.

adaptation.

(T) — Thích ứng.
(N) — Thuận ứng ; — Thích ứng.
(V) — Sự thích ứng, — sự điều tiết.

adaptation à la lumière (light adaptation).

(T) — Quang thích ứng.
(N) — Minh thuận ứng.
(V) — Sự thuận ứng với ánh sáng ; — quang ứng.

adaptation à l'obscurité (dark adaptation).

(T) — Ám thích ứng.
(N) — Ám thuận ứng.
(V) — Sự thuận ứng với tối, — quen tối,

adaptation fonctionnelle (functionnal adaptation).

(T) — Cơ năng thích ứng.
(V) — Thích ứng cơ năng.

adaptation immunologique (immunological adaptation).

(T) — Miễn dịch thích ứng.
(V) — Sự thích ứng miễn dịch.

adaptation rétinienne (retinal adaptation).

(N) — Võng mạc thích ứng.
(V) — Sự thích ứng võng mạc.

adaptation sensorielle (sensory adaptation).

(T) — Cảm giác thích ứng.
(V) — Sự thích ứng cảm giác.

adaptation sociale (social adaptation).
(N) — Xã hội thuận ứng tính.
(V) — Sự thích ứng với xã hội.

adaptation trophique (Trophic adaptation).
(T) — Doanh dưỡng thích ứng.
(V) — Sự thích ứng về doanh dưỡng.

adaptation (Maladies de l'---).
(V) — Bệnh của sự thích ứng. (Tất cả những bệnh chứng do sự biến động các phản ứng về thích ứng gây ra).

adaptation (Syndrome d'---).
(V) — Hội chứng của sự thích ứng (Tất cả những phản ứng do cơ thể tạo ra để chống đối lại với những công kích bên ngoài như : ngoại thương, trúng độc, v.v...)

adaption
(V) — Một tính chất của con mắt có thể tùy theo sức mạnh của ánh sáng mà thích ứng.

adaptometer. (adaptomètre)
(T) — Thích ứng kế.
(N) — Thuận ứng kế.
(V) — Máy thuận ứng.

adaptometry. (adaptométrie)
(V) — Cách đo sự thuận ứng của võng mạc. (xem chữ Adaptation rétinienne.)

adaptor. (adapter)
(T) — Trí khuyên khí. (*Trí*, đặt ; *Khuyên*, cái ống tròn.)
(N) — Thích hợp khí.
— Thụ tiếp quản. (*thụ tiếp*, nhận ; *quản*, cái ống.)
(V) — Ống nối lắp khít với một ống khác (dùng trong những thí nghiệm hóa học.)
— Cái khung, — hoặc cái khuôn ép, dùng trong nghề chụp ảnh.

adarticulation. xem chữ Diarthrose. (Khớp xương.)

adaxial (*ad*, hướng về ; *axial*, ở chữ axe, nghĩa là cái trục.)
(T,N) — Hướng trục.
(V) — Gần trục, — Hướng trục.

adde (add, ad.). Tiếng La-tanh, cùng nghĩa như tiếp đầu ngữ *add*. (xin xem chữ ấy.)

addephagia. (addéphagie, adéphagie) (ở chữ Hi-lạp *Phagein* nghĩa là ăn, và tiếp đầu ngữ *addé*, cũng ở chữ Hi-lạp, và nghĩa là nhiều.)
(N) — Đại thực, — Bạo thực.
(V) — Chứng tham ăn, — ăn nhiều, — phàm ăn.

addict.
(T) — Phích thị giả.
(V) — Người nghiện ; — Kẻ đam mê. (*Phích*, ăn no quá, — thích. — *Thị*, cùng một nghĩa, thèm, thích.)

addiction. (ở chữ *additio*, nghĩa là bán, bỏ thầu.)
(T) — Ẩn, — Phích thị. (*Ẩn*, nghiện).
(N) — Đam nịch. (*đam*, ham mê ; *nịch*, chết đuối.)
(V) — Nghiện — Đam mê ; — Đắm đuối.

addiction to morphia (morphinomanie.)
(V) — Nghiện thuốc phiện.

addiction (drug—).

(T) — Dược ẩn. (*Dược*, thuốc.)

(V) — Nghiện thuốc.

addition.

(T) — Gia, Gia thiêm.

(N) — Gia.

(V) — Sự thêm vào.

addictologist.

(N) — Dược vật thị phích chuyên môn y.

(V) — Thầy thuốc chuyên khảo về bệnh nghiện thuốc.

addictology.

(N) — Dược vật tập quán học.

(V) — Ngành học về bệnh nghiện thuốc.

addiment. Xem chữ Complément.

addis (Epreuve d'---),

(V) — Kiểm tra À-đi-xơ.

Addis-Hamburger (Technique d'---).

(V) — Kỹ-thuật Addis-Hamburger

Addison (Maladie d'---).

(V) — Bệnh A-đi-dông. (do ông Thomas Adison khảo đầu tiên năm 1855. Bệnh này có nhiều triệu chứng như : mệt mỏi, đau lưng, và nhất là mầu da hóa hung nâu như người bị cháy nắng. Vì thế bệnh này còn nhiều tên khác nữa như : Maladie bronzée d'Addison, Addison's Disease.) Tạm dịch là Bệnh nâu.

Addison-Biermer. Xem chữ Anémie de Biermer.

addisonien.

(V) — Người bị bệnh nâu a-đi-dông.

addisonism. (Addisonisme, addisonismus).

(T) — Loại thanh đồng sắc vì bệnh. (*Thanh đồng*, ta thường gọi là đồng đen. « Bronze »)

(V) — Chứng bệnh giống như bệnh A-đi-dông nhưng nhẹ hơn.

adducteur (Adductor)

(do chữ *adductio*, nghĩa là dẫn đến, kéo vào, v.v...

(T) — Nội thu cơ. (*nội*, trong ; *cơ* bắp thịt, muscle.)

(N) — Nội chuyển cân. (*Cân*, cùng một nghĩa với *cơ*.)

(V) — Cân nội chuyển, — Bắp thịt khép vào.

adduction.

(N) — Nội chuyển.

(V) — Sự khép vào ; sự kéo vào.

adduction associée (Signe de l'---). xem chữ Raïmiste (Signes de..).

adélomorphe. (adelomorphous)

(N) — Hình thái phán minh. (*phán*, chia đôi.)

(V) — Hình thù không được rõ rệt ; Hình trạng mập mờ.

adelphotaxis. (adelphotaxy)

(ở chữ Hi-lạp *Adelphos*, nghĩa là anh em.

(N) — Định vị khuynh hướng.

(V) — Khuynh hướng tự xếp. (Nhiều tế bào có khuynh hướng tự xếp đặt với nhau theo một cách nhất định).

adémonie.

(V) — Sự buồn bã, — mệt mỏi, kiệt quệ.

adénalgie. (adenalgy, adenodynia, adenalgia.)

(ở chữ Hi-lạp *adén*, nghĩa là Hạch).

(T,N) — Tuyến thống. (*tuyến*, hạch ; *thống*, đau.)

(V) — Chứng đau hạch.

adénase.

(T) — Tuyến phiêu linh môi. (?) (*môi*, men.)

(N) — A-đê-na.

(V) — A-đê-na. (một chất đi-át-ta của gan, lá lách và tuyến di ; diastase de la rate, du pancréas et du foie.)

adenasthenia,

(T) — Tuyến cơ-năng suy nhược.

(N) — Tuyến phân bí cơ-năng giảm nhược.

(V) — Chứng yếu hạch.

adenasthenia gastrica. (*gastrica*, dạ dầy.)

(T) — Vị tuyến cơ năng suy nhược.

(N) — Vị dịch phân bí khiếm nhược. (*vị*, dạ dầy. *khiếm*, thiếu, ít; *suy nhược*, ốm yếu.)

(V) — Chứng hạch dạ dầy yếu.

adendric. (adendritic, adendrique.)

(ở chữ Hi-lạp *dendron*, là cây ; *a*, chỉ sự không có.)

(V) — Không giống hình cây cối. (xem chữ dendrite và neurone).

adenectomie. (adenotomy)

(ở chữ *adén*, hạch ; và chữ *ektomê*, nghĩa là cắt đi, vứt đi.)

(T) — Tuyến thiết trừ thuật. (*thiết trừ* cắt bỏ.)

(N) — Tuyến trích xuất. (*trích*, rút ra — Tuyến thích xuất. (*thích*, lột.)

(V) — Thuật nạo thịt thừa của hạch đầu họng. (amygdales.) ;

adénectopie. (adenectopia)

(N) — Tuyến di chuyển.

(V) — Hạch rời chỗ, — Hạch ở không phải chỗ.

adenemphraxis. (adénemphraxie, obstructio glandularum.)

(ở chữ *emphraxis*, nghĩa là tắc, bí, nghẽn)

(T) — Tuyến ngạnh trở. (*ngạnh*, khó khăn ; *trở*, ngăn lại.)

(N) — Tuyến bế tắc,

(V) — Chứng ống hạch bị tắc.

adénie. (adenia, lymphadénie de Bonfils — lymphadénie aleucémique à forme ganglionnaire.)

(T) — Lâm ba tuyến tăng sinh bệnh. — Giả bạch huyết bệnh (*Lâm ba*, phiên âm theo âm Trung-hoa của chữ lymphe ; xem chữ lymphe.)

(N) — Phiên âm ;

— Lâm ba tuyến chủng.

— Giả tính bạch huyết bệnh. (Pseudoleucémie.)

(V) — Bệnh a-đê-ni. (Tất cả các bệnh do sự bành trướng của loại tế bào lanh phô it (tissu lymphoïde) trong các hạch gây ra.)

adénie éosinophilique prurigène. xem chữ lymphogranulomatose maligne.

(Còn nữa)

thuyền trăng

Xuôi mái trường giang một chuyến chơi
Bốn ba mấy thuở chán chê rồi!
Qua bao nhiêu bến không hò hẹn
Thuyền trở về đây, trăng nước ơi!

★

Sóng rợn lăn tăn lấp lánh vàng,
Trời khuya thăm thẳm, gió miền man
Nước cau mặt trách thuyền xa vắng,
Thuyền hướng đường trăng lướt nhẹ nhàng.

★

Vàng rung lòng thuyền, thuyền thấy không?
Vàng hôn trên mái tóc phiêu bồng
Hồn thơ giào giạt, mơ hay tỉnh?
Trăng ngự đỉnh trời, trăng đáy sông.

★

Ơi hỡi! nào đâu giấc mộng xưa?
Cho ta xin một chút âm thừa,
Cho ta nhận lại vài dư ảnh
Kẻo nhạt màu trăng, kẻo tội thơ!

★

Lau lách đôi bờ ngủ dưới trăng,
Trời sâu lạc lõng mảnh sao băng
Tình ai thổn thức trong câu hát
Đây phải Tầm dương bến cũ chăng?

★

Gió dậy, từng cơn sóng đuổi nhau
(Sóng ơi! nhè nhẹ kẻo thuyền đau!)
Đã nhiều rách nát vì giông tố,
Xin một đêm quên kiếp dãi dầu.

★

Ta nhập trường giang, khoác áo thơ
Mang mang phong nguyệt lặng sầu mơ.
Còn đây: một trái tim đơn chiếc,
Một lá thuyền chưa cập bến bờ.

★

Lòng hỡi, buồn chi chuyện lứa đôi?
Ngày mai trở gót, gió lên rồi!
Một đêm trên sóng, hoài nguyên thủy,
Trăng vẫn vời thơ, nước vẫn trôi...

TƯỜNG-LINH

CUỘC ĐỜI ÔI TUYỆT ĐẸP

Gửi những người đang sống cô đơn
H. L.

Cuộc đời ôi tuyệt đẹp
Có phải thế không em...?
Nắng nhảy múa trên thềm
Những người đi qua cửa
Đời không cô đơn nữa
Những bàn tay trong tay
Và câu chuyện tin yêu
Đầu mắt đến cuối mày...

Cuộc đời ôi tuyệt đẹp
Có phải thế không em...?
Hoa nở ngập bên thềm
Gió trong tà áo mới
Tình thương yêu vạn đợi
Ràng buộc bước chân nhau
Những nhịp đi âu tình
Hò hẹn chuyện trầu cau...

Cuộc đời ôi tuyệt đẹp
Có phải thế không em
Bướm phất phới bên thềm
Múa vui ngày tươi thắm
Những làn môi say đắm
Mấp máy ý tin yêu
Suối tóc chảy rung rung
Sao tha thướt diễm kiều...

Cuộc đời ôi tuyệt đẹp
Có phải thế không em
Tiếng ai hát bên thềm
Ca cuộc đời bừng dậy
Những người đi tin cậy
Trong nắng đẹp lòng tươi
Vai quấn quít bên nhau
Môi rạng rỡ nụ cười...

Cuộc đời ôi tuyệt đẹp
Có phải thế không em..?
Tình thương chảy bên thềm
Người người say trong mộng
Hòa hợp những đôi tim
Cuộc đời ôi tuyệt đẹp
Mơ ngày mai êm đềm...

HUY-LỰC

Người khóc thầm ban đêm

LAN-ĐÌNH

SÂN khấu được dàn cảnh đầy đủ theo nhu cầu của vở kịch. Bấy giờ là lúc rạng đông, chân trời gợn lên mấy đợt mây đào hưng hửng. Một vùng đồi núi lô nhô. Con đường mòn bò quanh co qua cánh đồng thung lũng xanh rờn. Đàng xa là một dòng sông bàng bạc. Bên kia sông còn dấy núi đất trông rất mờ như một vệt mây khói. Khung cảnh này vừa đủ những hình sắc gợi ra niềm hoang mang và phấp phỏng. Mấy đợt mây đỏ lừ ở chân trời buổi sớm là cái điềm báo trước những ngày khói lửa, cũng như mây thành tím lịm ở chân trời buổi chiều thường gây cho người cái tâm trạng lo âu vì cứ phải nghĩ đến một thuở nào chinh chiến. Đồi núi chập chùng là cái nghĩa sống gieo neo và khuất nẻo. Cánh đồng thung lũng không có bóng người biểu lộ sự bất thường, sự xáo trộn của một dòng đời đang bình thản. Con đường mòn quanh co thì buồn hun hút như chuyến đi bịn rịn. Dòng sông bàng bạc ở đàng xa là ranh giới chia ly. Dấy núi lam mờ nhạt ở bên kia sông buồn rưng rưng như tâm trạng của người về đứng trông theo người đi. Có tiếng nhạc buồn văng vẳng.

Như thế để bắt đầu màn thứ nhất. Giữa khung cảnh tịch liêu ấy, một người lữ hành hăm hở đi ra, rất trẻ vì nét mặt trắng trẻo và búi tóc còn xanh. Người lữ hành — có thể là một anh khóa, có thể là một gã thư sinh — đeo bên vai một bọc hành lý — có thể là gọn ghẽ, có thể là nghèo nàn — gói kín trong khăn vuông, mặc áo dài thâm bạc, quần dài nâu và đi đất. Gã dừng lại trong khoảnh khắc để nhìn bao quát một vùng trời đất rồi đi vội. Gã đi gần khuất thì đàng sau có tiếng ai trong trẻo nhưng thổn thức gọi theo. Gã dừng lại bên đường, nét mặt khổ sở. Một người thiếu phụ ôm con, tất tả chạy ra. Nàng còn trẻ lắm, độ chừng trên dưới hai mươi tuổi, có vẻ là con nhà quý phái vì đôi gò má hồng mịn và đôi bàn tay nhỏ nhắn trắng ngần. Nhưng nàng cũng lại có vẻ là một người lấy phải chồng nghèo, vì cái khăn vuông chít vội vàng trên mái tóc lòa xòa có ít nhiều sợi vương bên má, và tấm áo tứ thân vá vai thất vạt

ra sau lưng, quần đen, đáng lẽ dài lắm nhưng không thả chùng, và đi chân không. Người vợ ôm con, tất tưởi đi lên. Người chồng níu chặt bọc hành lý, do dự trở lại. Hai vợ chồng gặp nhau ở giữa đường. Vợ trao con cho chồng bế. Chồng xót sa. Vợ khóc lóc, Họ dặn dò nhau rất lâu. Bỗng ở nơi nào vọng lại tiếng nhiều người reo hò. Người chồng lật đật trao lại con cho vợ, nói như thét bàng hoàng : « Về đi em ! » rồi hấp tấp quay đi, lúc gần khuất bóng còn ngoảnh lại. Người vợ kinh hoàng chạy theo mấy bước, rồi đứng sững lại, ghì con vào ngực, nức nở. Như thế rất lâu. Có lẽ người chồng đã đi xa lắm. Người vợ ôm con, trèo lên mỏm đá cao để nhìn cho rõ bóng người đi. Có tiếng nhạc buồn day dứt.

Màn thứ hai vẫn còn nguyên vẹn khung cảnh cũ nhưng vào một buổi hoàng hôn, quê hương lặng lờ trong dáng úa. Người vợ ôm con, đứng nghiêng mình trên mỏm đá, âu sầu và chết lặng nhưng vẫn còn dáng điệu trông chờ xa lắc. (Ở đây, người nữ kịch sĩ đã được khán giả thán phục cái thế đứng kiên nhẫn phi thường của nàng). Bóng hai mẹ con in hình lên tấm phông sầu thảm như một dáng mây dị thường in trên nền trời lúc gần tối. Như thế rất lâu. Khi thời gian chờ đợi ở sân khấu vừa đủ là năm tháng mòn mỏi ở ngoài đời, thì bỗng ở nơi nào lại có tiếng nhiều người reo hò và tiếng vó ngựa đang gần dần lại. Người chinh phụ trở về là một tướng quân, khăn xanh, áo vàng rực rỡ, đeo kiếm bạc, đi hia tím. Người chinh phu đang vui lên nét mặt đắc thắng, thì chợt trông thấy vợ hiền và con thơ trên mỏm đá chèo leo. Chàng đi lên. Vợ con chàng đã thành tượng đá mất rồi ! Chàng ngã gục xuống, khóc thành tiếng. Nhưng trong những lời than thở không có ý buồn tiêu diệt.

Hoành đang ngồi im lặng, hơi ngả người về đàng trước, hai khuỷu tay tì lên tay ghế, đôi mắt nhìn chăm chú và sân khấu. Đạm nghiêng người qua, huých nhẹ vào cánh tay Hoành, và nói thầm :

— Về !

Hoành quay lại, bỡ ngỡ. Đèn sân khấu vừa đổi sang màu vàng úa làm mặt Hoành xanh nhợt như nhoè đi. Đạm chỉ còn nhìn rõ đôi mắt bạn đang mở to. Anh nhắc lại :

— Về !

Hoành có vẻ phân vân vì Đạm rủ anh về vào lúc đêm vui chưa bế mạc. Anh định hỏi lại. Nhưng Đạm đã nhẹ nhàng đứng lên, đi nghiêng người ra khỏi hàng ghế. Hoành vội vàng bước theo. Hai người đi nối nhau trong ánh sáng nhoà nhạt, giữa hai hàng ghế, người ta ngồi sát cánh như những tín đồ đang nghe giảng đạo. Đạm dừng lại, chân trên, chân dưới giữa những bậc thềm hí viện, nhìn lên Hoành vừa đứng sững lại trên hiên :

— Về bây giờ là phải. Chương trình chỉ còn mấy màn ca, vũ và vở hài kịch.

Hai người khoác tay nhau đi ra con đường gạch. Đèn phố đỏ quạch như da mặt người say rượu. Đêm đã về khuya. Mấy cô gái bán thuốc lá còn ngồi nán lại, im lặng như đang nghĩ ngợi điều gì. Nén hương gài bên cạnh cái ngăn gỗ, chấm lửa đỏ lừ như tia mắt oán thù. Một vài sợi khói mong manh bay vương vất qua khuôn mặt chán chường của người con gái nghèo vốn. Tự nhiên Đạm liên tưởng đến những cô đồng ngồi

thành hàng trước một ngôi đền. Chú Tầu bán nước mía, đầu chọc bóng, mặc cái áo thung chật quá, ngồi kênh chiếc ghế đầu, dựa lưng vào tường, lơ đãng nhìn thỏi nước đá để trên cái bào đang giỏ giọt xuống cái thau vuông sơn trắng. Hai người đã ra tới đường nhựa. Mặt đường ướt nhẫy, in bóng chuỗi đèn dây nhoè ra hai bên, như một cái áo giáp đính khuy đồng. Hoành bỡ ngỡ :

— Mưa bao giờ thế nhỉ ?

Đạm không trả lời, chỉ lẳng lặng kéo Hoành đi quặt về phía tay phải. Những nhà hàng phố đã ngủ im. Có tiếng máy hát rất khẽ — hình như nút điều chỉnh đã trở về nấc phát âm nhỏ nhất — vẳng ra tiếng hát của cô đào Mỹ quen thuộc có cái giọng khò khè rất quyến rũ. Đạm mỉm cười :

— Hoành có đoán được người đang nghe đĩa hát là con trai hay con gái không ?

Hoành nhìn sang Đạm, trả lời rất quan trọng :

— Con trai.

Đạm khẽ gật đầu. Đạm nhìn sang dẫy phố bên kia. Một người hành khất đang ngủ trong một góc hiên, nằm ngửa, chân co, chân ruỗi, gối đầu lên bọc quần áo gói bằng giấy báo, hai bàn tay đặt hờ trên ngực, cái mũ phớt rách úp trên mặt. Đạm chợt nhớ Hoành có cái tật đi chữ bát bằng những bước thất thểu như chỉ đi bằng hai gót chân, nên tiếng giầy của Hoành vang động quá. Anh kéo Hoành xuống luống cỏ trồng cây :

— Đi khe khẽ chứ, kẻo mất giấc người ta.

Hoành mỉm cười ngượng ngịu. Hai người lại đi đều đều dưới bóng lá. Đạm liếc nhanh sang Hoành. Đôi mắt Hoành bao giờ cũng mở to và thơ dại như mắt đứa trẻ hay nhát sợ. Đạm chợt nhớ vừa rồi ở trong rạp hát, lúc ban kịch trình diễn điệu múa Lào, Hoành đã ngồi ngây ra, nét mặt tần ngần, đôi mắt mở to hơn bao giờ hết và nhìn rất xao xuyến về phía Hạnh, vai chính của màn vũ. Bấy giờ, Hoành có vẻ là một cậu bé đang nhìn thèm muốn lên bình kẹo để trên cao. Nét nhìn đặc biệt ấy đã biểu lộ được phần nào cái tính nhút nhát của Hoành, khát vọng mà không bao giờ dám tiến tới. Đạm nghĩ đến một vài khúc mắc của đời Hoành. Hoành sống cô đơn, có gia đình nhưng xa cách. Hoành cũng đã trải qua một tình đầu ân hận, người yêu của anh buộc lòng phải đi lấy chồng khác. Hoành đã sống với kỷ niệm hàng bốn, năm năm rồi, và có thái độ gần như an phận, vì nghĩ rằng làm gì còn có người con gái nào tin cậy được. Nhiều khi Hoành lại còn tỏ ra hài lòng cảnh đơn chiếc của mình vì tự hào là đã biết tôn trọng mối tình thiêng liêng cũ. Đạm thì không nghĩ thế. Anh biết chắc rằng, suốt bốn, năm năm, Hoành cứ phải đi, về âm thầm ở một căn nhà lá ngoại ô, thì thế nào Hoành cũng từng cảm thấy buồn tủi và ao ước một sự an ủi. Niềm ao ước ấy đã biểu lộ trong tia nhìn thèm muốn của Hoành. Nhưng Hoành còn nhát sợ và câu nệ. Nên Hoành chỉ đành bám víu lấy kỷ niệm để được hài lòng, cái hài lòng rất gắng gượng. Hoành đã tỏ ra hài lòng chứ không phải muốn hài lòng. Đạm chợt thấy thương xót

Hoành xiết kể. Đạm biết rằng Hoành đã để ý đến Hạnh, từ khi Đạm rủ Hoành đến chơi nhà Hạnh. Hoành đã từng khen Hạnh duyên dáng, như cái thói quen ngồi trên giường cao mà đánh thông hai chân, như cái cử chỉ rất ngây thơ : chỉ một ngón tay trước mặt khi nói chuyện như giao hẹn. Hoành cứ nhắc đến Hạnh luôn với Đạm. Đạm biết rằng Hoành đã muốn yêu mà chưa dám yêu.

Hai người đã ra tới con đường đất đi về phía một quả đồi trọc. Con đường xuyên qua cánh đồng cỏ vắng teo. Hoành chợt nhìn thấy bóng hai người mờ mờ trên đường, buột miệng :

— Sáng trăng à ?

Đạm giữ Hoành đứng lại. Hai người cùng ngửng nhìn. Trăng ở giữa trời khuyết mỏng như một chiếc lá, ánh sáng chả bao nhiêu, nhưng nhiều sao và mây tạnh. Sao chi chít trên đỉnh đồi như một nấm mộ thấp nến. Vào mùa mưa nên đêm nào cũng có tiếng côn trùng và ếch nhái kêu ran ri. Đạm dìu Hoành đi tiếp, nói như khuyến khích :

— Hoành ạ, có một người yêu thì cuộc đời không những ấm áp mà còn phấn khởi.

Hoành cúi nhìn xuống đất, trả lời như giấu tiếng thở dài :

— Tôi cũng biết thế.

Đạm nghĩ rằng, đã đến lúc Hoành thú nhận một sự thật giấu kín trong lòng với anh. Nhưng Đạm không nói gì. Hai người dắt nhau đi rạp mình trên sườn đồi. Trông họ như hai con bướm trắng đang bay chập chờn trên bờ cỏ. Càng lên đỉnh đồi, càng nhiều gió. Dáng hai người hiện rõ dần dần trên nền trời. Đạm ngồi bệt xuống cỏ. Hoành đứng khoanh tay, nhìn một lượt chung quanh dưới chân đồi ; đôi mắt anh long lanh và thẫn thờ như nét nhìn của người vọng phu. Đạm để mặc Hoành đứng vơ vẩn. Anh nhìn xuống khu phố ở đằng xa, những chòm cây và mái nhà thiêm thiếp trong ánh đèn. Anh chợt nghĩ đến vở kịch vừa rồi, màn kết, viên dũng tướng khóc phục xuống vì cuộc tình đau khổ. Anh so sánh tâm trạng của viên dũng tướng với tâm trạng của Hoành, mà càng thêm ngờ vực sự hài lòng của Hoành. Đạm quay lại, gọi khẽ :

— Hoành ơi, ngồi xuống đây.

Hoành chống hay tai vào đầu gối, ngồi xuống, duỗi hai chân trên bờ cỏ dốc. Đạm hỏi bất chợt :

— Dạo trước, lâu lắm rồi, cậu có xem phim « Madame Bovary » chưa ?

Hoành lại lắt đầu bỡ ngỡ :

— Chưa. Thế nào ?

Đạm chống hai khuỷu tay trên đầu gối, hai bàn tay đỡ má, nhìn đăm đăm xuống chân đồi :

— Một người đàn bà quên chồng, con, đi theo tình nhân. Đêm đêm, ông chồng, là một viên thầy thuốc, phải đích thân cho con ăn, uống. Đoạn kết, người chồng khốn nạn ấy ôm con, dừng ngựa ở giữa một ngã ba đường rừng ; có cái tấm biển chỉ đường làm sơ sài bằng một khúc cây quăn queo, mảnh gỗ méo mó in những hàng chữ nguệch ngoạc.

Hoành thở dài :

— Hay nhỉ ?

Đạm lơ đãng :

— Cái ngã ba đường rừng có thể là một sự tuyệt vọng.

Hoành vẫn chăm chú nghe. Đạm tiếp :

— Hai trường hợp của hai người chồng — trong phim Madame Bovary và vở kịch Hòn Vọng-Phu — tuy giống nhau ở chỗ cùng đau đớn lắm, nhưng một đàng chỉ có dĩ vãng, còn một đàng có cả tương lai ; như một đứa trẻ mồ côi khóc trên nghĩa địa với một đứa trẻ diễm phúc khóc trong lòng mẹ. Viên thầy thuốc có thể sẽ chạy trốn đàn bà. Nhưng người tướng quân thì... trái lại.

Đạm nhìn vào mắt Hoành :

— Hoành có bị tình phụ không? Hoành có quyền ngờ vực không ?

Hoành cúi gầm mặt giữa hai đầu gối, một bàn tay bứt bâng quơ những ngọn cỏ. Đạm tiếp :

— Đừng nên câu nệ, ép buộc tình cảm vào một giới hạn vô lý.

Hoành vẫn ngồi im. Đạm hỏi như dỗ dành :

— Tôi giới thiệu Hoành với Hạnh nhé ?

Hoành ngửng lên, nói phào như một hơi thở :

— Tôi chỉ xin được làm anh Hạnh.

Đạm mỉm cười :

— Ừ, thế nào cũng được, tùy ý cậu và Hạnh với nhau, sau này.

Chợt từ phía rạp hát vọng lại tiếng nhạc kèn tạm biệt. Đạm đứng nhanh dậy :

— Chúng mình về đón Hạnh.

Hai người theo nhau chạy nhanh xuống đồi. Hoành được đà, cứ chạy mãi trên đường vào phố. Đạm bật cười :

— Đi đâu mà vội thế ?

Hoành dừng lại, bỡ ngỡ, cái bỡ ngỡ cố hữu, bất cứ lúc nào, của Hoành. Đôi bạn vào tới đầu phố thì vừa gặp những người ở rạp hát ra về lũ lượt. Họ vừa đi vừa bàn tán về đêm kịch. Những chấm lửa thuốc lá lập lòe. Mùi nước hoa sực nức. Hương tóc những người con gái thoảng ra ngây ngây. Đạm nói khẽ :

— Đắt khách đấy chứ ?

Hoành còn nhìn một lượt vào đám đông, như để ước lượng, rồi mới nói :

— Ừ. Hình như, những đêm sau, Hạnh còn theo hiệu đoàn đi trình diễn nơi khác ?

Đạm lôi Hoành quặt sang con đường gạch đi vào rạp :

— Còn hình như gì nữa ?

— Công phu nhỉ ?

— Chuyện ! Nghĩa cử mà lỵ ! Họ bán vé để gây quỹ giúp học sinh nghèo. Cậu chưa biết à ?

Hoành không nói gì. Đôi bạn dừng lại trước cửa ra vào rạp. Hơi người còn đọng lại, thoảng ra nóng hổi, và hình như có thể trông rõ. Mấy cái quạt trần gần hết đà quay lừ đừ. Đạm nghĩ đến những bước đi xiêu vẹo của một gã say sắp ngã xuống. Những hàng ghế vắng teo, buồn nản như những ô kéo bụi bặm của ngôi hàng sén nghèo nàn. Giấy vụn rải rác trên nền gạch. Màn sân khấu mở ra một nửa, hai sợi dây thừng thả chùng xuống. Ánh đèn sáng trắng. Bộ bàn ghế của vở hài kịch còn tại chỗ, quần áo vắt ngổn ngang, mấy cái bao đàn lòng thòng ở cạnh bàn. Những tiếng động rất mơ hồ và rời rạc từ hậu trường vọng ra. Người nhạc sĩ đang âm thầm đặt cái vĩ cầm vào hộp, khóa lại. Sân khấu đã mất đi những bận rộn, nô nức trước khi khai mạc, chỉ còn lại không khí mệt mỏi và ê chề.

Hạnh ló đầu ra ở một chái cửa, trông thấy Đạm đang chờ ngoài hiên rạp ; nàng xách cái túi vải, chạy nhanh xuống. Sau Hạnh, Thu, Ánh và Ngà cùng chạy ra. Những tà áo sặc sỡ bay toé lên trong ánh đèn, và những tiếng cười líu lo, ròn rã. Đạm nói thầm với Hoành :

— Họ đang tái diễn một màn vũ, dành riêng cho hai ta xem ! Hạnh đến nơi trước, dừng phắt lại, chạm mạnh hai gót dép vào nhau, một tay xách cái túi buông giựt xuống, một tay giơ lên chào theo kiểu nhà binh ; rồi cười giòn giã và xoay người đi một vòng làm tà áo và cái túi quay tròn. Các bạn Hạnh bị nghẽn lối, đứng dồn cục lại. Ánh vênh váo :

— Chả biết đơ !

Đạm biết rằng họ lại sắp cãi nhau, nên vội vàng can gián :

— Anh phục các em đấy, chẳng biết một tí nào.

Thu chen lên trước :

— Hay không anh ?

Ánh có tính hay gây sự, lại chèn thế :

— Cái gì hay mấy được chứ ?

Hạnh lườm Ánh :

— Kịch chứ còn cái gì !

Đạm xua tay :

— Thôi thôi ! Anh xin các em ! Hay lắm ! Hay chết người đi được !

Các cô gái cười ồ lên. Đạm chợt nhìn thấy Hạnh còn nguyên son phấn. Anh mỉm cười. Hạnh xoa một tay vào má rồi xoè ra, ngắm nghía :

— Kệ « nó ». Có mỗi thau nước mà bao nhiêu người rửa. Em chịu thôi.

Đạm quay sang chỗ Hoành, nhưng Hoành đã ra đứng ở đầu thềm, và đang nhìn vơ vẩn xuống phố, tự bao giờ. Đạm gọi :

— Hoành ơi, lại đây.

Hoành ngượng nghịu đi lại. Đạm hỏi :

— Các em có nhớ ai đây không ?

Các cô gái nhìn Hoành rất nhanh rồi lắc đầu. Hạnh trả lời lưỡng lự :

— Anh... gì, đã đi với anh đến nhà em.

Đạm gật đầu :

— Đúng đấy anh Hoành.

Hoành bối rối gật đầu chào. Các cô gái khép nép chào lại. Đạm đi lên trước :

— Thôi, chúng ta về.

Ánh giàng tay Đạm :

— Anh phải đưa em về cơ !

— Em nữa !

Đạm cười hóm hỉnh :

— Kể ra... cũng hơi tốn sức lao động đấy nhé !

Các cô gái cười khúc khích. Hạnh víu nhẹ vào tay Đạm, đi bên anh :

— Chúng nó phá anh đấy. Đêm nay cả bọn ngủ ở nhà em cơ mà.

Đạm nhìn Hoành đang đi lảng ra xa, nói to :

— Thế thì tiện quá, Hoành nhỉ ?

Hoành quay sang, và lại mỉm cười bỡ ngỡ. Đạm chợt nhớ, từ nẫy, Ngà vẫn đi riêng rẽ và chưa nói gì. Ngà cũng có thái độ an phận như Hoành, vì Ngà biết mình không được đẹp bằng các bạn. Ngà rất mến Đạm nhưng không dám nũng nịu, vì nghĩ rằng chả bao giờ Đạm lại chiu nàng. Đạm gọi :

— Ngà ! Đi vào đây, em !

Ngà còn lưỡng lự. Đạm quay lại, giang hai tay, vơ mấy cô gái đi gọn vào nhau, ngắm nghía và nói :

— Thế có phải đẹp không nào ?

Hoành đứng trên hè phố, chắp tay ra sau lưng, im lặng. Thu băn khoăn :

— Ai đẹp cơ, anh ?

Đạm đi tiếp :

— Tất cả.

Hạnh víu một tay vào vai Đạm, nhảy lên :

— Anh nói dối. Ánh đẹp nhất :

Đạm quay sang Ánh. Ánh vừa cười kiêu hãnh. Anh liếc nhanh Ngà. Ngà cúi xuống, chớp mắt bối rối. Hoành thì đang nhìn xao xuyến như ao ước cái địa vị của Đạm. Đạm phác một cử chỉ :

— Hoành, đi cả vào đây. Còn các em, trật tự, anh kể chuyện « đẹp » cho mà nghe.

Mọi người im lặng như chờ đợi. Đạm giao hẹn :

— Không ai được hỏi ngang nhé ?

Các cô gái cùng nhao nhao lên :

— Vâng ạ.

Đạm làm ra quan trọng :

— Thế nào là đẹp ? Chả có cái gì đẹp tuyệt đối ở đời cả. Nói riêng về nhan sắc

của người con gái, thì người ta chỉ lấy cái duyên làm đẹp. Anh hỏi các em chứ... Nguyệt-Nga trong Lục-vân-Tiên, Thúy-Kiều của cụ Nguyễn-Du, và những Chiêu-Quân, Tây-Thi, Đắc-Kỷ là đẹp nhất phải không ? Nhưng mà, tiếc rằng, đấy chỉ là những người đẹp trong tiểu thuyết, chả làm gì có ở ngoài đời. Mỗi người, trong chúng ta, đều có thể mường tượng ra Thúy-Kiều đẹp theo ý niệm của mình. Ý niệm thì tuyệt đối rồi. Nhưng thực tế ? Anh ví dụ, bây giờ, cho Ánh chẳng hạn, thủ vai Tây-Thi, thì sẽ thế nào ? Người ta sẽ... ồ lên những tiếng... thất vọng, mà bảo rằng : Thì ra... Tây-Thi chỉ đẹp như vậy thôi ư ?

Đạm ngừng lại, và tiếp bằng giọng kéo dài :

— Đấ... y, các em xem, cái đẹp thực tế có bao giờ thỏa mãn được lòng người ? Anh sợ rằng, người ta đã hiểu nhầm nghĩa chữ duyên là nghĩa chữ đẹp. Thì không ai có quyền tủi thân rằng mình xấu, cũng không ai có quyền hãnh diện là mình đẹp.

Đạm cười thầm, nhìn một lượt các cô gái. Họ đang chớp mắt, nghĩ ngợi. Đạm thấy thỉnh thích và cái lý luận quanh co của mình đã có kết quả, làm Ánh bớt kiêu kỳ, và Ngà được phấn khởi. Anh tiếp :

— Phải không các em ?

Các cô gái chợt nhớ, vỗ tay tán thưởng. Đạm vội vàng ra dấu cho họ thôi :

— Chết, để cho hàng phố người ta ngủ.

Tự nhiên Hoành bật cười. Các cô gái quay nhìn anh, lạ lắm. Đạm để một lúc lâu rồi mới kết luận :

— Chủ nhật này, anh sẽ xuống dưới nhà, thăm ba, má và Ngà.

Bây giờ Ngà mới lên tiếng :

— Thật nhé, anh nhé ?

Đạm gật đầu cả quyết :

— Thật.

Họ đi vòng sang con đường đỏ sau đồi. Trăng về khuya sáng lồng lộng. Qua nhiều xóm lá và vườn cây, tới một ngôi biệt thự cổ. Cổng xây thấp. Trên mái cổng có dây leo nở hoa vàng chi chít. Cánh cổng sơn xanh. Đường vào nhà trải sỏi trắng ngần, len lỏi giữa hai hàng cau thẳng tắp, vút cao ; và ẩn hiện dưới bóng rợp của giàn nho, mùi quả chín thơm ngào ngạt.

Hạnh đi vào trước, gõ cửa. Đèn trong nhà bật sáng, chiếu qua những khe cửa. Có tiếng dép lệt xệt. Cụ Hai ló mái tóc bạc phơ ra, nhìn lần lượt về hai phía. Đạm đánh tiếng :

— Lạy bác ạ !

Cụ Hai nhận ra tiếng Đạm, cười hoan hỉ : Cả bọn lục tục vào nhà. Cụ Hai nói gì với Đạm, rồi trở vào buồng ngủ. Đạm chìa tay ra hiệu cho Hoành ngồi xuống trường kỷ. Hoành ngồi im lặng, nhìn lơ đãng từ những pho tượng đồng bầy trên bàn, đến những bức hoành phi và câu đối khảm xà.

— Nghĩ gì thế ?

Hoành gật gù :

— Lâu lắm rồi, tôi mới được nhìn lại những thứ này.

Đạm mỉm cười, quay lại phía Thu, Ánh và Ngà đang mắc áo dài vào con bướm đóng trên cột. Anh gọi khẽ :

— Các em ra nói chuyện với anh Hoành hộ anh đi. Anh bận cái này một chút.

Đạm đi về sân sau. Hạnh đang lúi húi rửa mặt bên chum nước dưới tàn lá tối. Đạm rón rén tới gần. Hạnh nghe tiếng động, ngửng lên, cười hồn nhiên. Đạm gặp Hạnh giữa chỗ vắng vẻ thế này, nhưng cụ Hai và những người khác không nghi kỵ. Bởi vì, đã mấy năm rồi, Đạm vẫn được cụ Hai tín nhiệm như người trong nhà. Dạo trước, cụ Hai chưa hồi hưu, với Đạm là chỗ bạn đồng nghiệp. Hai người tuy có cách biệt nhau về tuổi tác, nhưng tính tình rất ăn ý. Cụ Hai góa vợ từ ngày còn trẻ, ở vậy, có mỗi Hạnh là con gái ; nên cụ rất thích được Đạm lui, tới luôn luôn để không khí gia đình thêm ấm áp. Vào những ngày nghỉ, cụ Hai và Đạm thường ngồi đàm đạo hết cả buổi sáng. Câu chuyện thế nào cũng lan man đến đủ vấn đề : chính trị, văn hóa, thi, phú, hội họa. Chuyện nào, Đạm cũng hiểu biết ít nhiều, đối, đáp trôi chảy ; nên cụ Hai lại càng quý mến anh hơn. Riêng Hạnh, nàng cũng kính nể Đạm như một người anh. Đạm có thể ra vào ngôi nhà này bất cứ lúc nào. Có thể nói, anh còn có đôi chút quyền hành ở đây : trách mắng được Hạnh, thêm, bớt ý kiến về mọi việc trong nhà. Uy tín của cụ Hai, tư cách của Đạm, và đức tính của Hạnh đã khiến những người hàng xóm không thế nào xoi mói được.

Đạm khoanh tay trước ngực, cúi nhìn Hạnh :

— Hạnh ạ, có một người muốn làm quen với em.

Hạnh ngừng chiếc khăn mặt trên môi :

Có phải anh Hoành không ạ ?

Đạm mỉm cười âu yếm và gật đầu. Hạnh khoắng nhẹ chiếc khăn mặt vào thau nước như đang phân vân. Đạm tiếp :

— Anh Hoành cũng như anh.

Hạnh chỉ lẳng lặng rót dần thau nước xuống lòng mương. Đạm múc thêm mấy gáo nước cho Hạnh. Tự nhiên Hạnh bật cười một mình. Đạm biết, nhưng vờ không nghe tiếng, chậm rãi quay vào. Hạnh nhìn theo Đạm, lúc Đạm sắp bước lên hiên, nàng gọi khẽ :

— Anh !

Đạm dừng lại, khẽ hất đầu. Hạnh vẫy bàn tay trắng muốt trong bóng tối. Đạm trở lại. Hạnh nghiêng đầu, chỉ một ngón tay cong veo ngang mặt :

— Em chỉ coi anh Hoành như một người anh thôi đấy, nhé ?

Đạm bật cười :

— Ừ, anh Hoành cũng chỉ định có thế.

Đạm dắt Hạnh trở vào nhà. Hoành đang nói gì trong nụ cười với Thu, Ánh và Ngà. Đạm nói :

— Khuya rồi đấy, các em đi ngủ đi.

Thu, Ánh và Ngà cùng mắc màn và giải chiếu ra sập. Đạm đứng vào giữa Hoành và Hạnh :

— Hai anh em nói gì với nhau đi, tôi xem nào ?

Hạnh cười thẹn, nấp về sau lưng Đạm. Hoành bối rối đứng dậy, nói như bàng hoàng :

— Cảm ơn cô.

Đạm quay lại với Hạnh :

— Các anh về, Hạnh nhé !

Hạnh tiễn chân hai người ra cửa. Nàng đứng trong nhà, nhìn ra, hai cánh cửa áp hai bên má. Đạm đứng lại trước cổng, phất tay một cái. Hạnh từ từ khép cửa lại. Đạm vịn một tay lên vai Hoành :

— Cậu về một mình nhé ? để được tự do suy nghĩ ở dọc đường.

Hoành khẽ gật đầu. Đạm tiếp :

— Lần sau có lên chơi thì cầm cho Hạnh mượn mấy quyển sách nó hỏi tôi, nhưng không có.

Hạnh lại khẽ gật đầu. Đạm bắt tay Hoành :

— Và nhớ viết thêm ít chữ.

Hoành để nguyên tay mình trong tay bạn, và lại nhìn bỡ ngỡ. Đạm nói như căn dặn :

— Đại khái rằng : em Hạnh, anh Đạm đã nói về anh với em rồi. Anh chả còn gì nói với em nữa. Anh chỉ ao ước, em sẽ tin anh, để chúng ta được tự nhiên như người trong gia đình... Thế, nhé ?

Hoành lại khẽ gặt đầu. Đạm rời tay Hoành :

— Thôi. Mỗi đứa một ngả.

Hoành quay đi. Bóng lá chờn vờn trên lưng áo trắng của anh. Đạm đứng nhìn theo, ngẫm lại cái tướng đi chữ bát rất thất thểu của Hoành, cái tướng đi của những người vất vả. Bất giác, Đạm khẽ thở dài.

Hoành đang đi về phía một góc trời có mấy vì sao xanh biếc long lanh. Đạm chợt nghĩ đến mấy câu thơ, của một thi sĩ Pháp, mô tả người sứ giả đi trong hoàng hôn, trên đường thiên lý, mà chân trời chỉ còn thoi thóp một ánh sao hôm và mấy dợt mây chiều. Đạm biết rằng đêm nay về, Hoành sẽ khóc, vì sung sướng, cảm động. Đạm liên tưởng đến đoạn cuối một cuốn phim : Người cha bị xã hội ruồng bỏ, đêm đêm đứng nấp trong bóng lá ở góc vườn, nhìn vào khung cửa sổ ánh đèn ấm cúng, để được thấy lại cái cảnh yêu thương giữa con gái mình với người chồng xứng đáng, rồi lại ra đi. Đạm chợt thấy hoang mang vui buồn lẫn lộn. Anh cũng rưng rưng muốn khóc.

Trung Thu 58

LAN-ĐÌNH

ĐÍNH CHÁNH

— Trong Bách - Khoa số 53 *(ngày 15-3-59)* trong bài « **Phê bình Biểu nhất lãm văn học cận đại** » của **Nguyễn-Văn-Xuân**, trang 63 cột 2 dòng 15 :

Như về Hoàng-Cao-Khải sinh 1850, về hưu 1902 tức là về hưu 52 tuổi. Ông đã nhầm con số 1902 sang 1920 nên đã tính ra 30 tuổi.

Xin đọc : Như về Hoàng-Cao-Khải, sinh 1850, về hưu 1902, chết 1933. Ông đã tính nhầm vì lấy số 1933 trừ 1902 nên đã bảo họ Hoàng « cáo quan về hưu đang giữa cái tuổi 30 ».

DỊCH LIÊU TRAI

HAI ANH EM HỌ THƯƠNG

KIỀU-YIÊU dịch

Ở huyện Cử, thuộc tỉnh Sơn-đông, có hai người họ Thương, anh giàu mà em thì nghèo, nhà ở liền hàng rào với nhau.

Đời vua Khang-Hi (trị từ 1662 đến 1723) một năm kia mất mùa dữ quá, người em không tài nào kiếm đủ ăn ngày hai bữa sớm chiều. Một hôm trời đã trưa vẫn chưa đun bếp, mang bụng lép chạy tất tả ngược xuôi, mà rốt cuộc cũng chẳng xơ múi gì. Vợ bảo đi nói cho anh hay, Thương đáp : « Vô ích. Nếu anh ấy thương mình nghèo khó, thì chắc đã có cách xử tuí tình cảnh này từ lâu rồi »,

Vợ cố ép nài mãi, Thương bèn khiến con trai đi. Một lát tay không trở về. Thương nói : « Có sai chút nào đâu. » Vợ gạn hỏi : « Bác cả nói sao ? » Người con đáp : « Bác cả trù trừ, đưa mắt nhìn bác gái, bác gái bảo con : Thứ anh em ở riêng, cơm nhà ai nấy ăn, chớ làm thế nào lo mãi cho nhau được. »

Hai vợ chồng chẳng nói gì cả, dần dà đem bát rạn chõng hư đi đổi lấy chút đỉnh tấm mằn để sống qua ngày.

Trong xóm có ba bốn kẻ thanh niên hung ác, dòm thấy anh cả giàu có thừa thãi, ban đêm leo tường rào vào nhà.

Hai vợ chồng giật mình tỉnh giấc, đập bồn gõ chậu mà kêu tướng lên. Láng giềng ai nấy đều sẵn lòng ganh ghét, không một ma nào đến cứu viện. Bất đắc dĩ phải réo gọi người em. Thương nghe tiếng chị dâu gào thét, những muốn chạy sang tiếp cứu. Vợ ngăn lại, to tiếng nói vọng về phía chị dâu : « Thứ anh em ở riêng, họa nhà ai nấy chịu, khó làm thế nào lo mãi cho nhau được. »

Phút chốc lũ trộm phá được cửa cái, bắt hai vợ chồng người anh cả, buộc họ ôm lấy thanh sắt nung, họ kêu gào vô cùng thảm thiết. Thương nói : « Đá đành anh chị ấy là kẻ vô tình, nhưng lẽ đâu nỡ ngồi xem anh chết mà chẳng cứu hay sao ? » Bèn rủ con trai cùng trèo tường sang, quát nạt inh ỏi. Hai cha con vốn nổi tiếng gan dạ, người người đều khiếp. Với lại bọn trộm sợ làm kinh động thêm khiến cho người khác đến cứu viện, nên buồm đi mất. Coi lại anh chị, thấy hai bắp đùi đều bị phỏng, vực ngay lên giường, kêu kẻ ăn người ở tề tựu, rồi mới về.

Người anh cả tuy có bị thương, nhưng vàng ngọc lụa là không mất một thứ nào cả, bèn nói với vợ : « Bao nhiêu của cải còn lại giờ đây đều là chú nó cho đó. Tường nên chia cho chú nó mới phải. » Vợ phân trần : « Anh em nếu quả tốt bụng với nhau, thì mình đã chẳng đến nông nỗi nầy. » Thương nghe vậy làm thinh.

Gặp lúc trong nhà sạch nhẵn lương thực, Thương nói thầm chắc anh mình sẽ trả ơn. Nhưng lâu ngày tuyệt không nghe thấy tin gì cả. Vợ nén lòng chẳng được, sai con xách bị sang bên ấy, mượn được một táu gạo trở về. Vợ giận sao ít quá, định gởi trả, Thương ngăn lại không cho.

Hai tháng sau, cảnh túng quẫn càng thêm ngặt không tài nào kham nổi. Thương nói : « Nay thật chẳng còn kế gì mưu sanh được, chi bằng bán quách nhà cho anh ấy. Anh ấy sợ mình dời đi chỗ khác, biết đâu lại không nỡ thò tay cầm tờ văn tự, mà chạnh lòng thương xót mình chăng. Ví dầu anh ấy không một chút từ tâm, mình được số tiền mọn, cũng có thể sống vậy chớ. » Vợ đồng ý sai con đem văn khế sang nhà anh cả.

Người anh cả đem việc này nói cho vợ hay, mà rằng : « Chú nó dẫu bất nhân đi nữa, thì cũng là tay chân với nhau. Nếu chú nó dời đi chỗ khác, thì mình hóa ra lẻ loi, chi bằng gởi văn khế rại rồi ta châu cấp cho chú ấy. »

Vợ nói : « Nào có phải vậy đâu. Chú ấy dọa dời đi chỗ khác, chính là định bắt thóp ta đấy thôi. Làm theo lời mình nói, tức là mắc mưu chú ấy. Thế gian này những kẻ không anh em, dễ thường chết cả hay sao ? Để rồi mình sửa sang tường rào lại cho cao, giữ nhà bằng cách đó tưởng cũng kiên cố lắm rồi. Chi bằng ta hãy cất lấy tờ văn tự, tùy sở thích chú ấy muốn đi đâu thì cứ đi. Như thế mình có thể nới nhà mình cho rộng hơn. »

Bàn tính xong, mời Thương lại ký tên vào cuối văn tự, giao tiền rồi đi về.

Bấy giờ Thương mới di cư về thôn quê. Trong làng bọn vô lại nghe tin Thương đã dời chỗ ở, lại dở thủ đoạn uy hiếp như trước, chuyến này bắt được người anh cả, đánh đập đủ thứ, thảm

khốc đến cùng cực. Bao nhiêu của cải vàng bạc đều tuôn ra để chuộc mạng. Lúc sắp rút lui, lũ trộm còn mở lẫm lúa, gọi những người nghèo trong xóm đến tha hồ xúc thóc, khoảnh khắc là sạch nhẵn.

Hôm sau Thương mới hay tin, bèn chạy đến xem thì người anh đã mê man bất tỉnh, không nói chuyện được, mở mắt nhìn em, chỉ còn biết lấy tay sờ soạng trên chiếu mà thôi. Một lát tắt hơi.

Thương căm tức, đi thưa với trưởng ấp. Đầu đảng trộm trốn thoát, không tài nào lùng bắt được. Còn kẻ giựt thóc trên trăm người đều là dân nghèo trong làng, giam cấm họ cũng không nên tích sự gì.

Người anh cả để lại một cậu con trai mới năm tuổi. Nhà cửa nay đã sa sút, thường hay tìm đến ở với chú, luôn mấy hôm không chịu về. Mà hễ ép đưa về, thì nước mắt ròng ròng không ngớt. Vợ của Thương chẳng tỏ chút gì gọi là thiện cảm. Thương nói : « Ba má nó bất nghĩa, chớ nó là con có tội tình gì ? » Rồi đi mua vài cái bánh chưng, tự mình đưa nó về nhà.

Mấy hôm sau, lại giấu giếm vợ con, lén đem một táu thóc cho chị dâu, bảo là để nuôi con ; như thế thành ra thường lệ. Được mấy năm, gia đình anh cả bán ngôi nhà cũ, người chị dâu được món tiền đủ sức tự cấp, bấy giờ Thương mới không đến nữa.

Năm sau có nạn đói lớn, những kẻ không có ăn nhìn nhau mà chết đầy theo vệ đường. Thương vì miệng ăn trong nhà ngày một thêm đông, không thể lo cho ai khác được. Đứa cháu năm nay mười lăm tuổi, yếu đuối chưa làm nghề gì nổi, Thương kêu xách giỏ theo anh đi bán bánh phồng.

Một đêm nằm mộng thấy anh cả hiện về, sắc mặt thảm thương, khẽ nói : « Tôi vì quá nghe theo lời vợ, mà mất cả tình nghĩa anh em. Chú không nhớ hiềm xưa, thật khiến cho tôi xấu hổ bội phần. Ngôi nhà cũ đã bán đó, nay vẫn còn bỏ không ; chú nên thuê mà ở. Khoảnh đất hoang sau nhà, có một cái hầm chôn vàng. Đào lên, có thể chất thành đống nhỏ. Nhớ bắt con tôi theo ở chung, còn cái người đàn bà già mồm kia, tôi oán ghét vô cùng, chớ đếm xỉa tới làm chi. »

Sực tỉnh dậy, thật lấy làm lạ. Mang một số tiền to để dễ xiêu lòng chủ nhà, nên mướn được. Quả nhiên đào lấy được năm trăm lượng vàng (37,301g × 500 = 18650,5g = 18,650kg). Từ đó bỏ nghề hèn, cho các con ra chợ mở cửa hàng.

Người cháu rất thông minh, làm sổ sách không bao giờ sai lầm, lại có tính ngay thật. Phàm xuất nhập dù một xu nhỏ cũng trình cho chú rõ. Thương càng yêu mến. Một hôm hỏi xin gạo cho mẹ mà nước mắt rưng rưng. Vợ của Thương định bụng không cho. Thương cảm mến lòng hiếu thảo ấy, hằng tháng đem gạo cung cấp đều đều.

Mấy năm sau, nhà trở nên giàu có. Vợ người anh cả lâm bịnh rồi chết. Thương cũng đã già, bèn cho cháu ra ở riêng, chia hai tài sản, biếu cháu một nửa.

BỒ-TÙNG-LINH
(1640-1715)

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

Con mới bảo chú ấy rằng : « Em đã nghe lầm đấy. » Trong khi đó, cụ đồ Phương cứ đương cặp mục kính nhìn hai người về mặt đầy sự kinh kỳ ; cụ chẳng nói, chẳng rằng gì hết.

Quế-Cô hỏi thêm : « Thế, lúc đó, diện sắc của Mộc-Lan ra sao ? Cô ấy có biểu thị gì không ? »

« Dạ, thưa, mặt cô ấy cũng đỏ bừng, đỏ bại, nhưng cô ấy cũng cố gượng trả lời... Thưa, có lẽ cũng vì vậy mà ít lâu nay không thấy sang đây,... nhất định là tại thế đấy. »

Hai hôm sau thì cử hành bữa yến tiệc. Mộc-Lan cùng cô em và cậu Địch-Nhân đều đến đông đủ cả. Họ ăn uống rất vui vẻ và bàn về hành trình của Địch Nhân, về nước Anh và quân hạm của người ngoại quốc.

Cụ đồ Phương ngồi thủ vị, Địch-Nhân ngồi bên cụ. Cậu có vẻ dương dương đắc ý, cậu cười cười, nói nói, ra « phết » ta đây lắm. Người nào cũng chú thị ngắm bộ quần áo tây mới của cậu. Cụ đồ cũng phi thường vui vẻ, cụ đã uống khá nhiều rượu.

Man-Ni cố để ý xem cái đôi Mộc-Lan, Tân-A ra sao... họ có một thái độ rất tự nhiên ; nhưng, Tân-A có phần hoạt bát hơn mọi ngày. Cậu vui như mở cờ trong bụng và sự khoái lạc hiện lên nét mặt cậu, không ai không nhận thấy.

Các việc đều tiến hành một cách rất tiện lợi. Chỉ riêng có Ngân-Bình thì nay trở nên ít nói, ít cười, lúc nào cũng rầu rầu nét mặt.

Tới tuần lễ cuối tháng sáu, Phó-tiên-sinh ở Thiên-Tân trở về Kinh để chỉ bảo cho Địch-Nhân sắp soạn hành lý. Ông nhận, ông sẽ thân hành đi với Địch-Nhân tới Thiên-Tân, để đưa chân cậu xuống tận tầu. Ít lâu nay ông thân của cậu đối đãi với cậu có phần khá hơn, ôn hòa hơn trước nhiều ; thỉnh thoảng ông dẫn cậu đi chơi chỗ này, chỗ kia, và luôn luôn chuyện trò với cậu ; ông cũng nhân dịp khuyên nhủ cậu điều này, lẽ khác. Còn bà thân mẫu cậu thì luôn luôn sụt sùi, khóc lóc. Mỗi ngày bà sai nhà bếp làm đủ các món ngon cho cậu ăn. Trong những ngày đó, trong nhà lúc nào cũng rộn rịp. Nhiều

lúc bà thấy buồn bực, rầu rĩ, nhưng, bà không khỏi không mừng thầm rằng, chỉ nay mai có thể giải quyết được cái vấn đề Ngân-Bình. Quả tình bà vẫn không hiểu cái cô gái Ninh-Ba đó đã cho cậu con bà ăn bùa, ăn bả gì, mà để cho cậu trở thành mê muội đến mức đó. Bà lại trách bà sao lại không đề phòng ngay từ đầu, và để cho đến nỗi « quá mù ra mưa », để ngày nay bà phải hy sinh đến cái mực, bắt buộc phải gạt nước mắt để cho thằng con yêu dấu phải lìa cửa, lìa nhà, vượt trùng dương, và một thân, một mình đi tới tận góc bể, chân trời, nơi đất khách quê người !

Mấy hôm trước khi Địch-Nhân lên đường, Diêu-thái-thái mới sực nhớ tới cái món tóc bim của cậu. Bà bảo cậu đưa nó cho bà, để bà làm cái độn tóc, nhưng cậu đáp, cậu đã đưa tặng Ngân-Bình mất rồi. Bà tức uất lên, nhưng bà cố nén và bảo cậu : « Này con ạ ! Thôi, con cũng nên mau mau lên đường, đi mà học hành cho chóng thành đạt..... Mẹ cũng chẳng biết đến bao giờ con mới trở về, nhưng, mẹ cũng nên lòng chờ con, miễn là con nên người khá giả..... năm nay, con cũng đã lớn rồi, con phải châm lo mà lập chí..... Còn cái con Ngân-Bình, nó đã hầu hạ con, đối lại, con cũng đã đãi nó rất hậu ; việc đó, mẹ cũng không trách con ; có một điều, con phải nhớ rằng, nó chỉ là một con a hoàn, một người tôi tớ, nay mai, người nhà, nhà nó phải đem nó về, gả chồng cho nó..... »

Địch-Nhân nghe mẹ nói thế, có vẻ cáu kỉnh, đáp : « Vâng, thưa mẹ, nó dĩ nhiên là một người a hoàn, nhưng, nó cũng là người chứ !..... Con cũng chẳng rõ, ngày nào con sẽ về, nhưng con có dặn nó cứ đợi con ba năm, nếu hết ba năm, con không về, mẹ hãy gả chồng cho nó. Còn cái con chó săn của con, con đã giao cho nó trông nom, vậy trong khi con đi vắng, con chó đó thuộc về nó. »

Bà rất đỗi kinh ngạc khi nghe cậu nói thế.

« Con ơi ! chết chửa, con đi xa để du học, mà sao con lại còn để hết cả tâm tư vào một đứa con gái, là nghĩa làm sao ? »

« Con xin mẹ, mẹ cứ bằng lòng đi, khi con đi vắng, mẹ cứ giữ nó ở đây. » Địch-Nhân đáp như vậy.

Bà mẹ vẫn một mực là chiều con, bà phải ưng theo lời yêu sách của cậu. Nếu người nhà Ngân-Bình không lên mang nó về Nam, bà nhận, sẽ cứ để cho nó ở nhà.

Địch-Nhân mừng rỡ đi nói cho Ngân-Bình rõ cái tin đó, và bảo chị ta rằng : « Em cứ đợi anh..... và em phải nhớ rằng, anh là một người con trưởng, nếu em cùng anh chung sống với nhau, em không phải lo lắng một tí, một li nào cho ngày mai ; với cái gia sản của Diêu-gia này, cứ ngồi đấy mà ăn, cũng không bao giờ hết được ! »

Ngân-Bình, có khi nào dám ao ước tới như vậy. Trong mấy hôm ấy, chị cũng chẳng đau ốm ; chị ra công sửa soạn hành lý cho Địch-Nhân ; còn các việc khác ở trong nhà, chị nhất nhất không chịu mó tới việc gì, gọi là có.

Nội trong các tỳ nữ, chị, bây giờ, vào hạng lớn tuổi nhất, nên chị để

tâm trang điểm cho lúc nào cũng chỉnh tề, cũng mặt hoa, da phấn, và áo quần diêm dúa.

Sau khi nghe Địch-Nhân nói, chị vặn mạnh cái chìa khóa, cơ hồ như để điểm cái lời nói của cậu, rồi chị đi lại chỗ cái gương, vừa soi, vừa giơ tay vuốt mái tóc.

« Cậu nói thiệt hay cậu nói đùa tôi đấy ? » chị hỏi, rồi mỉm cười một cách cực duyên dáng. Tuy chị chỉ là một người a-hoàn, nhưng chị đã học được tất cả dáng dấp của một cô khuê nữ ; chị đã biết cậu rất ưa cái tư thái của một cô thiếu nữ, giơ tay vuốt mái tóc và đầu hơi cui cúi. Chị cố ý diễn đủ cái dáng điệu ấy ra, và trong khi ấy, chị úp bàn tay lại, để cho các móng tay bôi đỏ, nổi bật trên làn tóc mây óng mượt.

« Ở trên đời này, ai mà dám tin vào bụng dạ người đàn ông... Mình chỉ có thể tin được vào mình thôi... Nếu cậu thực là thành ý, em sẽ xin hết sức gìn vàng, giữ ngọc, trong khi cậu vắng nhà. »

Cậu đi đến sau lưng chị, chị quay đầu lại, giơ ngón tay trỏ, se sẽ ấn vào má cậu và nghiến rang, bảo cậu với một giọng đầy nhiệt tình :

« Rõ của oan gia ! »

Địch-Nhân lại hỏi : « Em nhất định đợi anh chứ ? »

Chị đáp : Việc đó rất dễ... Chỉ miễn là cậu đừng thay lòng, đổi dạ, thì không khi nào họ dám đuổi em ra khỏi cửa !... Mà, nếu nhỡ có bất hạnh xảy ra điều chẳng lành cho em, đến nước cùng, thì cũng còn có một phương pháp, đó là một thác cho rồi ngày xanh ! »

Cậu vội nói to : « Em đừng có nói dại ! Em không được chết, em phải sống để chờ anh về, để chúng ta cùng nhau an hưởng sự giầu sang, chứ. »

Ngân-Bình nói : « ô ! ai có thể liệu trước được cái chết... ai mà chẳng chết, sớm hay muộn, ai cũng một lần mà thôi ; nhưng có điều, mỗi cái chết một khác, tất cả, là ở cái giá trị của cái chết... Chết đi, mà còn có được một giọt nước mắt để thương tiếc mình, em bảo đó là cái chết có giá trị ; còn chết đi, mà chẳng có ma dại nào luyến tiếc xót thương, đó là cái chết vô vị ! »

« Gớm ! thôi, em đừng có nói tới cái chết làm gì... cho nó thêm đau lòng !... » Cậu nghe những lời gở mồm, gở miệng của chị, cậu rất hoảng sợ. « Mẹ anh đã bằng lòng và hứa, để em ở đây kia mà... Em đừng có nghĩ quẩn nữa... với lại, nghe một người con gái đẹp đẽ, trẻ trung, như em, nói mãi tới sự chết chóc, anh đau lòng xót dạ, anh chịu không nổi, em nghe chưa ? »

« Anh nói lạ, làm người, có sinh nhất định có tử chứ ; có xum họp, phải có chia ly !... » Ngân-Bình cãi như vậy và nói tiếp : « Phải, anh không thích một người con gái nói tới chết chóc, nhưng anh có phải là đàn bà, con gái đâu, mà anh hiểu được cái cảnh tình đó... anh có biết không ? cái sinh mệnh của một người con gái, có là cái quái gì, đối với cái sinh mệnh của một người con trai ! Bởi vậy, đàn bà con gái có thể chết, một cách rất dễ dàng, anh hiểu chưa ? »

Địch-Nhân nghe bấy nhiêu lời, không khỏi không đau đớn, khổ sở. Cậu bảo : « Nếu có cần phải chết, để hai đứa

chúng mình cùng chết với nhau, như thế, chẳng còn có chia lia với xum họp gì nữa... ta sẽ ở bên nhau, yên yên, ổn ổn, mãi mãi, không còn thương nhớ, buồn thảm gì cả nữa. »

Thiệt tình, Ngân-Bình nói đến cái chết đây chẳng qua chỉ là để dọa cậu ta vì cái lối đó, ai còn lạ gì nó là một mánh khóe mà các chị a hoàn vẫn dùng một cách rất thông thường để trói buộc người tình một khi người đó đã mắc vào cạm bẫy của họ, chứ trong thâm tâm của chị chẳng có đời nào chị muốn chết một cách dễ dàng cả, vì, một người muốn « với cao » như chị, là một người rất ham sống. Chị đưa mắt nhìn cậu, nghe chừng thấy cậu nhường đã xiêu xiêu, mềm lòng, chị liền đến bên cậu, hai tay ôm lấy cổ cậu và thỏ thẻ nói : « Chỉ miễn là cậu thực tâm yêu em, em thề xin sống trọn đời với cậu... Cho dẫu ở hoàn cảnh nào, cho dẫu cực khổ đến đâu đi nữa, em cũng không đi tìm cái chết... Nhưng mà cậu đừng có đi lâu quá, vì, việc đời thay đổi, ai mà lường được ? Cậu đi xa vắng, nhỡ xảy ra điều gì thì lấy ai là người trông nom bênh vực em ! »

Địch-Nhân làm ra bộ như không nghe thấy những lời chị vừa nói. Cậu ngồi sang bên cái ghế đầu rồi bảo chị : « Có lẽ em nói rất đúng, có hợp tất có ly, có sinh tất có tử, ừ, nếu chết chóc và chia lia là dĩ nhiên, thì việc gì mà còn cứ lôi thôi, cố nèo lấy sống và xum họp làm gì nhỉ?... Anh thì anh cho là hão chuyện cả !... »

Ngân-Bình không hiểu cậu sẽ muốn đi tới đâu. Chị vội nói : « Không, em không muốn chết đâu, em không chết đâu... cậu đã yên tâm mãn ý chưa nào ? »

Địch-Nhân cứ theo đuổi ý nghĩ của mình, cậu nói : « Ai mà hiểu được bụng dạ người đàn bà con gái... anh vẫn lấy làm kỳ quái, tại sao trên đời này lại có người đàn bà ? »

Ngân-Bình nghe bấy nhiêu lời của cậu, cứ ngồi ngây người ra mà nhìn cậu... cậu lại sắp sửa nói ra hàng giờ một mớ những lời kỳ quái, nó làm cho chị chẳng còn hiểu đầu đuôi ra sao ; lần này không phải là lần đầu ; đã từ lâu, cậu vẫn có cái tật triết lý lẩn quẩn đó ; mà mỗi lần chị phải nghe, là chị cũng bị nhức đầu, choáng óc.

Cậu nói tiếp : « Con trai, con gái, chẳng qua, chỉ khác nhau có mỗi một tí ở trong thân thể ấy thế mà, chỉ vì có thế mà sinh ra biết bao nhiêu là chuyện phiền não... cứ lấy ngay chính em với Cầm-Nhi, Nhũ-Hương và Thúy-Hà mà biện luận, tất cả đều thông minh và có một dáng người cũng dễ coi, chẳng kém gì tôi đây. Cho dẫu tôi là chủ nhân đi nữa, mà nay mai, Ngân-Bình có muốn đi lấy chồng, tôi cũng chẳng can thiệp nổi... Thiệt, tôi không thể nào hiểu rõ cái cuộc sống này, nó là thế nào ? Có nhiều lúc, tôi tự bảo tôi : nếu ví dụ, các chị a-hoàn kia, sinh ra là chủ nhân, mà tôi với A-Phi và hai cô em tôi, đều là người đầy tớ, tôi chắc sự sinh hoạt cũng không khác gì, mà tôi cũng sẽ nhận lấy số phận đó, một cách rất tự nhiên ; đã vậy, còn làm sao mà hiểu được, ai là người được hưởng phúc. Em cứ thử nghĩ mà xem, như cha tôi, chẳng hạn, cha tôi giàu có nứt đố, nổ vách, tiền của như núi, như non, và có bao nhiêu người làm công cho cha tôi, ở các cửa hiệu của cha tôi, có tới ngót hai chục người làm, ngày ngày,

họ mở cửa, đóng cửa, lúc nào cũng ngọt ngào, vui vẻ chào đãi các khách hàng, họ đi mua thức này, thức khác, gửi đơn hàng đi, thu tiền, đòi nợ về ; thế rồi, hàng trăm người khác, phải đi các nơi, để buôn cất, nào lá chè, nào vị thuốc, rồi đóng thành kiện, thành bì, để gửi về các chi điếm. Ấy thế mà, chúng ta, ở cái nhà này, chỉ ngồi đấy mà ăn, mà uống, mà chơi, mà « tọa hưởng kỳ thành », còn bao nhiêu kẻ khác, phải đem sức lực, đem bồ hôi, để làm công cho Diêu-gia. Ở trong nhà nhà họ Diêu cái số đàn bà, con gái, trội hẳn số đàn ông, con trai ; mẹ tôi này, San-Thư này, Mộc-Lan này, Mạc-Sầu này, các vú già này và các chị a-hoàn này, thế có phải rõ dành dành rằng, mấy trăm gã đàn ông, con trai, vật lực ra làm, để cho một lũ đàn bà, con gái, ăn nhưng, ngồi rồi, và hưởng lạc, không ? Có phải đúng là bọn đàn ông chúng tôi toàn là nô lệ của các người không ? Ấy, cũng vì thế, mà tôi chẳng muốn làm gì cả, tôi chỉ tiêu tiền thôi ; lại cũng vì thế, mà cha tôi cũng đùn hết các công việc cho các người làm công, làm, và cha tôi cũng chẳng buồn làm gì cả. Tôi đi cái chuyến này, tôi sẽ tiêu thật nhiều tiền cho mà coi : nào sắm rương, sắm quần áo, mua vé tầu, ở trọ lữ quán ; tôi đi sang Anh-quốc, gọi là đi du học, nhưng kỳ thực, là để tiêu tiền cho sướng tay ! Lắm lúc tôi tự nghĩ, có lẽ tôi phải đánh đổi cái địa vị của tôi cho em, và tôi phải đem sức lực, bồ hôi, để đổi lấy bát cơm ăn, thế mới thật là cao thượng. Ừ, nếu tôi là đầy tớ của em, mà em là cô chủ của tôi, tôi sẽ dọn rương, xếp áo quần, gói hành lý cho em, để em đi du lịch, liệu em có bằng lòng đổi địa vị cho tôi không, nào ? »

Ngân-Bình cứ đờ người ra, không trả lời được. Mãi một lát sau, chị mới nói : « Ừ, ừ ! Thu xếp áo quần, gói hành lý, chính là công việc của đàn bà, con gái chứ ! Còn đi du lịch, mới đúng là công việc của đàn ông, con trai, chứ lại... Địa vị của người nào thì người ấy hưởng, đổi thế nào được, cậu chỉ nói dở hơi thôi ! » Tuy chị cũng chẳng hiểu rõ, cậu nói, mô tê, những gì ; nhưng nghe, nó cũng hay hay, là lạ, và rất thú vị. Xưa nay vẫn thế, lúc cậu ấy vui vẻ, dở cái trò anh hùng rơm ra, với đủ thứ đao to, búa lớn ra cậu ấy nói rất khéo, nên nghe thiệt là bùi tai, khoái trí !

Sau khi Địch-Nhân đi khỏi, Ngân-Bình mới ngồi một mình, nghĩ lan man đến các việc. Chị tự nhận thấy, mình vốn là một đứa con gái con nhà nghèo khó, vô sở y ỷ, mà đã tốt phước, được đến ở cái gia đình giầu có, sang trọng này, đó là một điều mà xưa kia, chị không hề bao giờ dám mơ tưởng tới.

Giả sử, những lời cậu ấy nói lúc nẫy mà đúng, thì lo gì mà chị ấy chẳng làm bà chủ của cái gia đình này, và chị ấy sẽ, cùng với « cái ông trưởng đó », ngồi « giãi thẻ » ra, mà hưởng dụng tất cả cái tài sản kếch sù này ! Nhưng, khốn một nỗi, cái miệng chén, hãy còn cách xa cái cặp môi quá, chị ơi !

★

Tất cả hành lý đã thu xếp gọn gàng cả ; cái đêm hôm, trước bữa lên

đường của Địch-Nhân, Diêu thái-thái mới nhận chân rằng, đứa con yêu dấu nhất đời của bà, nó nhất định dời nhà, đi xa, mà nó đi phen này, chửa biết mấy năm, nó mới về.

Tuy ông Diêu-Tư-An cũng vẫn ít khi chuyện trò với con, nhưng, xem ra, ông rất hòa nhã đối với cậu.

A-Phi luôn luôn quấn quýt bên ông anh cả. Ít lâu nay, cậu mới nhận thấy cậu đã trở thành một nhân vật quan trọng trong gia đình, nên đối xử với A-Phi, cũng như với hai cô em, cậu ra vẻ một ông anh lắm, cái gì cũng ra phết, chứ không tẹp nhẹp như trước.

Vừa ăn cơm tối xong, bà mẹ cậu đã lại, nước mắt ngắn, nước mắt dài. Ông thân cậu phải tìm lời an ủi bà : « Ứ, ừ... bà hay nhỉ ! Con nó xuất dương, để đi du học, đó là một việc đáng vui, đáng mừng, chứ, sao bà lại cứ giọt dài giọt ngắn thế !

Bà đành nuốt nước mắt đáp :

« Tôi vẫn biết thế đấy, nhưng không thế nào cầm lòng cho đậu... thứ nhất, từ khi lọt lòng, đến giờ, nào nó đã xa nhà, xa cửa bao giờ đâu ? Nó thì mới có một tí tuổi đầu ! »

Tất cả nhà đều tụ họp cả ở phòng của Diêu-thái-thái. Diêu tiên-sinh đương hút thuốc bào, bằng cái điếu đồng.

Ông gọi con bảo, bằng một giọng rất ôn tồn : «Địch-Nhân ! Cái chuyến xuất dương này, tốn phí, dư một vạn bạc đấy ! Tốn thế, chứ tốn nữa, cũng không hề chi ; tiêu tiền vào một việc có ích, không khi nào cha giới ý, cha chỉ hi vọng con nên người. Con là con trưởng, nếu con noi theo đúng được con đường chính, đấy là một cái phúc khí cho gia đình ; trái lại, nếu con bước vào con đường tà, đó sẽ là một việc đại bất hạnh cho gia đình !... Học giỏi, đỗ đạt, là tùy ý con, nhưng cái điều cốt yếu là con phải làm làm sao cho thành một người, cho ra người... Con phải nhớ lấy hai câu này làm lòng :

« Thế sự đỗng minh giai học vấn,
« Nhân tình luyện đạt tức văn chương».

Hiểu thấu rõ ràng việc đời, đó đã là học vấn rồi đấy ; mà, có lịch duyệt và thông đạt được nhân tình, đó tức cũng là văn chương vậy. Sau khi học thành tài, nếu con ưng ý, cha sẽ cho phép con đi du lịch khắp các nước ở âu châu, để con biết rõ tình hình ở các xứ văn minh, tân tiến đó. Con phải cố mà sửa đổi cho bằng được, cái tính si tưởng của con đi, và chớ nên để lãng phí mất trí lực vào những cái vô dụng !... Con thử nghĩ xem, nếu nhà cậu con của Khổng thái-thái, mà có được một cơ hội đi lưu học như cái cơ hội của con, thì nhất định nhà cậu ta sẽ lợi dụng được nó tới một mực nào ! »

Bà mẹ cậu nói : « Còn một việc này nữa... Con phải nhớ, con chớ có dan díu với một người con gái ngoại quốc nào, mẹ không thể nào nhận được làm nàng dâu, một cô gái ngoại quốc đâu... Chúng ta là người Trung-quốc, tất cả lễ tiết của ta, khác hẳn lễ tiết của họ... Thế mà, con đến đâu, phải lập tức viết thơ về ngay. »

Mộc-Lan nhận thấy bà mẹ đã sắp sửa lại sụt sùi, khóc lóc, nên cô vừa cười vừa nói với anh:

« À, anh ạ, trong thơ, anh nhớ cho cả nhà biết rõ, có cái nước gì gọi là nước « răng nho » không nhá ? » « Răng nho » nguyên do là chữ Portugal phiên âm ra chữ Hán, thành « Bồ - đào - nha », bồ đào là quả nho, mà nha là răng. Nghe đâu, Thái-hậu Từ-Hi nhất định không tin rằng, lại có một quốc gia có một cái tên khôi hài như vậy. Thế rồi, có một hôm, viên sứ thần của nước đó đến triều kiến thái hậu, nhưng thái hậu vẫn cứ không tin, mà bảo, nếu có nước « răng nho », thì sẽ có cả nước « răng đậu », nước « răng tre » hay sao ?

Thân-Mẫu Mộc-Lan cũng phải bật buồn cười.

Địch-Nhân cũng pha trò nói : « Được rồi, để anh đi xe hỏa từ Luân-Đôn đến Bồ-đào-nha, rồi từ Bồ-đào-nha anh sẽ viết thư về cho em. »

Cả nhà đều vui vẻ, trong một bầu không khí thanh bình, an lạc, cha mẹ với lũ con cái, anh em, với chị em, người người, đều ái luyến nhau, lòng lòng đều cởi mở, nhưng, rồi từ đó về sau, Diêu-gia không khi nào còn có được cái cảnh vui tươi, thắm thiết, ấy nữa.

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG

HẾT CHƯƠNG XIV

★

ĐÍNH CHÁNH

— Xin các bạn sửa giùm những lỗi dưới đây :
Trong bài « **Nước suối trường xuân** » (B.K. số 53) : Các tên, *Killigren* xin đọc **Killigrew** trang 70 cột 2 dòng 13 : Buồn phiền *vị* thế sự xin đọc : **vì** thế sự ; trang 71 cột 2 dòng 20 : gọt *rửa* tinh vi xin đọc gọt **rũa** tinh vi ; trang 72 cột 1 dòng 6 bình *yểm* khí xin đọc : **yếm** khí ; trang 74 cột 2 dòng 34 : đủ để *biếu* xin đọc **biến** ; trang 75 cột 1 dòng 7 như bóng *đèn* xin đọc như bóng **đêm** ; cùng trang cột 2 dòng 1 : ... đang *rộng* tai xin đọc đang **rỏng** tai.

Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới :

Tòa soạn BÁCH-KHOA

160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160

— SAIGON —

KÍNH GỞI

Các bạn yêu văn thơ

Một số sách có giá trị về văn thơ, xuất bản cách đây hai ba chục năm, ngoài một vài bạn may mắn lắm còn giữ được, hiện nay không còn kiếm đâu ra được nữa. Chúng tôi muốn đánh máy rồi quay ronéo hai bộ chứa nhiều tài liệu cần thiết cho chúng tôi tức bộ **Thi nhân Việt-Nam** của *Hoài-Thanh* và *Hoài-Chân*, và bộ **Văn đàn bảo giám** của *nhà Nam-Ký*. Muốn cho phí tổn được nhẹ, chúng tôi định rủ thêm một số bạn yêu văn thơ, nhiều lắm là một trăm bạn. Tòa soạn « Bách-Khoa » sẽ lãnh việc đánh máy, in rồi đóng thành sách. (1) Tất nhiên là Tòa soạn không lấy lời. Phí tổn sẽ chia đều cho mỗi bạn. Nếu có được 100 bạn thì bộ « **Thi nhân Việt-Nam** » (dày 400 trang chữ in) sẽ tốn khoảng 150$. Những bạn nào muốn thì xin ghi tên ở tòa soạn « Bách-Khoa ». Đủ số 100 bạn, thì chúng tôi khóa sổ và bắt tay ngay vào việc.

Một số người yêu văn nghệ tại Thủ-đô

---

(1) Làm thế này, cũng như ta chép lại nhiều bản chia cho bạn bè, để dùng riêng, thì chúng ta chẳng bị ai làm phiền cả.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— **Bách-Khoa vừa nhận được :**
Thơ (Ngô-Thái-Dương) Trong đêm (Hương-quy) Bàn chân sỏi đá ; Dòng sông (Hoàng-Trúc-Linh) Thơ (Băng-Đình) Vào mưa (Tâm-Đạm) Chuyện lạ trong làng báo (Nguyễn-Đường) Thơ (Nguyễn-Bá-Thuận) Bạt cánh giang hồ, Hương thơ — Nàng thơ (Phan-Hiền-Đức) Đắng hay ngọt (Lưu-Trọng Hương-Thu) Tâm sự (Phan-Minh-Hồng) Tình bạn đôi nơi (Thích-Thiện-Tâm) Thuở lâm hành (Duy-Lan) Hồn rơi (Trần-Tuấn-Kiệt).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

— **Những bài không đăng :** Vô đề — Lẻ bóng — Biệt ly — Cuồng loạn (T.N) Tuyệt vọng — Thu (Hải-Ba PVT). Buồn nhớ chị — Yêu — Từ giã (L.Q) Cảm khúc ngâm — Mẹ tôi (V.G.)

Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Ô. **Lê-Hùng K. B. C. 4671** : Đã nhận được « Một lời », « Phấn » « Giữa hôm nay ». Rất cảm ơn. Sẽ xin trả lời sau.

Anh Nguyễn-Phan-An : Đã nhận được « Thi sĩ Việt-Nam Hiện Đại : Tân Phương ». Trân trọng cảm ơn anh.

Ô. **Phạm-Văn-Triết** : Đã nhận được các bài của ông. Cảm ơn ông lắm. Rất tiếc không đăng được hai bài thơ và Bách-Khoa không có mục « Nụ cười nước ngoài. »

Ông Hương-Quy Đinh-Văn-Quý : Đa tạ thịnh tình của ông đối với Bách-Khoa. Chúng tôi sẽ cố gắng để cải tiến phần văn nghệ theo như đề nghị của ông.

Ô. **Sơn-Nguyên** : Chúng tôi đã nhận được các sáng tác của ông. Cảm ơn ông lắm.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

Các bản nhạc : « **Ca khúc yêu đời** » của *Hoài-An* và *Huyền-Linh* — « **Hương đời tươi đẹp** » của *Hoàng Trọng* « **Tình anh lính chiến** » của *Lam-Phương* — « **Đường xưa lối cũ** » của *Hoàng-Thi-Thơ* — « **Về dưới mái nhà** » của *Xuân-Tiên* và *Y-Vân*, do nhà « *Tinh hoa miền Nam* » xuất bản và gửi tặng.

Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản « *Tinh hoa miền Nam* » và ân cần giới thiệu cùng các bạn yêu nhạc.

*

— **Luyện thi Tiểu học và đệ thất** của *G.S. Từ-Phát*, do tác giả gửi tặng. Sách soạn công phu gồm các đề thi chánh tả, luận văn, toán, rất lợi cho học sinh tự luyện. Sách dày 190 trang giá 35$.

— **Giảng luận về Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu**, sách luyện thi Trung học đệ nhất và đệ nhị cấp của *G.S. Bùi-Giáng*, do nhà xuất bản *Tân-Việt* gửi tặng. Sách chia làm ba phần :

— Tổng luận và tiểu sử
— Bình giảng các bài thơ hay
— Phần Thực tập, gồm năm bài luận mẫu và một Phần phụ lục.

« **Giảng luận về Tản Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu** » là tập sách giáo khoa soạn công phu đầy đủ, học sinh nhờ đó hiểu rõ thân thế, sự nghiệp của nhà thi sĩ tài hoa và chắc chắn thu thập được nhiều kết quả trong các kỳ thi. Sách trình bày mỹ thuật, dày 300 trang, giá 70$00.

— « **Nghìn lẻ một đêm** » tập chuyện cổ Á-Rập do **Quách-Tấn** thuật. Tác giả đã chú trọng đến cốt và ý nghĩa câu truyện, bỏ bớt những phần rườm rà nhưng không vì thế mà mất những chi tiết lý thú, đặc sắc của « *Nghìn lẻ một đêm* ».

Sách trình bày giản dị, dày 164 trang giá 38$00.

— **Khảo luận về Đoạn trường Tân-Thanh** của *Doãn-Quốc-Sĩ và Việt-Tử* do nhà *Nam-Sơn* xuất bản và gửi tặng. Tập sách giáo khoa soạn công phu, gồm nhiều tài liệu cần thiết cho các thí sinh thi Trung học đệ nhất cấp và Tú tài. Sách dày 120 trang, giá 20$.

— **3 tập thơ, của Mai-Lâm** *Đoàn-Văn-Thăng* do tác giả gửi tặng :

— Thơ sấm Truyền (Thánh Vịnh quyền nhất) giá 25$
— Ngôi sao lạ (giá 12$)
— Bảy Thánh Vịnh Thống Hối (giá 3$).

— **Đại học số 8**, tháng 3 - 1959, của Viện Đại học Huế gồm nhiều bài giá trị, dày 180 trang, giá 20$.

— Truyện dài của *Nhật-Tiến* : « **Những người áo trắng** » do nhà xuất bản *Huyền-Trân* phát hành, tác giả gửi tặng. Sách dày 124 trang giá 28$.

Bách-Khoa xin trân trọng cám ơn các tác giả, nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

Mồng 1 và 15 mỗi tháng Bạn tìm đọc

Giáo-Dục Phổ-Thông

— Một tập-san Văn-học có nhiều bài khảo-cứu công-phu.

— Một tập-san Văn-nghệ có nhiều sáng tác hấp dẫn và lành mạnh.

Do ông PHẠM-QUANG-LỘC *chủ trương*

với sự cộng tác của :

— Bình-Nguyên-Lộc
— Châu-Hải-Kỳ
— Duy-Liên
— Định-Giang
— Giang-Tân
— Hoài-Khanh
— Hồ-Nam
— Kiêm-Đạt
— Khổng-Xuân-Thu
— Kim-Tuấn
— Lê-Thanh-Thái
— Lê-Thành-Nhân
— Nguyễn-Hiến-Lê
— Nguiễn-Ngu-Í
— Nguyễn-Minh
— Nguyễn-Văn-Thanh
— Phan-Minh-Hồng
— Thạch-Trung-Giả
— Triều-Đẩu
— Tân-Loan-Kiều
— Trúc-Liên
— Tường-Linh
— Thanh-Thương-Hoàng
— Uyên-Thao
— Võ-Liệu
— Võ-Phiến
— Vũ-Anh-Tuấn
— Vũ-Đằng
— Yã-Học và Trinh-Nguiên.

— Giá bán mỗi số : 8$

— Một năm (24 số) : 180$

— Bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kế — Saigon

— Tiền bạc và ngân phiếu, xin đề tên : **Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.**
8 Ngô-Đức-Kế — Saigon.

Hãng COLUMBIA FILMS tại VIỆT-NAM

23, đường Gia-Long — Đ. T. : Saigon 418

Trân trọng giới thiệu cùng quí vị những xuất phẩm bất hủ sắp được trình bày trên màn bạc :

BEN BOOK & CANDLE (*L'adorable voisine*) Technicolor	James Stewart — Kim Novak
AND GOD CREATED WOMAN (*Et Dieu créa la femme*) Technicolor — Cinémascope	Brigitte Bardot — Curd Jurgens
THIS ANGRY AGE (*Barrage contre le Pacifique*) Technicolor — Technirama	Silvana Mangano — Anthony Perkins, Richard Conte
THE NIGHT HEAVEN FELL (*Les Bijoutiers du clair de lune*) Technicolor — Cinémascope	Brigitte Bardot — Stephen Boyd
THE KEY (*La Clé*) Cinémascope	William Holden — Sophia Loren, Trevor Howard

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ

SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

Đồng hồ Mỹ TIMEX

Đúng Chắc Đẹp

Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại

VIỆT-NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ-NGHỆ

ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sàigòn

Adresse Tél. LOSSEIC

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE

« SAIGON — GARAGE »

Angle des Bds Nguyên-Huê et Lê-Loi — SAIGON

Tél N° 20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions
SIMCA
STUDEBAKER
Motos et Scooters
BIANCHI
RUMI
DEPARTEMENT FROID
Installation
Réparations
Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)
Tracteurs forestiers
Tracteurs agricoles
Bulldozers
Groupes électrogènes
Groupes marins
Moteurs hors-bord

Atelier de réparations
Station Service
Pièces détachées d'origine
Pneumatiques «MICHELIN»
Moteurs marins
Groupes électrogènes

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

METRO GOLDWYN MAYER, distributeurs des films, M.G.M. — FOX — R.K.O. est heureuse de vous présenter pour le mois d'Avril 1959 :

A CHACUN SON DESTIN	avec	Wendell Corey, Mickey Rooney, Don Taylor, Nicole Maurey
LA CHATTE SUR UN TOIT BRULANT		Elisabeth Taylor, Paul Newman, Burl Ives.
BERNARDINE		Pat Boone, Terry Moore
LE BAL DES MAUDITS		Marlon Brando, Montgomery Clift, Dean Martin, Hope Lange May Britt, Barbara Rush.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ

Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm

Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon *Đ.T. : 23529*

HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thinh
SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và
làm hệ-thống điện.

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

AIP 57

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU **« HERMÈS »**

ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SỈ VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O.
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

Công-Ty Đường Việt-Nam

Sản-xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG:

* **Đường miếng lọc**
* **Đường cát trắng tinh**
* **Đường cát trắng ngà**
* **Đường cát trắng Hiệp-Hòa**

II. — CÁC LOẠI RƯỢU:

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI:

— Các tiệm tạp hóa
— Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
— Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS
PRODUITS CHIMIQUES
FILMS AMATEURS
FILMS AVIATION
FILMS ARTS GRAPHIQUES
FILMS RADIOGRAPHIQUES
FILMS CINEMA PROFESSIONNELS
FILMS POUR DOCUMENTS
PAPIERS POUR DOCUMENTS
BANDES MAGNETIQUES

INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Golden Club

Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIEM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 – 23.913

Gipsy

một loại xe hai đít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, đầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :
— chạy bằng essence, giá phỏng định mỗi chiếc : **136.000$.**
— chạy bằng diesel, » » » » : **156.000$.**

Qui ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe nầy, xin do nơi :

SOCIETE DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

MAERSK LINE

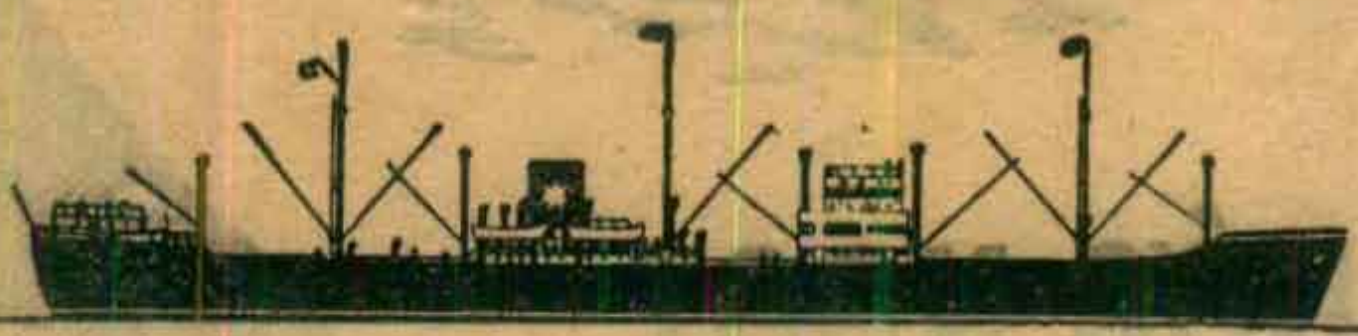

A. P. Moller
8, Kongens Nytorv
COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM
PLANTATIONS DES TERRES ROUGES
236, Duong Cong-Ly — Saigon
Tél. : 20,338 - 39 - 40

NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TINH-KHIẾT
- BỔ-DƯỠNG

Nhà Sach KHAI-TRI

CIGARETTES

MÉLIA

MITAC

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA

百科雜誌

Nhà Sach KHAI-TRI
82, Đại-lộ Lê-Lợi, SAIGON

TÒA SOẠN:
160, Phan-đình-Phùng — Saigon
Giây nói: 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-hưng-Đạo — SAIGON